

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1651	THV.A02190	Trần Thị Lý	12/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	4.00	5.25	4.75	14.00	14.00	
1652	THV.A02191	Võ Thị Lý	08/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.75	3.00	1.50	5.25	5.50	
1653	THV.A02192	Hà Văn Lý	06/09/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	3.75	5.25	3.00	12.00	12.00	
1654	THV.A02193	Trần Thị Tuyết	06/10/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	403	2.25	4.25	3.50	10.00	10.00	
1655	THV.A02196	Nguyễn Thanh Mai	17/04/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	0.25	3.25	2.50	6.00	6.00	
1656	THV.A02197	Quản Thị Mai	01/02/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	403	1.00	4.25	2.50	7.75	8.00	
1657	THV.A02198	Trịnh Thuý Mai	14/10/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	402	2.00	4.00	2.75	8.75	9.00	
1658	THV.A02199	Nguyễn Quỳnh Mai	14/05/90	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	403	0.00	3.50	2.00	5.50	5.50	
1659	THV.A02200	Lê Thị Mai	24/03/91	Nữ	Huyện Thường Tín		2NT		4.50	7.75	4.00	16.25	16.50	
1660	THV.A02201	Nguyễn Thanh Mai	04/04/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	4.25	5.50	2.00	11.75	12.00	
1661	THV.A02202	Nguyễn Thị Ngọc Mai	13/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.25	4.50	3.00	9.75	10.00	
1662	THV.A02204	Nguyễn Thị Mai	05/01/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	403	1.75	5.75	2.00	9.50	9.50	
1663	THV.A02205	Nguyễn Phương Mai	20/01/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	402	2.00	4.00	1.25	7.25	7.50	
1664	THV.A02206	Nguyễn Thị Mai	23/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.25	5.75	1.50	9.50	9.50	
1665	THV.A02207	Nhạc Quỳnh Mai	19/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	6.00	3.75	2.00	11.75	12.00	
1666	THV.A02208	Trần Thị Tuyết Mai	08/08/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	3.75	4.00	3.00	10.75	11.00	
1667	THV.A02209	Trương Thị Thanh Mai	06/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	2.75	5.00	3.00	10.75	11.00	
1668	THV.A02210	Triệu Tuyết Mai	12/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	1.25	3.00	1.50	5.75	6.00	
1669	THV.A02211	Nguyễn Thị Mai	07/12/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	0.25	2.00	2.75	5.00	5.00	
1670	THV.A02212	Nguyễn Kim Mai	09/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	101	4.75	5.50	3.00	13.25	13.50	
1671	THV.A02213	Nguyễn Thị Ngọc Mai	08/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
1672	THV.A02215	Nguyễn Thị Phương Mai	14/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
1673	THV.A02217	Lê Thị Mai	31/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	3.50	4.00	2.75	10.25	10.50	
1674	THV.A02219	Nguyễn Thị Hương Mai	10/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	3.00	6.50	2.75	12.25	12.50	
1675	THV.A02221	Dương Văn Mai	06/03/90		Huyện Tân Sơn	01	1	101	1.25	4.25	2.00	7.50	7.50	
1676	THV.A02222	Đỗ Thị Mai	06/02/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	403	2.00	5.25	3.25	10.50	10.50	
1677	THV.A02223	Trần Thị Mai	01/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.50	3.75	1.50	7.75	8.00	
1678	THV.A02226	Đặng Thị Mai	18/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	2.50	4.50	3.00	10.00	10.00	
1679	THV.A02227	Lê Kiều Mai	06/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	103	0.75	3.50	3.75	8.00	8.00	
1680	THV.A02229	Lê Thị Mai	07/01/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	102	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
1681	THV.A02230	Vũ Thị Mai	06/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	1.00	3.25	1.75	6.00	6.00	
1682	THV.A02231	Đặng Ngọc Mai	03/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.25	4.50	2.00	8.75	9.00	
1683	THV.A02232	Hoàng Thị Quỳnh Mai	15/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	1.25	4.50	2.75	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1684	THV.A02233	Trần Thị Tuyết	Mai	22/01/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	4.75	6.50	4.00	15.25	15.50	
1685	THV.A02234	Nguyễn Thị	Mai	05/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	4.25	3.00	7.75	8.00	
1686	THV.A02235	Đông Thị Thanh	Mai	23/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.75	3.00	3.00	8.75	9.00	
1687	THV.A02236	Nguyễn Thị	Mai	17/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	401	2.50	5.50	2.50	10.50	10.50	
1688	THV.A02237	Nguyễn Thị Phương	Mai	16/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	101	4.50	2.75	2.00	9.25	9.50	
1689	THV.A02238	Lê Thị Tuyết	Mai	04/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.25	4.50	3.50	11.25	11.50	
1690	THV.A02240	Nguyễn Thanh	Mai	10/02/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	4.75	8.25	4.25	17.25	17.50	
1691	THV.A02241	Nguyễn Thị	Mai	11/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		0.00	2.00	1.75	3.75	4.00	
1692	THV.A02242	Trương Thị	Mai	01/12/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	1.50	3.50	1.75	6.75	7.00	
1693	THV.A02243	Nguyễn Thị	Mai	12/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	102	2.25	6.00	2.25	10.50	10.50	
1694	THV.A02244	Phan Thị Nguyệt	Mai	01/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	1.50	2.75	1.75	6.00	6.00	
1695	THV.A02246	Nguyễn Thị Thanh	Mai	02/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	3.00	4.00	3.25	10.25	10.50	
1696	THV.A02248	Trần Xuân	Mạnh	24/02/91		Huyện Lâm Thao		1	103	1.50	2.50	1.75	5.75	6.00	
1697	THV.A02249	Nguyễn Tiến	Mạnh	17/08/91		Huyện Thanh Ba		1	101	3.50	7.00	3.50	14.00	14.00	
1698	THV.A02250	Nguyễn Văn	Mạnh	24/03/91		Huyện Thanh Ba		2	101	3.25	4.25	4.50	12.00	12.00	
1699	THV.A02252	Nguyễn Đức	Mạnh	27/10/89		Huyện Lập Thạch	03	1	103	0.00	2.25	1.50	3.75	4.00	
1700	THV.A02253	Hà Quang	Mạnh	11/06/90		Huyện Thanh Sơn	01	1		1.75	3.25	3.50	8.50	8.50	
1701	THV.A02254	Nguyễn Xuân	Mạnh	25/10/91		Huyện Lâm Thao		1	904	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
1702	THV.A02255	Phùng Đức	Mạnh	16/12/91		TP. Việt Trì		2	403	0.50	2.50	3.50	6.50	6.50	
1703	THV.A02256	Trần Xuân	Mạnh	09/11/91		Huyện Yên Bình	06	1	403	1.25	3.00	2.25	6.50	6.50	
1704	THV.A02257	Nguyễn Tiến	Mạnh	16/01/91		Huyện Cẩm Khê		2NT		2.75	5.75	1.75	10.25	10.50	
1705	THV.A02259	Dương Tiến	Mạnh	25/01/91		Huyện Lục Yên		1	101	2.50	5.50	1.50	9.50	9.50	
1706	THV.A02262	Nguyễn Văn	Mạnh	15/02/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	2.50	3.75	2.50	8.75	9.00	
1707	THV.A02263	Đông Thị Giang	Mây	13/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.75	4.50	4.00	10.25	10.50	
1708	THV.A02264	Đỗ Thị	Mây	21/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
1709	THV.A02265	Đặng Thị	Mây	26/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	3.50	3.50	1.75	8.75	9.00	
1710	THV.A02266	Đào Quang	Mẫn	06/04/91		TP. Việt Trì		2	403	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
1711	THV.A02267	Nguyễn Thị	Mậ	27/03/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	1.50	2.50	2.50	6.50	6.50	
1712	THV.A02268	Đỗ Thị Thanh	Mến	21/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.00	4.00	2.50	8.50	8.50	
1713	THV.A02269	Trần Thị	Mến	26/03/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	402	1.75	4.25	2.75	8.75	9.00	
1714	THV.A02270	Nguyễn Thị Hồng	Mến	18/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.75	3.25	2.50	8.50	8.50	
1715	THV.A02271	Hoàng Thị	Mến	07/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	1.75	4.25	1.75	7.75	8.00	
1716	THV.A02272	Bùi Thị	Mến	05/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.00	4.50	1.75	7.25	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1717	THV.A02273	Hoàng Thị Kim	Mến	05/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.75	5.00	3.00	9.75	10.00	
1718	THV.A02275	Dương Thị	Mến	03/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1719	THV.A02276	Nguyễn Thị Trà	Mi	31/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
1720	THV.A02278	Đình Thị Hà	Mi	13/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1		0.00	3.75	3.00	6.75	7.00	
1721	THV.A02279	Nguyễn Thị	Miễn	23/08/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	0.50	3.00	3.50	7.00	7.00	
1722	THV.A02280	Nguyễn Thị	Minh	13/03/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	06	1	402	3.25	5.00	3.00	11.25	11.50	
1723	THV.A02282	Phạm Thuý	Minh	02/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.25	4.50	2.75	8.50	8.50	
1724	THV.A02283	Vũ Thị Tuyết	Minh	28/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
1725	THV.A02284	Dương Thị	Minh	22/02/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên	01	2NT	402	0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
1726	THV.A02286	Nguyễn Thị	Minh	02/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	103	1.50	3.25	2.50	7.25	7.50	
1727	THV.A02287	Đặng Ngọc	Minh	04/11/91		Huyện Yên Bình		1	103	0.00	3.00	2.00	5.00	5.00	
1728	THV.A02288	Nguyễn Văn	Minh	30/11/91		Thị xã Phúc Yên		2	103	3.50	7.75	2.25	13.50	13.50	
1729	THV.A02290	Đặng Văn	Minh	08/10/82		Thị xã Phú Thọ	03	2	402	4.50	6.25	4.00	14.75	15.00	
1730	THV.A02291	Nguyễn Thị Thanh	Minh	08/10/91	Nữ	TP. Việt Trì	03	2		2.25	4.50	2.75	9.50	9.50	
1731	THV.A02292	Đặng Văn	Minh	16/04/91		Huyện Yên Lập		1	103	2.75	5.00	2.75	10.50	10.50	
1732	THV.A02294	Nguyễn Thị Kim	Minh	02/11/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	101	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
1733	THV.A02295	Dương Văn	Minh	05/11/90		Huyện Hạ Hoà		1	403	1.50	2.75	2.50	6.75	7.00	
1734	THV.A02296	Hà Văn	Minh	06/11/91		TP. Việt Trì		2	103	7.25	8.50	4.75	20.50	20.50	
1735	THV.A02297	Đỗ Văn	Minh	25/10/91		Huyện Lập Thạch		1	103	3.50	3.50	2.50	9.50	9.50	
1736	THV.A02300	Nguyễn Văn	Minh	19/01/91		Huyện Lập Thạch		1	101	5.75	3.75	4.75	14.25	14.50	
1737	THV.A02301	Phạm Thị	Minh	14/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	402	2.25	4.00	2.75	9.00	9.00	
1738	THV.A02304	Ngô Bình	Minh	26/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	103	0.50	2.25	2.50	5.25	5.50	
1739	THV.A02305	Triệu Thị	Mĩ	03/08/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	403	0.25	3.00	2.00	5.25	5.50	
1740	THV.A02306	Phạm Thị	Mơ	06/10/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.75	4.25	2.25	8.25	8.50	
1741	THV.A02307	Nguyễn Thị	Mơ	19/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.50	2.75	2.50	7.75	8.00	
1742	THV.A02308	Nguyễn Anh	Mùi	04/07/91		TP. Việt Trì		2	401	2.50	3.50	2.25	8.25	8.50	
1743	THV.A02309	Vũ Thị	Mùi	14/01/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.00	2.50	2.50	7.00	7.00	
1744	THV.A02310	Vi Thị	Mùi	19/08/90	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		0.75	3.25	2.00	6.00	6.00	
1745	THV.A02311	Trần Văn	Mùi	27/04/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	5.50	8.00	6.50	20.00	20.00	
1746	THV.A02312	Hoàng Thị	Mùi	10/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	0.75	3.50	3.75	8.00	8.00	
1747	THV.A02313	Hoàng Thị	Mùi	08/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	102	3.75	6.75	2.00	12.50	12.50	
1748	THV.A02314	Cao Thị	Mùi	28/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	2.25	4.50	3.25	10.00	10.00	
1749	THV.A02315	Nguyễn Thị	Mùi	17/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	0.75	1.75	2.00	4.50	4.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1750	THV.A02316	Đỗ Thị	Mùi	18/04/91	Nữ	Huyện Yên Khánh		1	401	0.50	2.75	0.75	4.00	4.00	
1751	THV.A02317	Nguyễn Văn	Mùi	16/05/91		Huyện Phù Ninh		1	403	0.00	3.25	3.00	6.25	6.50	
1752	THV.A02318	Nguyễn Văn	Mùi	27/06/91		Huyện Lập Thạch		1	306	0.50	3.00	2.25	5.75	6.00	
1753	THV.A02320	Ngô Thị	Mùi	26/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.00	3.00	3.50	7.50	7.50	
1754	THV.A02321	Vũ Thị Dáng	My	15/01/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	0.25	3.25	2.25	5.75	6.00	
1755	THV.A02322	Phùng Kim	My	11/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	102	2.25	4.00	2.25	8.50	8.50	
1756	THV.A02324	Trần Thị Hà	My	31/12/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
1757	THV.A02325	Nguyễn Hà	My	25/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.25	2.75	1.75	4.75	5.00	
1758	THV.A02327	Nguyễn Thị	Mỹ	13/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	904	2.00	3.00	2.00	7.00	7.00	
1759	THV.A02328	Đình Thị Kim	Mỹ	18/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		0.25	2.25	1.75	4.25	4.50	
1760	THV.A02329	Trần Thị	Mỹ	24/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	2.25	3.50	1.50	7.25	7.50	
1761	THV.A02330	Nguyễn Thị	Mỹ	29/07/91	Nữ	Huyện Ba Vì	06	2NT	102	3.00	5.50	2.50	11.00	11.00	
1762	THV.A02336	Trương Văn	Nam	15/10/91		Huyện Yên Sơn	01	1	101	1.00	2.25	2.50	5.75	6.00	
1763	THV.A02338	Lê Hoài	Nam	16/06/90		Thị xã Phú Thọ		2		0.00	3.50	1.00	4.50	4.50	
1764	THV.A02339	Bùi Xuân	Nam	20/12/89		Huyện Thanh Ba		1	102	0.75	4.25	3.00	8.00	8.00	
1765	THV.A02340	Hoàng Văn	Nam	15/02/89		Huyện Mường Khương	01	1		0.50	2.75	3.00	6.25	6.50	
1766	THV.A02341	Hoàng Thị	Nam	20/03/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1	102	1.75	4.50	3.00	9.25	9.50	
1767	THV.A02342	Nguyễn Văn	Nam	06/12/91		Huyện Yên Sơn		1	103	0.00	2.50	1.50	4.00	4.00	
1768	THV.A02343	Phạm Văn	Nam	16/01/91		TP. Việt Trì		2	306	0.00	1.25	2.25	3.50	3.50	
1769	THV.A02344	Nguyễn Thành	Nam	07/01/91		Huyện Lục Yên		1	103	2.50	3.50	1.75	7.75	8.00	
1770	THV.A02347	Nguyễn Văn	Nam	04/07/91		Huyện Lâm Thao		1		2.00	3.75	2.50	8.25	8.50	
1771	THV.A02349	Cao Phương	Nam	12/11/91		TP. Việt Trì		2	401	2.75	3.75	1.50	8.00	8.00	
1772	THV.A02350	Tạ Giang	Nam	26/06/91		TP. Việt Trì		1		0.00	1.75	2.50	4.25	4.50	
1773	THV.A02354	Nguyễn Tiến	Nam	29/12/91		Thị xã Phú Thọ		2		1.00	3.00	2.00	6.00	6.00	
1774	THV.A02355	Đình Anh	Nam	07/09/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	401	3.00	5.00	3.00	11.00	11.00	
1775	THV.A02356	Đỗ Hoài	Nam	11/08/91		Huyện Yên Lập		1	103	1.50	5.50	2.50	9.50	9.50	
1776	THV.A02357	Kiều Việt	Nam	01/03/91	Nữ	Huyện Nho Quan		1	403	2.00	3.50	3.00	8.50	8.50	
1777	THV.A02358	Lê Đình	Nam	10/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
1778	THV.A02361	Nguyễn Ngọc	Nam	20/04/90		Huyện Hạ Hoà		1	103	0.00	3.50	1.50	5.00	5.00	
1779	THV.A02363	Nguyễn Như	Nam	24/07/91		Huyện Thanh Sơn		1	101	3.00	6.00	3.50	12.50	12.50	
1780	THV.A02364	Phạm Hồng	Nam	01/07/91		Huyện Lâm Thao		1		2.25	4.50	1.75	8.50	8.50	
1781	THV.A02366	Đỗ Thanh	Nam	03/12/89		Huyện Thanh Thủy		1	101	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1782	THV.A02368	Trần Xuân	Nam	04/11/91		Thị xã Phú Thọ		2	102	3.75	5.25	4.50	13.50	13.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1783	THV.A02369	Đỗ Trung	Nam	23/01/91		Huyện Phù Ninh		2NT	403	1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
1784	THV.A02370	Lại Văn	Nam	25/05/90		Huyện Lâm Thao		1	402	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1785	THV.A02371	Nguyễn Thành	Nam	21/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	401	2.00	2.50	2.25	6.75	7.00	
1786	THV.A02372	Vũ Tiến	Nam	08/07/91		Huyện Lập Thạch		1	305	0.75	2.75	3.00	6.50	6.50	
1787	THV.A02373	Cao Trọng	Nam	10/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	103	2.00	3.50	3.00	8.50	8.50	
1788	THV.A02375	Phùng Thị	Nam	15/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1789	THV.A02376	Nguyễn Thị	Nam	26/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.00	4.00	2.75	6.75	7.00	
1790	THV.A02377	Nguyễn Thị	Nam	16/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	3.50	4.50	2.00	10.00	10.00	
1791	THV.A02378	Nguyễn Quỳnh	Nga	23/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	402	1.75	3.50	2.00	7.25	7.50	
1792	THV.A02380	Phạm Thị	Nga	25/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	4.00	3.00	8.00	8.00	
1793	THV.A02382	Nguyễn Thị Hằng	Nga	04/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.00	4.00	1.75	7.75	8.00	
1794	THV.A02383	Mê Thị Thục	Nga	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		1.50	4.75	3.00	9.25	9.50	
1795	THV.A02384	Nguyễn Thị Thuý	Nga	02/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
1796	THV.A02385	Trần Thị Phương	Nga	30/09/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	2.25	3.25	3.25	8.75	9.00	
1797	THV.A02386	Nguyễn Thị Thanh	Nga	15/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	2.25	4.50	2.25	9.00	9.00	
1798	THV.A02387	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	06/01/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	0.50	2.50	1.25	4.25	4.50	
1799	THV.A02391	Vũ Hằng	Nga	24/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	0.75	2.50	3.50	6.75	7.00	
1800	THV.A02392	Nguyễn Thị	Nga	07/01/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
1801	THV.A02393	Nguyễn Thị	Nga	26/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.00	3.25	3.00	7.25	7.50	
1802	THV.A02394	Ngô Thị Thuý	Nga	18/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	
1803	THV.A02395	Đặng Thị	Nga	14/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.75	3.75	2.00	6.50	6.50	
1804	THV.A02396	Hoàng Hằng	Nga	01/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
1805	THV.A02397	Nguyễn Thị Thúy	Nga	02/04/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1		0.25	3.25	2.50	6.00	6.00	
1806	THV.A02398	Nguyễn Thanh	Nga	10/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	2.25	6.25	3.25	11.75	12.00	
1807	THV.A02399	Nguyễn Thị	Nga	28/08/89	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	0.00	3.50	2.50	6.00	6.00	
1808	THV.A02401	Nguyễn Thị Quỳnh	Nga	03/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	1.25	2.00	4.00	4.00	
1809	THV.A02402	Mai Thị	Nga	30/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	401	2.25	5.25	3.25	10.75	11.00	
1810	THV.A02403	Đỗ Thị	Nga	26/08/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	1.00	1.75	1.50	4.25	4.50	
1811	THV.A02404	Chu Hồng	Nga	06/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	1.25	3.75	2.75	7.75	8.00	
1812	THV.A02405	Đào Thị Thuý	Nga	10/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		5.50	8.50	3.00	17.00	17.00	
1813	THV.A02407	Hoàng Thị Nguyệt	Nga	18/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.25	3.00	1.50	6.75	7.00	
1814	THV.A02408	Nguyễn Thị	Nga	20/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
1815	THV.A02410	Đặng Thị	Nga	10/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1816	THV.A02412	Trần Thị Hằng	Nga	22/09/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	306	3.00	3.50	3.50	10.00	10.00
1817	THV.A02413	Nguyễn Thị Thanh	Nga	12/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	0.75	3.75	2.25	6.75	7.00
1818	THV.A02414	Vi Thị Thùy	Nga	16/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	0.50	3.50	2.00	6.00	6.00
1819	THV.A02415	Trần Thị Hồng	Nga	17/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.50	3.00	2.25	6.75	7.00
1820	THV.A02416	Đào Phương Quỳnh	Nga	04/08/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	4.25	5.00	3.00	12.25	12.50
1821	THV.A02417	Trương Thị Thúy	Nga	25/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	2.50	3.75	3.50	9.75	10.00
1822	THV.A02418	Bùi Thị Thanh	Nga	20/05/90	Nữ	Huyện Nông Cống		2NT		1.50	3.75	1.75	7.00	7.00
1823	THV.A02420	Hoàng Thị	Ngát	13/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50
1824	THV.A02421	Nguyễn Thị	Ngà	30/11/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	402	1.00	2.50	2.75	6.25	6.50
1825	THV.A02422	Nguyễn Thị	Ngà	26/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	7.25	4.75	3.75	15.75	16.00
1826	THV.A02424	Nguyễn Thị	Ngà	26/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	402	4.25	4.75	2.50	11.50	11.50
1827	THV.A02426	Vũ Văn	Ngân	01/02/91		Huyện Bắc Hà		1	306	1.75	3.00	2.50	7.25	7.50
1828	THV.A02427	Hà Thị Kim	Ngân	25/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	1.25	4.50	1.75	7.50	7.50
1829	THV.A02430	Lê Thị Hằng	Ngân	28/01/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	1.75	5.00	2.50	9.25	9.50
1830	THV.A02431	Nguyễn Thị Thuý	Ngân	31/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	5.75	6.50	4.25	16.50	16.50
1831	THV.A02432	Nguyễn Thị	Ngân	17/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	103	1.50	3.00	3.50	8.00	8.00
1832	THV.A02434	Đỗ Thị	Ngân	19/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	102	2.00	4.00	3.25	9.25	9.50
1833	THV.A02436	Lý Thị	Ngân	05/11/90	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	102	5.75	6.50	3.25	15.50	15.50
1834	THV.A02437	Trần Thị Kim	Ngân	27/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	402	1.25	3.75	2.50	7.50	7.50
1835	THV.A02438	Trần Thị	Ngân	11/04/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	402	1.50	4.50	2.50	8.50	8.50
1836	THV.A02441	Trịnh Thị Kim	Ngân	05/05/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	0.00	2.50	3.00	5.50	5.50
1837	THV.A02442	Phùng Thị Tuyết	Ngân	11/04/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	401	1.00	3.75	1.50	6.25	6.50
1838	THV.A02443	Nguyễn Thị	Ngân	12/03/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	0.25	3.50	2.50	6.25	6.50
1839	THV.A02444	Dương Thị	Ngân	04/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	04	1	103	3.25	5.00	2.75	11.00	11.00
1840	THV.A02445	Trương Thị Thuý	Ngân	20/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	5.25	5.75	2.50	13.50	13.50
1841	THV.A02447	Đoàn Thị Thu	Ngân	28/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00
1842	THV.A02449	Mai Kim	Ngân	14/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	4.00	8.00	4.00	16.00	16.00
1843	THV.A02450	Phạm Thị Hồng	Ngân	05/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	5.50	7.50	3.00	16.00	16.00
1844	THV.A02451	Đặng Thị Trang	Ngân	02/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	102	2.25	5.00	4.50	11.75	12.00
1845	THV.A02453	Ninh Thị Kim	Ngân	20/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.00	5.50	3.75	11.25	11.50
1846	THV.A02454	Cao Thị	Ngân	20/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.50	4.50	2.75	7.75	8.00
1847	THV.A02455	Trần Thị	Ngân	21/12/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	1.25	3.75	1.50	6.50	6.50
1848	THV.A02457	Nguyễn Kim	Ngân	01/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2	403	1.25	4.25	3.75	9.25	9.50

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1849	THV.A02460	Tạ Thị Thuý Ngân	01/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	103	2.75	3.50	2.25	8.50	8.50	
1850	THV.A02461	Nguyễn Thị Thu	16/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		1.25	3.00	2.25	6.50	6.50	
1851	THV.A02462	Ngô Thị Thuý Ngân	28/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		0.50	4.25	2.50	7.25	7.50	
1852	THV.A02463	Nguyễn Thị Ngân	01/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.00	3.50	1.50	6.00	6.00	
1853	THV.A02465	Trần Đức Nghiêm	02/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	403	2.00	4.00	3.00	9.00	9.00	
1854	THV.A02466	Nguyễn Trung Nghĩa	18/06/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	401	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
1855	THV.A02468	Nguyễn Khắc Nghĩa	22/04/90		Huyện Đoan Hùng		1	401	2.75	4.75	2.25	9.75	10.00	
1856	THV.A02470	Trần Đức Nghĩa	01/01/89		Thị xã Phú Thọ		2	403	0.00	4.00	1.00	5.00	5.00	
1857	THV.A02471	Nguyễn Chính Nghĩa	14/11/91		Huyện Lâm Thao		2NT		1.50	4.00	2.50	8.00	8.00	
1858	THV.A02472	Nguyễn Đức Nghị	21/06/91		Huyện Tân Sơn		1		1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
1859	THV.A02473	Hoàng Hữu Nghị	23/06/91		Huyện Thanh Ba		2	402	2.00	5.50	2.00	9.50	9.50	
1860	THV.A02474	Vũ Thị Ngoan	13/10/89	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT		1.50	4.75	3.00	9.25	9.50	
1861	THV.A02475	Nguyễn Thị Ngoan	27/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.75	3.75	2.25	8.75	9.00	
1862	THV.A02477	Triệu Văn Ngộ	27/08/90		Huyện Lục Yên	01	1	403	1.25	3.00	1.50	5.75	6.00	
1863	THV.A02479	Mai Bích Ngọc	25/07/90	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	0.75	1.50	2.50	4.75	5.00	
1864	THV.A02480	Nguyễn Hồng Ngọc	15/10/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	402	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
1865	THV.A02481	Bùi Bích Ngọc	04/02/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	403	0.75	4.00	2.50	7.25	7.50	
1866	THV.A02482	Nông Thị Hồng Ngọc	21/11/89	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	101	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
1867	THV.A02483	Hoàng Thị Ngọc	08/12/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	304	3.75	5.50	4.50	13.75	14.00	
1868	THV.A02487	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	3.00	4.50	3.50	11.00	11.00	
1869	THV.A02488	Lê Thị Ngọc	06/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
1870	THV.A02489	Vũ Thị Kim Ngọc	05/10/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	403	0.50	3.50	2.75	6.75	7.00	
1871	THV.A02491	Vũ Thị Bảo Ngọc	22/02/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	1.25	4.25	3.50	9.00	9.00	
1872	THV.A02493	Đỗ Bích Ngọc	18/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	7.75	4.25	3.25	15.25	15.50	
1873	THV.A02494	Nguyễn Xuân Ngọc	14/12/91		Huyện Thanh Ba	06	1	402	4.00	5.50	1.50	11.00	11.00	
1874	THV.A02495	Nguyễn Thị Bích Ngọc	21/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	3.00	2.50	2.00	7.50	7.50	
1875	THV.A02496	Nguyễn Phương Ngọc	12/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	7.00	7.50	5.50	20.00	20.00	
1876	THV.A02498	Đào Thị Bích Ngọc	18/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	2.50	4.00	2.25	8.75	9.00	
1877	THV.A02499	Nguyễn Văn Ngọc	20/02/91		Huyện Tam Nông		1		0.00	2.50	2.25	4.75	5.00	
1878	THV.A02501	Trương Thị Bích Ngọc	03/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.75	3.50	3.00	8.25	8.50	
1879	THV.A02502	Lê Văn Ngọc	09/12/91		TP. Việt Trì		2NT	103	3.50	6.00	3.75	13.25	13.50	
1880	THV.A02504	Lê Hải Ngọc	02/06/91		Huyện Thanh Sơn		2	403	3.25	5.25	3.25	11.75	12.00	
1881	THV.A02505	Lê Văn Ngọc	27/05/91		Huyện Tam Nông		1	401	1.00	3.25	1.75	6.00	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1882	THV.A02506	Bùi Bích	Ngọc	05/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	1.25	4.50	1.50	7.25	7.50	
1883	THV.A02507	Nguyễn Thị	Ngọc	21/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	2.50	3.50	3.25	9.25	9.50	
1884	THV.A02508	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	04/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.75	3.50	3.00	8.25	8.50	
1885	THV.A02509	Nguyễn Văn	Ngọc	03/08/91		Thị xã Phú Thọ		2	403	0.75	2.00	1.75	4.50	4.50	
1886	THV.A02510	Nguyễn Hữu	Ngọc	12/07/90		Huyện Tam Nông		1	401	4.25	6.50	2.50	13.25	13.50	
1887	THV.A02514	Vi Thị	Ngọc	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	103	2.25	4.00	1.50	7.75	8.00	
1888	THV.A02515	Nguyễn Duy	Ngọc	08/12/91		Huyện Thanh Ba		1	402	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
1889	THV.A02516	Phạm Thị Như	Ngọc	21/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.75	4.75	3.00	10.50	10.50	
1890	THV.A02517	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc	24/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	103	0.50	3.25	2.50	6.25	6.50	
1891	THV.A02518	Trần Thị Bích	Ngọc	08/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		2.00	4.25	3.25	9.50	9.50	
1892	THV.A02519	Nguyễn Khắc	Ngọc	13/02/91		Huyện Phù Ninh		1	403	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
1893	THV.A02521	Phùng Thị Bích	Ngọc	17/12/90	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
1894	THV.A02522	Nguyễn Thị	Ngọc	06/09/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	403	2.25	4.50	3.25	10.00	10.00	
1895	THV.A02523	Khà Thị	Ngọc	06/05/91	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	904	0.75	3.50	2.00	6.25	6.50	
1896	THV.A02524	Nguyễn Thị	Ngọc	10/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	102	3.00	5.75	2.25	11.00	11.00	
1897	THV.A02529	Trần Trọng	Nguyễn	10/02/88		Huyện Đoan Hùng		1		0.25	3.25	3.50	7.00	7.00	
1898	THV.A02530	Nguyễn Thị	Nguyễn	20/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
1899	THV.A02531	Nguyễn Thị Bình	Nguyễn	16/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	1		0.75	3.50	2.00	6.25	6.50	
1900	THV.A02532	Trần Thị	Nguyễn	07/08/89	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	402	1.00	2.25	3.50	6.75	7.00	
1901	THV.A02533	Bùi Sỹ	Nguyễn	20/04/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	101	2.50	3.00	2.50	8.00	8.00	
1902	THV.A02534	Nguyễn Xuân	Nguyễn	01/10/91		TP. Việt Trì		2	401	1.00	4.50	3.25	8.75	9.00	
1903	THV.A02535	Đình Công	Nguyễn	02/03/90		Huyện Yên Lập	01	1	403	1.00	4.50	3.00	8.50	8.50	
1904	THV.A02536	Nguyễn Lê	Nguyễn	21/04/90		Huyện Tam Dương		2NT		2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
1905	THV.A02537	Trần Văn	Nguyễn	21/07/91		Huyện Trấn Yên		1	403	2.25	4.75	3.75	10.75	11.00	
1906	THV.A02538	Nguyễn Minh	Nguyệt	24/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
1907	THV.A02540	Vũ Thị	Nguyệt	04/08/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	6.75	7.25	4.00	18.00	18.00	
1908	THV.A02541	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	26/03/90	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	103	3.75	6.50	2.00	12.25	12.50	
1909	THV.A02542	Trần Thị Bích	Nguyệt	28/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	2.25	3.25	2.75	8.25	8.50	
1910	THV.A02545	Phạm Thị	Nguyệt	20/04/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.75	3.75	2.75	8.25	8.50	
1911	THV.A02546	Nguyễn Thị Mai	Nguyệt	20/05/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	102	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
1912	THV.A02547	Lê Thị ánh	Nguyệt	18/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2	403	1.25	4.00	3.25	8.50	8.50	
1913	THV.A02548	Nguyễn Thị	Nguyệt	19/01/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	101	1.75	3.25	2.50	7.50	7.50	
1914	THV.A02551	Bùi Thị ánh	Nguyệt	22/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	401	1.50	4.50	3.50	9.50	9.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1915	THV.A02553	Trần Thị ánh	Nguyệt	10/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	102	2.50	2.50	2.25	7.25	7.50	
1916	THV.A02554	Nguyễn Thị	Nguyệt	15/03/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
1917	THV.A02555	Vũ Thị	Nguyệt	02/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	3.50	4.50	3.50	11.50	11.50	
1918	THV.A02556	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	14/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	102	2.50	6.50	3.50	12.50	12.50	
1919	THV.A02557	Trần Thị	Nhàn	10/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
1920	THV.A02560	Phạm Thị Thanh	Nhàn	27/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.50	2.50	3.25	8.25	8.50	
1921	THV.A02561	Nguyễn Thu	Nhàn	25/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	2.25	6.00	2.25	10.50	10.50	
1922	THV.A02562	Đỗ Quý	Nhã	23/08/90		Huyện Lập Thạch		1	101	3.75	4.75	2.75	11.25	11.50	
1923	THV.A02563	Hoàng Thị	Nhạc	19/08/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	101	2.75	4.50	3.25	10.50	10.50	
1924	THV.A02566	Nguyễn Thị	Nhâm	16/03/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	102	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
1925	THV.A02567	Nguyễn Văn	Nhân	25/10/91		Huyện Nghĩa Hưng		2NT		2.75	5.75	4.50	13.00	13.00	
1926	THV.A02568	Nguyễn Văn	Nhất	20/11/90		Huyện Lâm Thao		1	306	1.00	5.50	2.50	9.00	9.00	
1927	THV.A02569	Nguyễn Duy	Nhất	10/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	101	1.25	3.25	2.25	6.75	7.00	
1928	THV.A02571	Hà Ngọc	Nhất	19/10/91		Huyện Yên Lập	01	1	103	0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
1929	THV.A02572	Trần Đại	Nhất	17/07/87		Huyện Lập Thạch		1	102	1.00	2.50	3.25	6.75	7.00	
1930	THV.A02573	Đình Thị	Nhân	28/09/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT		0.75	2.50	3.25	6.50	6.50	
1931	THV.A02574	Lê ánh	Nhật	19/12/90	Nữ	Huyện Yên Lập		2	402	0.00	2.50	3.00	5.50	5.50	
1932	THV.A02576	Cao Thị Bích	Nhiệm	01/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	2.75	3.75	1.75	8.25	8.50	
1933	THV.A02578	Hoàng Thị	Nhình	04/01/88	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	102	2.00	6.00	3.75	11.75	12.00	
1934	THV.A02579	Ma Thị	Nhinh	08/08/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1		0.75	2.00	2.00	4.75	5.00	
1935	THV.A02580	Chu Văn	Nho	20/04/91		Huyện Tam Nông		1	403	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1936	THV.A02581	Nguyễn Thị Hương	Nhu	27/04/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	306	1.75	5.00	2.50	9.25	9.50	
1937	THV.A02582	Nguyễn Khắc	Nhu	21/05/90		Huyện Na Hang	01	1	403	0.00	2.25	2.75	5.00	5.00	
1938	THV.A02583	Hoàng Thị	Nhung	03/04/87	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1	904	0.00	3.50	2.00	5.50	5.50	
1939	THV.A02584	Đỗ Thị Hồng	Nhung	09/11/91	Nữ	Huyện Phúc Thọ		2NT	904	2.00	4.75	1.75	8.50	8.50	
1940	THV.A02585	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/07/91	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	401	2.25	5.50	2.25	10.00	10.00	
1941	THV.A02586	Điền Thị	Nhung	01/07/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	401	2.50	6.75	3.00	12.25	12.50	
1942	THV.A02588	Nguyễn Hồng	Nhung	04/05/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên		1	101	3.25	4.25	1.50	9.00	9.00	
1943	THV.A02589	Nguyễn Thị Mai	Nhung	14/09/91	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1	102	0.75	3.75	2.00	6.50	6.50	
1944	THV.A02590	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/11/91	Nữ	Huyện Thường Tín		2NT	403	3.50	7.50	2.50	13.50	13.50	
1945	THV.A02591	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	16/09/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		3.00	3.50	3.50	10.00	10.00	
1946	THV.A02593	Mai Thị	Nhung	22/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	0.50	4.50	2.50	7.50	7.50	
1947	THV.A02594	Lê Thị	Nhung	16/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	2.50	6.50	3.50	12.50	12.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1948	THV.A02595	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	21/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.25	1.50	3.50	5.25	5.50	
1949	THV.A02596	Vũ Thị	Nhung	11/10/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	403	1.25	4.25	2.50	8.00	8.00	
1950	THV.A02597	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
1951	THV.A02598	Đình Thị Hồng	Nhung	29/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	1.50	2.25	2.75	6.50	6.50	
1952	THV.A02599	Vi Thị	Nhung	19/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	0.75	2.75	2.25	5.75	6.00	
1953	THV.A02600	Trần Thị	Nhung	16/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
1954	THV.A02601	Nguyễn Thị	Nhung	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
1955	THV.A02602	Trần Thị Hồng	Nhung	05/10/91	Nữ	Thành phố Yên Bái	06	1	403	1.25	4.50	1.00	6.75	7.00	
1956	THV.A02603	Phạm Thị Trang	Nhung	08/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	4.00	7.00	2.75	13.75	14.00	
1957	THV.A02604	Đào Thị Hồng	Nhung	02/03/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	403	0.75	2.00	1.75	4.50	4.50	
1958	THV.A02605	Trần Thị	Nhung	21/10/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	102	0.75	3.25	2.25	6.25	6.50	
1959	THV.A02606	Vũ Thị	Nhung	24/10/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	2.00	3.00	3.25	8.25	8.50	
1960	THV.A02607	Phạm Thị Hồng	Nhung	20/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.25	4.25	3.00	11.50	11.50	
1961	THV.A02608	Vũ Thị	Nhung	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	2.25	3.75	2.50	8.50	8.50	
1962	THV.A02609	Đỗ Hồng	Nhung	31/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
1963	THV.A02610	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	09/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		1.50	5.50	2.50	9.50	9.50	
1964	THV.A02611	Lê Thị Hồng	Nhung	13/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.75	2.00	1.00	4.75	5.00	
1965	THV.A02612	Nguyễn Thị	Nhung	15/01/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	0.00	3.25	2.50	5.75	6.00	
1966	THV.A02614	Trịnh Thị	Nhung	04/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	304	2.00	5.50	2.50	10.00	10.00	
1967	THV.A02615	Nguyễn Thị	Nhung	13/01/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1		1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
1968	THV.A02616	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	02/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.50	4.25	3.00	9.75	10.00	
1969	THV.A02617	Bùi Thị Kim	Nhung	19/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	1.75	4.00	3.50	9.25	9.50	
1970	THV.A02618	Nguyễn Thị	Nhung	09/06/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	403	1.00	5.50	3.50	10.00	10.00	
1971	THV.A02620	Đỗ Thị	Nhung	16/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.50	4.00	2.25	8.75	9.00	
1972	THV.A02621	Nguyễn Thị Tuyết	Nhung	13/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	0.50	4.50	3.50	8.50	8.50	
1973	THV.A02622	Lê Thị Ngọc	Nhung	03/08/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	3.00	4.75	7.00	14.75	15.00	
1974	THV.A02623	Trần Thị Tuyết	Nhung	19/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	103	2.25	3.25	2.25	7.75	8.00	
1975	THV.A02624	Nguyễn Hồng	Nhung	11/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	3.00	3.50	2.75	9.25	9.50	
1976	THV.A02627	Lương Thị	Nhung	04/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.75	4.00	3.50	8.25	8.50	
1977	THV.A02630	Hoàng Thị Hồng	Nhung	12/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	2NT	401	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	
1978	THV.A02631	Nguyễn Thảo	Nhung	11/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	304	2.00	4.00	1.50	7.50	7.50	
1979	THV.A02632	Đặng Thị	Nhung	10/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	3.50	1.25	5.50	5.50	
1980	THV.A02634	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	04/02/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	103	1.75	4.50	3.25	9.50	9.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1981	THV.A02636	Trần Thị Hồng Nhung	20/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		2.00	4.75	1.50	8.25	8.50	
1982	THV.A02638	Hạ Thị Nhung	05/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.00	3.00	3.00	7.00	7.00	
1983	THV.A02639	Hoàng Thị Hồng Nhung	01/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	3.00	4.75	2.75	10.50	10.50	
1984	THV.A02641	Nguyễn Thị Nhung	26/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
1985	THV.A02642	Phạm Thị Nhung	08/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	3.00	5.00	3.75	11.75	12.00	
1986	THV.A02643	Bùi Thị Nhung	20/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
1987	THV.A02644	Hoàng Thị Kim Nhung	01/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	402	2.75	5.00	3.25	11.00	11.00	
1988	THV.A02645	Doãn Thị Hồng Nhung	17/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	401	2.25	3.50	2.50	8.25	8.50	
1989	THV.A02647	Đỗ Thị Phương Nhung	20/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	401	2.75	2.75	3.25	8.75	9.00	
1990	THV.A02648	Hoàng Thị Hồng Nhung	27/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		2.25	4.00	2.25	8.50	8.50	
1991	THV.A02649	Tạ Thị Kim Nhung	01/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	4.75	4.75	3.00	12.50	12.50	
1992	THV.A02652	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	20/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.75	2.50	2.00	6.25	6.50	
1993	THV.A02654	Nguyễn Thị Hồng Nhung	08/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
1994	THV.A02656	Đặng Thị út Nhung	20/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.50	6.00	3.25	12.75	13.00	
1995	THV.A02657	Nguyễn Thị Hồng Nhung	02/11/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	403	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
1996	THV.A02659	Trần Thị Hồng Nhung	04/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	2.25	5.25	1.50	9.00	9.00	
1997	THV.A02660	Trần Thị Nhung	10/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	2NT	904	1.25	3.25	3.00	7.50	7.50	
1998	THV.A02661	Bùi Thị Hồng Nhung	29/07/91	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	103	2.00	5.00	2.50	9.50	9.50	
1999	THV.A02662	Hà Thị Nhung	25/10/91	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	904	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
2000	THV.A02663	Nguyễn Thị Tố Nhung	30/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	2.00	5.50	2.50	10.00	10.00	
2001	THV.A02664	Đinh Thị Hồng Nhung	16/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	403	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
2002	THV.A02665	Phùng Thị Nhung	27/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2		1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
2003	THV.A02666	Đặng Thị Thanh Nhung	17/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	402	1.25	4.00	2.25	7.50	7.50	
2004	THV.A02669	Lê Thị Nhung	26/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	1.25	2.25	2.75	6.25	6.50	
2005	THV.A02670	Nguyễn Thị Nhung	04/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	C66	3.25	4.75	3.00	11.00	11.00	
2006	THV.A02671	Nguyễn Văn Nhung	21/03/91		Huyện Bảo Yên		1		0.00	3.00	1.50	4.50	4.50	
2007	THV.A02673	Nguyễn Thị Thanh Nhung	05/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
2008	THV.A02674	Nguyễn Thị Thuý Nhung	17/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
2009	THV.A02675	Trần Thị Nhung	10/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		1.00	3.00	1.50	5.50	5.50	
2010	THV.A02676	Nguyễn Thị Hương Nhung	09/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
2011	THV.A02679	Nguyễn Thị Kim Nhung	30/06/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
2012	THV.A02681	Lê Thị Phương Nhung	04/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.00	3.00	2.00	6.00	6.00	
2013	THV.A02682	Nguyễn Kiều Nhung	01/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.75	4.25	1.50	8.50	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2014	THV.A02684	Lê Thị Kim	Oanh	16/11/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1		4.00	6.50	3.50	14.00	14.00	
2015	THV.A02685	Nguyễn Thị	Oanh	01/06/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	1.50	4.00	2.75	8.25	8.50	
2016	THV.A02687	Nguyễn Thị	Oanh	11/08/91	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		0.25	1.75	2.50	4.50	4.50	
2017	THV.A02688	Nông Thị	Oanh	16/06/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	102	0.25	2.25	2.00	4.50	4.50	
2018	THV.A02690	Đình Thị Thu	Oanh	07/12/91	Nữ	Huyện Phú Xuyên		2NT	904	3.00	5.25	3.75	12.00	12.00	
2019	THV.A02693	Trịnh Thị	Oanh	27/05/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	402	1.25	4.25	2.25	7.75	8.00	
2020	THV.A02694	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	14/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.00	5.25	2.75	10.00	10.00	
2021	THV.A02695	Lê Vũ Kiều	Oanh	29/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
2022	THV.A02696	Nguyễn Kim	Oanh	08/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	403	1.50	7.25	2.75	11.50	11.50	
2023	THV.A02697	Lê Thị Kim	Oanh	08/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
2024	THV.A02699	Hoàng Thị	Oanh	06/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	1	403	1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
2025	THV.A02700	Cao Thị	Oanh	28/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	2.00	4.25	3.50	9.75	10.00	
2026	THV.A02702	Nguyễn Thị Kim	Oanh	01/03/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		0.50	3.25	1.00	4.75	5.00	
2027	THV.A02703	Dương Thị Kiều	Oanh	01/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	0.75	3.25	3.00	7.00	7.00	
2028	THV.A02704	Nguyễn Thị	Oanh	02/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	3.25	2.00	2.50	7.75	8.00	
2029	THV.A02706	Nguyễn Thị Kim	Oanh	22/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		3.50	3.75	4.00	11.25	11.50	
2030	THV.A02707	Nguyễn Thị Vân	Oanh	08/01/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.25	3.25	2.50	8.00	8.00	
2031	THV.A02708	Nguyễn Thị Oanh	Oanh	28/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	101	7.00	5.25	2.50	14.75	15.00	
2032	THV.A02709	Trần Thị Yến	Oanh	26/11/89	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	304	1.75	2.50	2.50	6.75	7.00	
2033	THV.A02710	Nguyễn Thị Kim	Oanh	11/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	103	3.00	6.00	3.50	12.50	12.50	
2034	THV.A02711	Lê Thị Kiều	Oanh	30/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.00	1.75	2.00	3.75	4.00	
2035	THV.A02712	Đỗ Thị	Oánh	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	402	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
2036	THV.A02713	Nguyễn Thị	Oánh	14/02/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.25	4.25	3.00	9.50	9.50	
2037	THV.A02716	Vương Thị	Phán	02/02/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng	01	1		1.25	5.00	2.50	8.75	9.00	
2038	THV.A02717	Nguyễn Thị	Phấn	18/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.25	1.50	2.00	4.75	5.00	
2039	THV.A02718	Nguyễn Đoàn	Phê	04/08/91		Huyện Lâm Thao	01	1	103	1.75	4.00	2.50	8.25	8.50	
2040	THV.A02719	Đình Trường	Phi	14/03/90		Huyện Yên Lập	01	1		0.50	2.75	2.50	5.75	6.00	
2041	THV.A02721	Nguyễn Văn	Phi	28/12/89		Huyện Lập Thạch		1	102	1.50	4.50	3.50	9.50	9.50	
2042	THV.A02722	Nguyễn Đức	Phong	28/10/90		TP. Việt Trì		2	402	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
2043	THV.A02723	Lưu Hồng	Phong	11/11/89		Thị xã Phú Thọ		2	403	1.75	5.25	3.25	10.25	10.50	
2044	THV.A02729	Hoàng Trọng	Phú	30/12/91		Huyện Cẩm Khê		1	402	4.25	5.75	2.50	12.50	12.50	
2045	THV.A02730	Đỗ Quang	Phú	14/12/91		Huyện Lâm Thao		1	401	0.50	3.25	2.50	6.25	6.50	
2046	THV.A02731	Phạm Ngọc	Phú	10/01/91		Huyện Phù Ninh		2	402	1.00	4.50	2.00	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2047	THV.A02732	Phạm Thế	Phúc	25/05/89		Huyện Yên Lập	01	1	101	1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
2048	THV.A02733	Phạm Văn	Phúc	24/11/90		Huyện ứng Hoà		2NT	403	2.25	4.50	2.00	8.75	9.00	
2049	THV.A02734	Lê Thị	Phúc	11/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	4.50	1.50	7.00	7.00	
2050	THV.A02735	Nguyễn Thị	Phúc	17/08/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	904	0.75	3.50	1.75	6.00	6.00	
2051	THV.A02736	Nguyễn Thị	Phương	29/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	103	1.00	3.00	1.50	5.50	5.50	
2052	THV.A02737	Nguyễn Thị	Phương	17/02/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1		0.00	3.50	3.50	7.00	7.00	
2053	THV.A02738	Phạm Duy	Phương	20/09/91		Huyện Thanh Ba		2		1.50	4.25	2.25	8.00	8.00	
2054	THV.A02741	Trần Thanh	Phương	28/11/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	1.25	4.00	3.25	8.50	8.50	
2055	THV.A02742	Nguyễn Lan	Phương	11/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
2056	THV.A02743	Phạm Thị Thu	Phương	15/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.00	4.25	2.00	8.25	8.50	
2057	THV.A02746	Đỗ Thị	Phương	06/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		1.00	5.50	2.50	9.00	9.00	
2058	THV.A02747	Phạm Thu	Phương	11/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		2.75	5.75	3.50	12.00	12.00	
2059	THV.A02748	Đào Thị Bích	Phương	19/07/90	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1		0.50	4.00	2.00	6.50	6.50	
2060	THV.A02749	Lê Thu	Phương	02/08/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	1.50	1.25	3.25	6.00	6.00	
2061	THV.A02750	Trần Thị Minh	Phương	15/02/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	2		0.50	3.00	1.25	4.75	5.00	
2062	THV.A02751	Nguyễn Thị Thu	Phương	06/06/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		2.00	3.00	2.50	7.50	7.50	
2063	THV.A02754	Dương Thị Thu	Phương	18/07/90	Nữ	Huyện Yên Bình		1		1.00	4.75	1.50	7.25	7.50	
2064	THV.A02755	Phạm Duy	Phương	14/01/90		Thị xã Phú Thọ		1		1.50	2.50	3.50	7.50	7.50	
2065	THV.A02757	Lê Thị	Phương	10/12/91	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	401	0.75	4.00	4.00	8.75	9.00	
2066	THV.A02758	Vũ Thị Thu	Phương	07/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
2067	THV.A02759	Lê Thị	Phương	29/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	6.00	8.25	3.00	17.25	17.50	
2068	THV.A02760	Trần Văn	Phương	10/05/91		Huyện Bát Xát		1		1.25	4.75	2.25	8.25	8.50	
2069	THV.A02761	Chu Thị	Phương	10/09/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	04	1	102	3.50	6.50	3.25	13.25	13.50	
2070	THV.A02762	Cao Thị	Phương	12/10/89	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
2071	THV.A02763	Ngô Thị	Phương	14/04/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	403	1.00	3.25	2.75	7.00	7.00	
2072	THV.A02765	Lê Thu	Phương	02/11/91	Nữ	Huyện Mỹ Đức		2NT	102	3.25	6.25	4.75	14.25	14.50	
2073	THV.A02767	Nguyễn Thị Cúc	Phương	02/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	402	3.25	6.25	3.50	13.00	13.00	
2074	THV.A02768	Đình Thanh	Phương	20/08/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	101	5.00	6.25	5.25	16.50	16.50	
2075	THV.A02770	Nguyễn Thị	Phương	20/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		1.00	2.50	3.00	6.50	6.50	
2076	THV.A02771	Nguyễn Thị Thu	Phương	05/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê	06	1	402	2.50	4.00	1.75	8.25	8.50	
2077	THV.A02772	Đông Thị	Phương	06/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	0.00	1.75	1.75	3.50	3.50	
2078	THV.A02773	Cù Thị	Phương	16/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.25	2.25	2.50	6.00	6.00	
2079	THV.A02775	Nguyễn Thị	Phương	28/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	1.00	2.25	2.75	6.00	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2080	THV.A02776	Nguyễn Thị Phuong	25/04/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	101	1.00	3.00	1.75	5.75	6.00	
2081	THV.A02778	Nguyễn Thị Minh Phuong	10/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	6.00	4.50	2.00	12.50	12.50	
2082	THV.A02779	Nguyễn Thị Hà Phuong	29/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	401	2.00	2.50	2.25	6.75	7.00	
2083	THV.A02780	Nguyễn Thị Phuong	04/07/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	1.50	3.50	2.75	7.75	8.00	
2084	THV.A02781	Dương Thị Mai Phuong	28/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
2085	THV.A02782	Bùi Bích Phuong	04/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.25	2.00	1.50	4.75	5.00	
2086	THV.A02783	Lê Thị Phuong	09/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	2.00	4.75	1.75	8.50	8.50	
2087	THV.A02784	Nguyễn Thị Lan Phuong	12/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	1.25	4.00	3.25	8.50	8.50	
2088	THV.A02785	Bùi Thị Thu Phuong	11/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	1.75	3.25	2.50	7.50	7.50	
2089	THV.A02786	Nguyễn Thị Minh Phuong	02/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.25	2.75	3.00	10.00	10.00	
2090	THV.A02787	Đặng Thị Phuong	01/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	401	4.50	5.50	3.50	13.50	13.50	
2091	THV.A02789	Đỗ Thị Thu Phuong	03/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	401	1.50	2.75	2.75	7.00	7.00	
2092	THV.A02790	Nguyễn Thị Phuong	16/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.25	2.25	2.25	4.75	5.00	
2093	THV.A02791	Trần Thị Minh Phuong	15/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.75	4.00	3.50	9.25	9.50	
2094	THV.A02792	Đào Thị Phuong	10/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	401	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2095	THV.A02793	Đoàn Thị Phuong	26/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.50	2.50	3.25	6.25	6.50	
2096	THV.A02796	Trần Lan Phuong	10/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	1.75	3.25	2.75	7.75	8.00	
2097	THV.A02797	Vũ Thị Phuong	15/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	0.75	2.25	3.50	6.50	6.50	
2098	THV.A02798	Nguyễn Tiến Phuong	15/12/91		Huyện Cẩm Khê		1		1.75	3.50	2.00	7.25	7.50	
2099	THV.A02799	Hoàng Thị Minh Phuong	24/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	2.25	5.50	2.00	9.75	10.00	
2100	THV.A02802	Trương Thị Hảo Phuong	07/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	0.75	4.50	2.50	7.75	8.00	
2101	THV.A02804	Lê Thị Phuong	20/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	3.00	4.25	2.25	9.50	9.50	
2102	THV.A02805	Đỗ Thị Phuong	08/07/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	0.50	2.75	2.25	5.50	5.50	
2103	THV.A02806	Nguyễn Thị Minh Phuong	21/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	1.00	2.75	2.75	6.50	6.50	
2104	THV.A02807	Trần Đức Phuong	08/03/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	1.75	3.50	1.50	6.75	7.00	
2105	THV.A02809	Nguyễn Hữu Phước	01/01/91		Huyện Trấn Yên		1	102	2.00	6.00	4.00	12.00	12.00	
2106	THV.A02810	Bùi Thị Phuong	04/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	402	4.00	6.75	3.00	13.75	14.00	
2107	THV.A02811	Bùi Minh Phuong	04/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	0.50	4.00	1.75	6.25	6.50	
2108	THV.A02812	Hà Thị Phuong	08/04/90		Huyện Yên Bình	01	1	101	1.25	2.75	3.25	7.25	7.50	
2109	THV.A02813	Nguyễn Thị Phuong	14/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50	
2110	THV.A02815	Vương Thị Bích Phuong	04/11/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	0.75	3.50	3.50	7.75	8.00	
2111	THV.A02816	Lương Thị Bích Phuong	17/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông	04	1	403	1.50	3.25	4.50	9.25	9.50	
2112	THV.A02817	Ngô Ngọc Phuong	15/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	1.00	4.25	3.00	8.25	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2113	THV.A02818	Nguyễn Thị Phụng	22/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	1.50	3.25	3.25	8.00	8.00	
2114	THV.A02826	Nguyễn Thị Phụng	01/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	4.25	6.50	4.00	14.75	15.00	
2115	THV.A02827	Lê Thị Phụng	29/06/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	3.00	3.50	7.50	7.50	
2116	THV.A02828	Khổng Thị Phụng	18/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	4.75	5.25	2.75	12.75	13.00	
2117	THV.A02829	Nguyễn Thị Phụng	16/08/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	904	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2118	THV.A02830	Nguyễn Thị Hồng Phụng	19/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	4.25	7.50	5.75	17.50	17.50	
2119	THV.A02832	Phạm Bích Phụng	20/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.25	5.25	3.50	11.00	11.00	
2120	THV.A02835	Vũ Thị Phụng	27/02/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	402	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
2121	THV.A02836	Nguyễn Thị Phụng	09/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
2122	THV.A02837	Nguyễn Thị Phụng	16/03/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.75	3.00	2.75	7.50	7.50	
2123	THV.A02838	Vũ Bích Phụng	20/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	2.50	5.50	5.00	13.00	13.00	
2124	THV.A02839	Nguyễn Thị Phụng	04/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.75	3.25	2.00	6.00	6.00	
2125	THV.A02840	Đặng Thị Phụng	10/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	2.00	6.75	3.50	12.25	12.50	
2126	THV.A02841	Ngô Thị Phụng	06/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.25	3.75	3.00	9.00	9.00	
2127	THV.A02842	Nghiêm Thị Phụng	18/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.75	4.00	2.50	7.25	7.50	
2128	THV.A02843	Nguyễn Thị Phụng	06/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.00	4.00	3.00	9.00	9.00	
2129	THV.A02844	Lê Thị Bích Phụng	13/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
2130	THV.A02846	Khuông Thị Phụng	06/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	3.00	3.50	3.00	9.50	9.50	
2131	THV.A02847	Vừ Mí Pó	14/11/89		Huyện Đông Văn	01	1	403	1.00	3.75	2.25	7.00	7.00	
2132	THV.A02851	Nguyễn Anh Quang	14/12/91		Huyện Thanh Sơn		2	403	0.50	3.00	3.00	6.50	6.50	
2133	THV.A02852	Trần Văn Quang	20/11/91		TP. Việt Trì		1	101	1.50	4.25	3.00	8.75	9.00	
2134	THV.A02853	Nguyễn Hoàng Quang	23/09/90		Thị xã Phú Thọ		3	103	2.00	5.75	4.75	12.50	12.50	
2135	THV.A02854	Phạm Tiến Quang	03/02/91		Huyện Bắc Quang		1	101	0.00	3.25	3.25	6.50	6.50	
2136	THV.A02855	Nguyễn Văn Quang	21/02/91		Huyện Thanh Ba		1	402	2.25	4.00	3.50	9.75	10.00	
2137	THV.A02856	Bùi Nguyên Quang	03/01/91		Huyện Lâm Thao		2NT	401	0.50	5.50	3.00	9.00	9.00	
2138	THV.A02857	Nguyễn Huy Quang	11/03/91		Huyện Đoan Hùng		1		2.00	3.75	3.50	9.25	9.50	
2139	THV.A02859	Trần Xuân Quang	25/05/91		Huyện Lập Thạch		1	103	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
2140	THV.A02860	Lê Đức Quân	18/10/91		Thành phố Yên Bái		1	403	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
2141	THV.A02861	Phạm Hồng Quân	28/10/91		Huyện Văn Chấn		1	403	0.75	4.00	3.25	8.00	8.00	
2142	THV.A02863	Nguyễn Hồng Quân	20/07/91		Huyện Thanh Ba	06	1	403	1.25	3.50	3.00	7.75	8.00	
2143	THV.A02864	Vũ Trường Quân	07/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	101	4.75	5.50	3.25	13.50	13.50	
2144	THV.A02866	Nguyễn Đức Quân	20/06/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	2.50	5.50	2.75	10.75	11.00	
2145	THV.A02869	Vy Ngọc Quân	19/08/91		Huyện Thanh Ba		1		3.00	5.00	3.00	11.00	11.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2146	THV.A02870	Đỗ Minh	Quân	06/01/91		TP. Việt Trì		2	103	0.50	4.50	1.75	6.75	7.00	
2147	THV.A02871	Nguyễn Đức	Quân	24/10/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.00	2.75	1.75	4.50	4.50	
2148	THV.A02873	Nguyễn Hoàng	Quân	23/03/91		Huyện Yên Lập		1	403	1.75	5.50	3.50	10.75	11.00	
2149	THV.A02874	Nguyễn Minh	Quân	12/11/90		Huyện Yên Lập	01	1	402	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
2150	THV.A02875	Trần Ngọc	Quân	01/09/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	101	2.00	2.00	1.50	5.50	5.50	
2151	THV.A02877	Phan Hồng	Quân	16/01/85		Huyện Tam Nông	04	1	403	5.25	6.50	3.50	15.25	15.50	
2152	THV.A02879	Đình Ngọc	Quân	23/06/91		Huyện Lâm Thao		1	101	4.25	6.00	4.50	14.75	15.00	
2153	THV.A02880	Nguyễn Trường	Quân	22/07/91		Huyện Phù Ninh		2NT		1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
2154	THV.A02881	Nguyễn Bình	Quân	30/06/91		Huyện Lập Thạch		1	402	0.00	3.50	2.50	6.00	6.00	
2155	THV.A02882	Khổng Văn	Quân	28/02/91		Huyện Lập Thạch		1	306	1.25	2.25	2.25	5.75	6.00	
2156	THV.A02884	Phan Thị Nguyệt	Quế	19/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.25	2.50	1.75	5.50	5.50	
2157	THV.A02885	Vũ Thị	Quế	13/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	4.75	4.50	3.75	13.00	13.00	
2158	THV.A02886	Lê Thị	Quế	12/05/91	Nữ	Huyện Phúc Thọ		1		1.25	3.50	1.75	6.50	6.50	
2159	THV.A02887	Lương Kim	Quế	02/07/87		Huyện Thanh Thủy		1		0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
2160	THV.A02889	Phạm Thị Hồng	Quy	02/05/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	1.25	3.50	2.75	7.50	7.50	
2161	THV.A02890	Khổng Thị	Quyên	02/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.75	3.50	2.50	8.75	9.00	
2162	THV.A02891	Cao Thị	Quyên	18/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
2163	THV.A02892	Vũ Thị	Quyên	16/10/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	1.00	3.75	2.75	7.50	7.50	
2164	THV.A02893	Nguyễn Thị	Quyên	01/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.25	5.25	2.75	9.25	9.50	
2165	THV.A02895	Khổng Thị	Quyên	29/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.00	3.00	4.00	8.00	8.00	
2166	THV.A02896	Hà Thị Lệ	Quyên	06/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	3.75	4.75	4.50	13.00	13.00	
2167	THV.A02897	Bùi Thị	Quyên	17/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	402	1.00	4.25	4.25	9.50	9.50	
2168	THV.A02898	Bùi Xuân	Quyên	20/11/91		Huyện Thanh Sơn		1	103	3.50	5.00	2.50	11.00	11.00	
2169	THV.A02899	Đào Anh	Quyết	29/04/91		TP. Việt Trì		2	103	0.50	2.75	2.00	5.25	5.50	
2170	THV.A02900	Hứa Minh	Quyết	19/02/91		Huyện Vị Xuyên	01	1	101	0.25	2.50	3.50	6.25	6.50	
2171	THV.A02901	Lê Đức	Quyết	10/09/90		Huyện Bát Xát		1	403	2.75	4.50	3.50	10.75	11.00	
2172	THV.A02902	Tạ Quang	Quyết	14/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	101	3.00	5.75	2.75	11.50	11.50	
2173	THV.A02903	Đào Xuân	Quyết	16/02/91		TP. Việt Trì		2	103	2.25	4.50	2.50	9.25	9.50	
2174	THV.A02905	Phùng Thị Kim	Quyết	13/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
2175	THV.A02906	Nguyễn Văn	Quyết	19/07/90		Huyện Tam Nông		1	403	2.75	3.50	2.25	8.50	8.50	
2176	THV.A02907	Chu Tái	Quyết	15/11/89		Huyện Yên Lập		1		3.25	6.50	3.50	13.25	13.50	
2177	THV.A02908	Đặng Văn	Quyết	11/10/91		Huyện Tân Sơn		1		2.25	2.75	2.00	7.00	7.00	
2178	THV.A02910	Nguyễn Văn	Quyết	05/04/91		TP. Việt Trì		2	403	1.50	3.50	3.00	8.00	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2179	THV.A02912	Vũ Đức	Quyết	26/10/91		Huyện Tam Đảo		2	403	0.25	2.00	2.75	5.00	5.00	
2180	THV.A02913	Trần Mạnh	Quyết	14/09/90		Huyện Kim Bôi	01	1	403	5.25	8.00	5.50	18.75	19.00	
2181	THV.A02914	Nguyễn Văn	Quyển	06/06/82		Huyện Ba Vì		2	101	3.75	5.75	5.25	14.75	15.00	
2182	THV.A02915	Nguyễn Ngọc	Quyển	14/11/91		TP. Việt Trì		2	101	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2183	THV.A02916	Nguyễn Xuân	Quyển	09/06/91		TP. Việt Trì		2	403	3.25	6.75	2.50	12.50	12.50	
2184	THV.A02918	Hoàng Thế	Quyển	19/11/89		Huyện Văn Bàn	01	1		1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
2185	THV.A02920	Phạm Đình	Quý	10/11/91		Huyện Yên Bình	01	1	102	0.25	1.50	1.25	3.00	3.00	
2186	THV.A02921	Nguyễn Trọng	Quý	19/10/87		TP. Việt Trì		2	103	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
2187	THV.A02922	Trần Thị	Quý	08/06/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	101	4.50	8.00	6.50	19.00	19.00	
2188	THV.A02923	Nguyễn Hữu	Quý	10/10/91		Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.25	3.25	3.75	8.25	8.50	
2189	THV.A02924	Nguyễn Thị	Quý	28/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	904	2.25	3.50	1.25	7.00	7.00	
2190	THV.A02925	Hán Thị	Quý	02/11/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	0.75	2.75	1.75	5.25	5.50	
2191	THV.A02926	Lê Thị Phú	Quý	26/07/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	904	2.75	4.25	3.25	10.25	10.50	
2192	THV.A02928	Nguyễn Thị	Quỳnh	02/07/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	403	0.25	2.50	1.25	4.00	4.00	
2193	THV.A02930	Lê Thị Như	Quỳnh	24/02/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	403	1.00	2.25	2.00	5.25	5.50	
2194	THV.A02931	Đặng Thị Xuân	Quỳnh	16/11/90	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	904	2.00	7.00	3.50	12.50	12.50	
2195	THV.A02932	Trương Thị Mai	Quỳnh	12/07/90	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	4.50	6.75	4.75	16.00	16.00	
2196	THV.A02933	Đinh Thị Như	Quỳnh	18/12/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	102	1.50	3.75	2.00	7.25	7.50	
2197	THV.A02935	Phùng Văn	Quỳnh	29/12/91		Huyện Sơn Dương		1	102	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
2198	THV.A02936	Lê Thuý	Quỳnh	19/10/91	Nữ	Huyện Huyện Thanh		2NT	403	1.75	5.00	3.75	10.50	10.50	
2199	THV.A02938	Lục Thị	Quỳnh	13/06/91	Nữ	Huyện Bắc Hà	01	1	101	2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
2200	THV.A02939	Trần Thị Thuý	Quỳnh	21/09/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		1.25	2.75	3.50	7.50	7.50	
2201	THV.A02940	Đặng Thị Như	Quỳnh	10/02/91	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	101	1.25	5.50	2.50	9.25	9.50	
2202	THV.A02941	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	28/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	1.25	4.50	3.25	9.00	9.00	
2203	THV.A02942	Nguyễn Thị Xuân	Quỳnh	07/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	
2204	THV.A02943	Trần Thị Như	Quỳnh	31/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	403	0.75	2.25	2.00	5.00	5.00	
2205	THV.A02944	Vũ Thị Như	Quỳnh	07/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.25	3.25	2.75	7.25	7.50	
2206	THV.A02945	Hoàng Xuân	Quỳnh	13/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.75	3.25	3.00	8.00	8.00	
2207	THV.A02947	Trần Thuý	Quỳnh	06/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	0.75	2.75	3.25	6.75	7.00	
2208	THV.A02948	Hồ Thuý	Quỳnh	11/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	103	1.00	2.50	2.75	6.25	6.50	
2209	THV.A02949	Tạ Lê Quang	Quỳnh	07/03/91		Huyện Hạ Hoà		1	401	2.50	5.00	3.50	11.00	11.00	
2210	THV.A02950	Trương Thị	Quỳnh	02/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.25	3.00	1.25	5.50	5.50	
2211	THV.A02951	Hà Thị	Quỳnh	26/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	6.00	5.00	1.75	12.75	13.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2212	THV.A02952	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12/04/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	
2213	THV.A02953	Trần Thị Như	Quỳnh	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	0.50	2.25	2.75	5.50	5.50	
2214	THV.A02955	Nguyễn Thị	Quỳnh	10/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
2215	THV.A02956	Trương Thị	Quỳnh	19/05/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	3.00	4.25	1.25	8.50	8.50	
2216	THV.A02957	Phan Thị Thu	Quỳnh	18/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.00	4.00	4.50	9.50	9.50	
2217	THV.A02958	Lê Thị Như	Quỳnh	26/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	103	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
2218	THV.A02960	Trần Trọng	Quỳnh	29/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	1.25	3.25	3.50	8.00	8.00	
2219	THV.A02961	Phạm Thị Như	Quỳnh	12/07/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	103	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
2220	THV.A02962	Trần Thị Thanh	Quỳnh	09/11/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		4.00	6.75	3.75	14.50	14.50	
2221	THV.A02964	Hoàng Thị	Quỳnh	24/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	306	1.50	3.75	2.25	7.50	7.50	
2222	THV.A02968	Nguyễn Thị	Quỳnh	08/07/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	0.25	3.50	2.50	6.25	6.50	
2223	THV.A02969	Nguyễn Thị	Quỳnh	27/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	2.75	3.75	2.50	9.00	9.00	
2224	THV.A02970	Nguyễn Thị	Rán	27/03/92	Nữ	Huyện Bát Xát	01	1	402	1.50	3.50	1.50	6.50	6.50	
2225	THV.A02971	Sùng A	Rùa	30/06/89		Huyện Mù Cang Chải	01	1	403	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
2226	THV.A02972	Lương Ngọc	San	20/08/91		Huyện Lâm Thao		1		2.50	3.75	2.25	8.50	8.50	
2227	THV.A02973	Trần Thị	San	15/07/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1		5.50	4.50	3.75	13.75	14.00	
2228	THV.A02975	Trần Ngọc	Sang	27/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
2229	THV.A02976	Trần Thanh	Sang	02/05/91		Thị xã Vĩnh Long		1	403	0.25	2.00	2.50	4.75	5.00	
2230	THV.A02977	Nguyễn Thị	Sang	17/10/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	904	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
2231	THV.A02978	Lưu Thị Linh	Sang	28/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	1.00	4.00	3.50	8.50	8.50	
2232	THV.A02979	Trần Thị	Sang	16/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	102	3.25	5.00	3.50	11.75	12.00	
2233	THV.A02980	Nguyễn Thị Thu	Sang	30/07/91	Nữ	TP. Việt Trì	02	2	402	0.50	2.25	2.00	4.75	5.00	
2234	THV.A02982	Phạm Quang	Sáng	27/01/91		Huyện Yên Lạc		2NT	103	0.50	1.50	2.00	4.00	4.00	
2235	THV.A02983	Cao Minh	Sáng	17/02/91		Huyện Lâm Thao		1		1.00	2.75	2.25	6.00	6.00	
2236	THV.A02984	Nguyễn Ngọc	Sáng	18/04/91		Huyện Thanh Ba		2		1.50	4.50	3.00	9.00	9.00	
2237	THV.A02985	Hán Thị	Sáu	16/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	904	2.00	3.00	3.25	8.25	8.50	
2238	THV.A02986	Hoàng Thị Kim	Sâm	15/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	2.25	2.00	1.50	5.75	6.00	
2239	THV.A02987	Đỗ Đình	Sắc	02/01/90		Huyện Lập Thạch		1	904	2.75	5.50	2.25	10.50	10.50	
2240	THV.A02988	Nguyễn Thị	Sen	13/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.50	5.50	3.00	11.00	11.00	
2241	THV.A02989	Đỗ Thị	Sen	26/09/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.00	5.25	3.50	9.75	10.00	
2242	THV.A02990	Phạm Thị Hồng	Sen	15/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.50	2.50	2.75	5.75	6.00	
2243	THV.A02991	Lê Thị	Sen	03/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	102	1.25	2.75	3.50	7.50	7.50	
2244	THV.A02992	Đào Thị	Sim	18/12/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	101	0.75	3.50	1.50	5.75	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2245	THV.A02993	Hà Thiên	Sinh	09/01/91		Huyện Cẩm Khê		1	401	0.25	5.00	2.50	7.75	8.00	
2246	THV.A02995	Đỗ Quý	Sinh	23/07/91		Huyện Thanh Ba		1	401	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
2247	THV.A02996	Đình Thị	Sinh	30/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	4.00	5.50	2.25	11.75	12.00	
2248	THV.A02997	Lý Thị	Sinh	06/03/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1	403	1.00	2.50	3.50	7.00	7.00	
2249	THV.A02999	Đình Thị	Soan	24/05/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	403	1.50	2.75	3.50	7.75	8.00	
2250	THV.A03000	Nguyễn Thị	Soan	27/08/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	101	0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
2251	THV.A03001	Hà Thị	Son	11/01/91	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1		0.00	3.00	2.00	5.00	5.00	
2252	THV.A03003	Hoàng Ngọc	Son	08/12/90		Huyện Bắc Quang	01	1		0.25	3.75	1.50	5.50	5.50	
2253	THV.A03004	Nguyễn Hoàng	Son	01/08/90		TP. Việt Trì		2	403	0.50	4.00	3.50	8.00	8.00	
2254	THV.A03005	Phạm Việt	Son	19/03/91		Thị xã Mường Lay		1	403	1.75	3.50	3.00	8.25	8.50	
2255	THV.A03008	Bùi Duy	Son	03/07/91		Huyện Văn Yên		1	401	1.50	5.50	2.00	9.00	9.00	
2256	THV.A03011	Phạm Trung	Son	06/10/91		Huyện Lâm Thao		2		0.50	2.00	2.00	4.50	4.50	
2257	THV.A03012	Trần Đình	Son	08/10/90		Huyện Quỳnh Lưu		2NT		2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
2258	THV.A03013	Bùi Văn	Son	18/03/91		Huyện Yên Thủy	01	1	403	1.50	2.25	1.50	5.25	5.50	
2259	THV.A03014	Lê Khắc	Son	11/11/91		TP. Việt Trì		2	401	4.25	4.00	2.75	11.00	11.00	
2260	THV.A03015	Tạ Phú	Son	21/10/90		Huyện Tam Nông		1	103	3.25	5.50	3.50	12.25	12.50	
2261	THV.A03017	Lê Văn	Son	16/08/91		Huyện Tam Dương		2NT		1.25	3.50	3.00	7.75	8.00	
2262	THV.A03018	Nguyễn Công	Son	13/06/91		Huyện Đông Triều		1	401	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2263	THV.A03020	Vũ Trọng	Son	10/11/91		Huyện Thanh Sơn		1	101	1.25	3.50	3.25	8.00	8.00	
2264	THV.A03021	Nguyễn Trường	Son	27/02/91		TP. Việt Trì		2		3.75	3.50	3.50	10.75	11.00	
2265	THV.A03022	Nguyễn Kim	Son	28/08/91		Huyện Tam Nông		1	403	1.50	4.50	3.00	9.00	9.00	
2266	THV.A03023	Nguyễn Đức	Son	15/10/91		Huyện Lâm Thao		2	103	1.00	6.25	1.75	9.00	9.00	
2267	THV.A03025	Tạ Lâm	Son	15/01/91		Huyện Lâm Thao		1	402	1.00	1.75	1.75	4.50	4.50	
2268	THV.A03026	Nguyễn Thái	Son	29/10/91		Huyện Thanh Ba		2	403	3.50	5.00	3.00	11.50	11.50	
2269	THV.A03028	Nguyễn Thanh	Son	14/12/91		TP. Việt Trì		2	103	1.25	3.00	2.25	6.50	6.50	
2270	THV.A03029	Vũ Văn	Son	13/09/91		Huyện Nghĩa Hưng		2NT		0.00	5.00	2.50	7.50	7.50	
2271	THV.A03030	Đình Việt Thái	Son	24/01/91		TP. Việt Trì		2	403	1.25	3.00	2.50	6.75	7.00	
2272	THV.A03031	Nguyễn Trường	Son	02/02/91		Huyện Tam Nông		1		3.50	6.75	3.25	13.50	13.50	
2273	THV.A03034	Nguyễn Thị	Son	08/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	4.00	2.00	7.25	7.50	
2274	THV.A03035	Nguyễn Ngọc	Son	10/12/91		Huyện Lâm Thao		2NT		0.50	4.25	2.50	7.25	7.50	
2275	THV.A03036	Lê Đức	Son	05/03/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	103	2.00	5.25	2.00	9.25	9.50	
2276	THV.A03038	Lùng Thị	Sớm	20/02/88	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		0.00	2.75	1.50	4.25	4.50	
2277	THV.A03039	Hoàng Thị	Sở	29/12/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	403	1.25	4.00	2.00	7.25	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2278	THV.A03041	Vi Thị	Sứ	26/08/91	Nữ	Huyện Văn Yên	01	1	402	1.00	4.50	2.00	7.50	7.50	
2279	THV.A03043	Nguyễn Tiến	Sỹ	05/02/91		Huyện Thanh Ba		1	401	3.75	5.50	3.50	12.75	13.00	
2280	THV.A03044	Lê Xuân	Sỹ	13/03/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	3.00	4.50	1.50	9.00	9.00	
2281	THV.A03045	Đỗ Văn	Sỹ	15/02/90		Huyện Tam Nông		1	401	1.00	5.00	2.50	8.50	8.50	
2282	THV.A03047	Nguyễn Thị	Tài	29/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	103	1.25	6.75	2.75	10.75	11.00	
2283	THV.A03049	Bùi Thị Thuý	Tài	20/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	1.50	5.00	3.50	10.00	10.00	
2284	THV.A03050	Lê Xuân	Tài	10/05/90		Huyện Thanh Thủy		1	403	2.75	4.00	3.00	9.75	10.00	
2285	THV.A03051	Đào Anh	Tài	15/01/91		TP. Việt Trì		2		1.50	3.50	1.50	6.50	6.50	
2286	THV.A03052	Trần Văn	Tài	23/11/91		Huyện Phù Ninh		2NT	402	0.50	3.50	1.75	5.75	6.00	
2287	THV.A03053	Hoàng Văn	Tài	17/03/90		Huyện Bắc Quang	01	1		0.25	3.25	2.25	5.75	6.00	
2288	THV.A03054	Phùng Thế	Tài	13/09/91		Thị xã Phú Thọ		2		1.75	4.75	2.25	8.75	9.00	
2289	THV.A03055	Hán Thị	Tài	25/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	904	3.50	5.25	2.75	11.50	11.50	
2290	THV.A03056	Trần Thị	Tài	06/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	0.75	4.00	2.50	7.25	7.50	
2291	THV.A03058	Vũ Đức	Tâm	05/11/91		Huyện Thanh Ba		1	103	1.75	3.25	2.75	7.75	8.00	
2292	THV.A03059	Hà Thị Thanh	Tâm	10/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
2293	THV.A03060	Hà Thị	Tâm	20/07/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	904	1.00	4.25	2.00	7.25	7.50	
2294	THV.A03063	Nguyễn Bá	Tâm	13/04/91		Huyện Yên Bình		1	401	1.00	4.50	3.00	8.50	8.50	
2295	THV.A03064	Nguyễn Ngọc	Tâm	25/12/90		Huyện Thanh Ba		2	403	5.50	2.00	3.25	10.75	11.00	
2296	THV.A03066	Phan Thị	Tâm	27/07/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	1.75	2.50	2.50	6.75	7.00	
2297	THV.A03068	Trần Thị Thanh	Tâm	04/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	0.50	3.00	3.50	7.00	7.00	
2298	THV.A03069	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	28/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	304	2.25	4.00	3.75	10.00	10.00	
2299	THV.A03070	Nguyễn Thanh	Tâm	05/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		0.00	2.75	3.25	6.00	6.00	
2300	THV.A03073	Lê Thị Minh	Tâm	16/11/90	Nữ	Huyện Thanh Ba	06	1	403	0.75	4.25	3.00	8.00	8.00	
2301	THV.A03076	Trần Thanh	Tâm	08/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1		0.75	4.50	3.00	8.25	8.50	
2302	THV.A03077	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	27/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	3.25	4.00	2.00	9.25	9.50	
2303	THV.A03079	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	10/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	0.75	3.50	2.00	6.25	6.50	
2304	THV.A03080	Vi Thị	Tâm	05/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		1.75	5.25	4.50	11.50	11.50	
2305	THV.A03081	Lê Thị Thanh	Tâm	30/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	402	0.00	3.00	3.50	6.50	6.50	
2306	THV.A03082	Nguyễn Minh	Tâm	28/09/90		Huyện Phù Ninh		1	402	1.00	4.75	2.50	8.25	8.50	
2307	THV.A03083	Bùi Thị	Tâm	30/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	1.50	2.75	2.75	7.00	7.00	
2308	THV.A03084	Bùi Đức	Tâm	23/05/91		Huyện Lâm Thao		2NT	306	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2309	THV.A03085	Lê Thị	Tâm	06/02/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	2.50	3.25	2.50	8.25	8.50	
2310	THV.A03089	Hà Thị	Tâm	01/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	2.25	4.00	3.75	10.00	10.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2311	THV.A03090	Nguyễn Thành Tâm	30/10/88		Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	2.50	1.75	5.00	5.00	
2312	THV.A03091	Nguyễn Văn Tâm	21/08/91		Huyện Tam Dương		2NT	102	3.25	6.75	2.25	12.25	12.50	
2313	THV.A03092	Bạch Thị Minh Tân	15/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	2.50	5.00	2.50	10.00	10.00	
2314	THV.A03093	Nguyễn Đức Tân	28/02/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	1.25	3.25	2.75	7.25	7.50	
2315	THV.A03094	Phạm Văn Tân	06/04/91		Huyện Tam Nông		1	402	4.00	6.50	3.50	14.00	14.00	
2316	THV.A03095	Lê Văn Tân	26/12/91		Huyện Thanh Ba		1	101	2.00	4.75	2.50	9.25	9.50	
2317	THV.A03096	Trần Thị Tân	28/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	0.25	3.75	2.50	6.50	6.50	
2318	THV.A03097	Lê Ngọc Tân	20/07/91		Huyện Đoan Hùng		1		1.75	4.00	1.75	7.50	7.50	
2319	THV.A03098	Ngô Văn Tân	17/11/91		Huyện Tam Dương		2NT	103	3.50	3.75	3.50	10.75	11.00	
2320	THV.A03099	Lương Ngọc Tân	23/05/91		Huyện Thanh Ba		1		0.75	5.75	2.75	9.25	9.50	
2321	THV.A03102	Đặng Đức Tân	24/09/91		Huyện Tân Sơn	01	1	403	2.25	4.00	2.00	8.25	8.50	
2322	THV.A03103	Lê Văn Tân	15/01/91		Huyện Phù Ninh		2NT		2.00	4.00	3.00	9.00	9.00	
2323	THV.A03104	Nguyễn Thị Tân	24/06/87	Nữ	Huyện Yên Sơn	06	1	401	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
2324	THV.A03105	Nguyễn Văn Tân	21/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	101	2.25	5.25	2.50	10.00	10.00	
2325	THV.A03106	Dương Tiến Tân	05/01/91		Thị xã Phú Thọ		2		0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
2326	THV.A03107	Phạm Đình Tân	15/10/86		Huyện Tam Nông	06	1	102	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
2327	THV.A03108	Phạm Ngọc Tân	10/08/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	1.50	3.75	2.00	7.25	7.50	
2328	THV.A03109	Lê Thị Hồng Tân	26/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	0.75	3.75	2.50	7.00	7.00	
2329	THV.A03110	Kiều Thị Tân	02/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		0.75	3.50	3.00	7.25	7.50	
2330	THV.A03111	Lưu Đình Tân	29/08/91		Huyện Lập Thạch		1	904	0.25	3.50	3.50	7.25	7.50	
2331	THV.A03112	Trần Thị Tân	26/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.25	3.75	1.75	6.75	7.00	
2332	THV.A03113	Tạ Ngọc Tân	05/02/91		Huyện Lâm Thao		2NT		3.00	6.00	3.00	12.00	12.00	
2333	THV.A03114	Nguyễn Văn Tân	20/09/91		Huyện Lập Thạch		1	403	2.25	2.00	2.75	7.00	7.00	
2334	THV.A03115	Phùng Thị Tân	26/09/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2335	THV.A03117	Đình Công Tấn	20/12/89		Huyện Cao Phong	01	1	101	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
2336	THV.A03118	Nguyễn Đình Tấn	16/11/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	1.75	4.75	2.00	8.50	8.50	
2337	THV.A03121	Nguyễn Thị Thanh	10/08/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	904	2.25	4.75	2.75	9.75	10.00	
2338	THV.A03123	Trần Thị Thu Thanh	05/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	5.50	4.25	2.75	12.50	12.50	
2339	THV.A03126	Nguyễn Đức Thanh	10/11/91		TP. Việt Trì		2	403	1.00	2.00	3.00	6.00	6.00	
2340	THV.A03127	Ngô Thị Kim Thanh	08/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	4.25	4.75	3.25	12.25	12.50	
2341	THV.A03128	Lê Đức Thanh	01/01/91		TP. Việt Trì		2NT	103	2.25	4.50	3.25	10.00	10.00	
2342	THV.A03129	Bạch Mộc Thanh	09/10/91		Huyện Mường Khương	01	1	102	1.00	3.50	1.50	6.00	6.00	
2343	THV.A03130	Vũ Thị Thanh	03/09/89	Nữ	Huyện Mường Khương		1		0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2344	THV.A03131	Đỗ Thị Thanh	05/06/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	1.25	2.50	1.75	5.50	5.50	
2345	THV.A03132	Phan Thị Tuyết Thanh	03/04/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	403	3.25	5.50	5.00	13.75	14.00	
2346	THV.A03133	Trần Thị Lệ Thanh	24/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		0.75	2.00	2.50	5.25	5.50	
2347	THV.A03134	Khổng Thị Kim Thanh	03/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	5.00	6.75	5.25	17.00	17.00	
2348	THV.A03135	Trần Thị Thanh	16/08/91	Nữ	Huyện Báo Thắng		1	403	2.00	4.75	1.25	8.00	8.00	
2349	THV.A03136	Nguyễn Thị Thanh	27/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	401	2.75	3.75	1.75	8.25	8.50	
2350	THV.A03137	Trần Thị Thanh	04/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		3.25	6.25	3.50	13.00	13.00	
2351	THV.A03138	Doãn Thị Giang Thanh	09/10/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.00	4.25	2.50	7.75	8.00	
2352	THV.A03140	Đình Hồng Thanh	17/02/91		Thị xã Phú Thọ		2		1.00	2.50	1.75	5.25	5.50	
2353	THV.A03141	Đỗ Thị Thuý Thanh	26/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	1.25	4.50	2.25	8.00	8.00	
2354	THV.A03142	Chu Thị Lan Thanh	23/11/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	101	2.50	6.50	2.75	11.75	12.00	
2355	THV.A03143	Phùng Thị Thanh	02/08/91	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	101	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
2356	THV.A03144	Bùi Thị Thanh	16/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	401	3.50	5.25	3.50	12.25	12.50	
2357	THV.A03145	Nguyễn Thị Phương Thanh	09/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.75	2.50	2.25	6.50	6.50	
2358	THV.A03146	Lương Thị Thanh	10/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	904	3.00	4.00	2.75	9.75	10.00	
2359	THV.A03147	Bùi Thị Phương Thanh	27/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	3.75	5.50	3.00	12.25	12.50	
2360	THV.A03148	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	10/12/89	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	0.00	3.00	1.50	4.50	4.50	
2361	THV.A03150	Lê Thị Hồng Thanh	11/03/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
2362	THV.A03152	Trần Thị Thanh Thanh	27/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.75	3.25	2.75	6.75	7.00	
2363	THV.A03154	Lê Thị Thanh	06/01/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT		0.00	1.50	2.75	4.25	4.50	
2364	THV.A03155	Nguyễn Thị Thanh	07/05/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	402	2.75	2.50	3.25	8.50	8.50	
2365	THV.A03156	Nguyễn Thị Thanh	25/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	1.25	4.50	1.50	7.25	7.50	
2366	THV.A03157	Nguyễn Văn Thanh	25/10/91		Huyện Lập Thạch		1	101	0.75	2.75	2.25	5.75	6.00	
2367	THV.A03158	Nguyễn Chí Thanh	04/12/91		Thành phố Vĩnh Yên		2		0.00	3.50	2.25	5.75	6.00	
2368	THV.A03159	Nguyễn Thị Thanh	16/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.25	3.25	3.00	7.50	7.50	
2369	THV.A03160	Nguyễn Thị Phương Thanh	11/01/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2	401	0.50	1.75	3.25	5.50	5.50	
2370	THV.A03161	Nguyễn Thị Thanh	22/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.00	3.00	1.75	6.75	7.00	
2371	THV.A03162	Nguyễn Thị Thanh	06/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	904	1.50	3.50	3.25	8.25	8.50	
2372	THV.A03163	Nguyễn Thị Thanh	04/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.50	4.25	1.75	8.50	8.50	
2373	THV.A03164	Phạm Thị Thanh	27/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50	
2374	THV.A03165	Đỗ Thị Thanh	18/10/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.25	3.25	1.75	6.25	6.50	
2375	THV.A03167	Quách Thị Thao	14/06/90	Nữ	Huyện Lạc Sơn	01	1	403	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
2376	THV.A03168	Đình Công Thao	30/05/90		Huyện Yên Lập	01	1	102	2.50	4.50	2.25	9.25	9.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2377	THV.A03169	Phùng Thị Thu	Thảo	24/09/89	Nữ	Huyện Tam Nông		1	101	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
2378	THV.A03170	Lâm Văn	Thái	14/03/90		Huyện Bắc Quang	01	1	103	0.00	1.50	3.50	5.00	5.00	
2379	THV.A03171	Nguyễn Ngọc	Thái	09/09/91		TP. Việt Trì		2	402	1.25	4.75	2.50	8.50	8.50	
2380	THV.A03172	Lê Thị	Thái	15/09/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	1.75	3.25	1.75	6.75	7.00	
2381	THV.A03173	Bùi Mạnh	Thái	27/10/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	0.00	4.25	2.00	6.25	6.50	
2382	THV.A03175	Phan Thị Hồng	Thái	20/06/91	Nữ	Thành phố Sơn Tây		2	102	3.50	6.00	3.25	12.75	13.00	
2383	THV.A03176	Lê Quang	Thái	15/03/87		Thị xã Phú Thọ		2	401	0.00	4.50	2.75	7.25	7.50	
2384	THV.A03178	Đặng Chí	Thái	19/08/91		Huyện Thanh Thủy		1	306	1.75	3.50	3.50	8.75	9.00	
2385	THV.A03179	Hoàng Ngọc	Thái	01/01/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	5.00	8.00	5.50	18.50	18.50	
2386	THV.A03181	Lương Hồng	Thái	28/08/91		Huyện Yên Bình		1	402	2.00	5.00	2.75	9.75	10.00	
2387	THV.A03183	Nguyễn Duy	Thái	14/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	401	1.00	2.00	2.25	5.25	5.50	
2388	THV.A03185	Bùi Công	Thái	11/09/90		Huyện Phù Ninh		1	401	1.50	3.50	2.25	7.25	7.50	
2389	THV.A03186	Nguyễn Thị	Thái	14/04/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	3.00	7.75	3.25	14.00	14.00	
2390	THV.A03187	Nguyễn Thị	Thái	15/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.25	3.00	2.50	7.75	8.00	
2391	THV.A03188	Bùi Văn	Thái	06/07/89		Huyện Cao Phong	01	1	101	3.00	2.50	3.50	9.00	9.00	
2392	THV.A03189	Nguyễn Thị	Thái	28/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.50	2.50	1.75	5.75	6.00	
2393	THV.A03190	Đình Công	Thám	02/06/89		Huyện Yên Lập	01	1		1.50	4.25	3.50	9.25	9.50	
2394	THV.A03192	Hà Việt	Thành	28/10/90		TP. Việt Trì		2	403	0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
2395	THV.A03193	Nguyễn Trung	Thành	26/10/91		Thành phố Yên Bái		1	103	1.00	2.75	2.50	6.25	6.50	
2396	THV.A03194	Hà Thị Phương	Thành	22/04/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	1.25	4.25	3.50	9.00	9.00	
2397	THV.A03195	Nguyễn Xuân	Thành	06/03/90		Huyện Bá Thước		2	403	2.00	5.50	4.50	12.00	12.00	
2398	THV.A03198	Vũ Văn	Thành	16/12/91		Huyện Thanh Ba		2		1.75	3.25	3.00	8.00	8.00	
2399	THV.A03199	Đoàn Quốc	Thành	28/12/91		Thành phố Lào Cai		1	403	3.50	4.50	3.50	11.50	11.50	
2400	THV.A03200	Tạ Văn	Thành	24/10/90		Huyện Thanh Ba		2		2.25	5.00	2.50	9.75	10.00	
2401	THV.A03201	Dương Văn	Thành	20/08/90		Huyện Lâm Thao	06	2	402	0.75	5.25	2.50	8.50	8.50	
2402	THV.A03202	Hoàng A	Thành	20/06/88		Huyện Bát Xát	01	1	102	0.75	3.00	2.75	6.50	6.50	
2403	THV.A03203	Lê Duy	Thành	12/09/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	3.00	3.25	8.25	8.50	
2404	THV.A03204	Nguyễn Văn	Thành	26/09/91		TP. Việt Trì		2	403	0.50	2.25	2.50	5.25	5.50	
2405	THV.A03206	Trịnh Quang	Thành	27/09/91		Thị xã Phú Thọ		1	401	0.00	2.25	1.75	4.00	4.00	
2406	THV.A03208	Lê Văn	Thành	16/10/91		Huyện Phù Ninh		1	103	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
2407	THV.A03209	Ván Thị	Thành	02/09/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	402	1.50	2.50	2.25	6.25	6.50	
2408	THV.A03210	Lê Đức	Thành	18/11/91		Huyện Thanh Ba		1	401	0.50	4.75	3.25	8.50	8.50	
2409	THV.A03211	Hoàng Văn	Thành	18/02/91		TP. Việt Trì		2	103	3.50	7.50	2.50	13.50	13.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2410	THV.A03212	Nguyễn Tiến	Thành	13/11/91		Huyện Lâm Thao		1		1.25	2.50	2.75	6.50	6.50	
2411	THV.A03213	Hoàng Văn	Thành	30/07/90		Huyện Vị Xuyên	01	1	403	1.50	3.25	2.50	7.25	7.50	
2412	THV.A03215	Trần Tiến	Thành	21/05/91		Huyện Thanh Ba		2		1.00	3.50	1.50	6.00	6.00	
2413	THV.A03216	Triệu Tiến	Thành	13/05/91		Huyện Lập Thạch		1	101	2.25	5.75	4.00	12.00	12.00	
2414	THV.A03217	Bùi Đăng	Thành	19/08/89		Thị xã Phú Thọ	03	2	403	0.50	3.25	2.25	6.00	6.00	
2415	THV.A03218	Lê Minh	Thành	29/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	103	2.75	4.50	4.00	11.25	11.50	
2416	THV.A03220	Trương Thị	Thảo	06/03/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	101	2.25	3.00	2.50	7.75	8.00	
2417	THV.A03221	Đỗ Phương	Thảo	14/05/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	401	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50	
2418	THV.A03222	Đoàn Thị Phương	Thảo	05/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	6.50	8.75	5.50	20.75	21.00	
2419	THV.A03224	Nguyễn Thị	Thảo	20/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
2420	THV.A03230	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	3.00	6.25	4.50	13.75	14.00	
2421	THV.A03231	Nguyễn Thị Phương	Thảo	04/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	2.75	3.50	2.50	8.75	9.00	
2422	THV.A03232	Nguyễn Thị Hương	Thảo	15/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	0.75	5.50	2.00	8.25	8.50	
2423	THV.A03233	Phạm Thị	Thảo	18/10/91	Nữ	Huyện Lục Nam	01	1	403	1.50	3.50	3.00	8.00	8.00	
2424	THV.A03234	Hoàng Phương	Thảo	19/09/88	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		0.00	1.75	1.75	3.50	3.50	
2425	THV.A03235	Lục Thị Thu	Thảo	25/04/92	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	403	0.50	3.75	2.00	6.25	6.50	
2426	THV.A03236	Nguyễn Thị Hương	Thảo	16/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.25	4.00	3.00	8.25	8.50	
2427	THV.A03237	Đinh Thị Phương	Thảo	10/08/89	Nữ	Huyện Tân Yên		1		0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
2428	THV.A03238	Nguyễn Phương	Thảo	25/02/91	Nữ	Huyện Hiệp Hoà		1	403	0.50	4.75	2.00	7.25	7.50	
2429	THV.A03239	Vũ Thị Phương	Thảo	11/11/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	403	0.25	1.75	3.25	5.25	5.50	
2430	THV.A03240	Phí Thị	Thảo	05/06/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	402	1.50	4.50	4.50	10.50	10.50	
2431	THV.A03241	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	103	1.25	3.25	1.50	6.00	6.00	
2432	THV.A03244	Đỗ Thị	Thảo	21/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	4.25	5.75	2.00	12.00	12.00	
2433	THV.A03245	Trần Thị Thu	Thảo	19/06/91	Nữ	Huyện Bắc Hà		1		0.50	4.25	2.50	7.25	7.50	
2434	THV.A03246	Nguyễn Thanh	Thảo	07/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	4.75	4.00	1.75	10.50	10.50	
2435	THV.A03247	Nguyễn Thu	Thảo	18/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
2436	THV.A03249	Trần Thu	Thảo	24/10/91	Nữ	Huyện Văn Chấn		1	904	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
2437	THV.A03251	Trần Văn	Thảo	23/08/91		Huyện Yên Sơn		1	403	0.25	2.75	2.00	5.00	5.00	
2438	THV.A03253	Đinh Thị Phương	Thảo	20/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	5.50	5.25	3.50	14.25	14.50	
2439	THV.A03254	Cao Thị Bích	Thảo	24/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	4.25	3.50	2.75	10.50	10.50	
2440	THV.A03255	Đặng Thị Phương	Thảo	12/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.25	1.75	2.50	4.50	4.50	
2441	THV.A03256	Đặng Thị Phương	Thảo	04/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	1.50	3.25	2.00	6.75	7.00	
2442	THV.A03257	Nguyễn Thị	Thảo	21/08/90	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	101	1.75	6.50	3.75	12.00	12.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2443	THV.A03258	Nguyễn Thị Phương	Thảo	15/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	403	2.50	5.25	3.25	11.00	11.00	
2444	THV.A03260	Nguyễn Thị Bích	Thảo	12/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	2.25	4.00	3.50	9.75	10.00	
2445	THV.A03261	Đỗ Thị	Thảo	25/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	4.00	5.00	3.50	12.50	12.50	
2446	THV.A03262	Phạm Thị Thanh	Thảo	28/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	1.25	3.25	3.50	8.00	8.00	
2447	THV.A03263	Nguyễn Thị Thu	Thảo	24/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	102	4.75	5.75	2.50	13.00	13.00	
2448	THV.A03265	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.00	4.25	2.25	7.50	7.50	
2449	THV.A03266	Lê Thị	Thảo	29/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.75	3.25	2.50	7.50	7.50	
2450	THV.A03268	Nguyễn Thị	Thảo	24/12/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	1.00	4.50	3.25	8.75	9.00	
2451	THV.A03269	Lê Thị Phương	Thảo	10/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	102	4.75	5.75	3.00	13.50	13.50	
2452	THV.A03270	Khổng Thị Bích	Thảo	11/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.25	3.00	2.50	5.75	6.00	
2453	THV.A03271	Đình Thị	Thảo	07/05/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	103	3.50	5.50	3.50	12.50	12.50	
2454	THV.A03272	Nguyễn Thị	Thảo	10/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	904	1.25	3.50	3.50	8.25	8.50	
2455	THV.A03275	Phạm Thị Hồng	Thảo	02/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	401	1.00	4.25	2.25	7.50	7.50	
2456	THV.A03276	Cao Thị Thu	Thảo	01/04/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.50	3.00	2.75	6.25	6.50	
2457	THV.A03277	Lưu Thị	Thảo	10/05/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	101	1.75	3.50	2.50	7.75	8.00	
2458	THV.A03278	Nguyễn Thị Thu	Thảo	26/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
2459	THV.A03279	Lê Thị Thu	Thảo	10/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	0.50	3.25	1.50	5.25	5.50	
2460	THV.A03280	Bùi Bích	Thảo	15/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	103	4.50	5.25	5.50	15.25	15.50	
2461	THV.A03281	Nguyễn Thị Phương	Thảo	21/07/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	1.75	3.00	3.00	7.75	8.00	
2462	THV.A03282	Đặng Thị Thu	Thảo	19/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	0.75	4.25	2.75	7.75	8.00	
2463	THV.A03283	Nguyễn Thị	Thảo	03/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	2.50	3.25	2.75	8.50	8.50	
2464	THV.A03285	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/10/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	403	1.50	4.50	2.50	8.50	8.50	
2465	THV.A03286	Nguyễn Thị	Thạch	16/01/88	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.25	5.75	4.25	12.25	12.50	
2466	THV.A03287	Trần Việt	Thạch	12/05/91		Huyện Lâm Thao		1	402	2.25	4.50	3.00	9.75	10.00	
2467	THV.A03288	Ngô Ngọc	Thạch	23/09/91		Huyện Lục Yên		1	403	3.50	5.50	2.25	11.25	11.50	
2468	THV.A03289	Phan Hoàng	Thạch	07/06/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	4.50	1.50	8.00	8.00	
2469	THV.A03290	Trần Thị	Thân	24/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
2470	THV.A03291	Ma Thị	Thắm	05/07/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	1.75	4.25	2.50	8.50	8.50	
2471	THV.A03292	Quyết Thị út	Thật	03/07/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	403	4.00	3.75	4.00	11.75	12.00	
2472	THV.A03293	Trần Thị	Thắm	05/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		0.75	2.50	1.75	5.00	5.00	
2473	THV.A03294	Đào Thị Hồng	Thắm	17/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.50	2.50	2.75	5.75	6.00	
2474	THV.A03297	Nguyễn Thị	Thắm	07/10/90	Nữ	Huyện Yên Minh	01	1		1.25	3.25	1.50	6.00	6.00	
2475	THV.A03298	Phùng Thị	Thắm	02/03/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	305	5.25	4.50	2.75	12.50	12.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2476	THV.A03300	Phạm Thị	Thắm	24/02/91	Nữ	Huyện Thái Thụy		2NT	403	1.00	3.00	2.25	6.25	6.50	
2477	THV.A03301	Vũ Thị Hồng	Thắm	12/09/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		3.25	4.75	2.25	10.25	10.50	
2478	THV.A03302	Nguyễn Hồng	Thắm	13/08/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	2.25	6.00	2.75	11.00	11.00	
2479	THV.A03305	Nguyễn Thị	Thắm	27/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.75	6.25	3.50	11.50	11.50	
2480	THV.A03306	Trần Thị	Thắm	24/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.25	2.50	1.75	4.50	4.50	
2481	THV.A03308	Nguyễn Thị	Thắm	30/05/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	403	1.00	3.75	2.50	7.25	7.50	
2482	THV.A03309	Dương Thị	Thắm	09/03/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	4.25	6.25	4.50	15.00	15.00	
2483	THV.A03312	Nguyễn Xuân	Thắng	20/12/90		Huyện Hàm Yên	01	1	103	0.25	3.00	3.25	6.50	6.50	
2484	THV.A03314	Lê Ngọc	Thắng	29/10/90		Thị xã Phú Thọ		1	403	1.00	4.75	2.00	7.75	8.00	
2485	THV.A03317	Vũ Quốc	Thắng	19/09/91		Huyện Bảo Yên		1		0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
2486	THV.A03319	Lê Mạnh	Thắng	15/11/91		Thị xã Phú Thọ		2	101	2.00	2.50	3.50	8.00	8.00	
2487	THV.A03321	Chu Quyết	Thắng	24/10/89		Thị xã Phú Thọ		2	103	0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
2488	THV.A03322	Hà Đức	Thắng	05/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	401	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
2489	THV.A03323	Nguyễn Việt	Thắng	02/09/91		TP. Việt Trì		2	103	0.00	4.00	2.25	6.25	6.50	
2490	THV.A03324	Đình Chiến	Thắng	14/04/91		TP. Việt Trì		2	102	3.75	5.50	2.50	11.75	12.00	
2491	THV.A03325	Đặng Đức	Thắng	01/08/91		Huyện Bắc Hà		1	401	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
2492	THV.A03326	Nguyễn Mạnh	Thắng	14/09/91		Huyện Lập Thạch		1	401	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
2493	THV.A03327	Nguyễn Minh	Thắng	28/07/91		Huyện Thanh Ba		1	402	2.75	5.50	3.00	11.25	11.50	
2494	THV.A03328	Nguyễn Thị	Thắng	03/09/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.50	3.50	3.25	8.25	8.50	
2495	THV.A03329	Lê Anh	Thắng	13/12/90		Huyện Phù Ninh		1	103	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
2496	THV.A03330	Tạ Văn	Thắng	02/12/91		Huyện Thanh Sơn		1	401	2.75	7.50	3.50	13.75	14.00	
2497	THV.A03331	Trần Sĩ	Thắng	30/05/91		TP. Việt Trì		2	402	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	
2498	THV.A03332	Trần Thị	Thắng	06/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		2.00	4.75	2.50	9.25	9.50	
2499	THV.A03333	Nguyễn Toàn	Thắng	26/11/89		TP. Việt Trì	04	2	103	0.50	3.75	2.25	6.50	6.50	
2500	THV.A03334	Vũ Đức	Thắng	04/09/91		Huyện Lập Thạch		2NT	403	0.00	2.00	1.75	3.75	4.00	
2501	THV.A03335	Nguyễn Tất	Thắng	17/04/91		TP. Việt Trì		2	403	1.25	4.00	1.75	7.00	7.00	
2502	THV.A03336	Nguyễn Thị Bảo	Thắng	17/02/89	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	0.25	3.75	2.50	6.50	6.50	
2503	THV.A03339	Lê Đức	Thắng	01/10/91		Huyện Phù Ninh		1	401	2.75	3.75	3.25	9.75	10.00	
2504	THV.A03340	Đoàn Thị Hồng	Thắng	23/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.25	3.50	2.75	8.50	8.50	
2505	THV.A03341	Hồ Minh	Thắng	18/06/90		Huyện Phù Ninh		1	401	1.00	3.25	3.50	7.75	8.00	
2506	THV.A03343	Khổng Xuân	Thắng	09/04/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.00	3.50	3.75	7.25	7.50	
2507	THV.A03344	Lê Khắc Đức	Thắng	28/09/91		Huyện Lập Thạch		1	402	5.50	7.50	4.50	17.50	17.50	
2508	THV.A03345	Bùi Tiến	Thắng	27/09/90		Huyện Cẩm Khê		2NT		1.50	2.50	2.50	6.50	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2509	THV.A03347	Triệu Quang	Thắng	10/09/91		TP. Việt Trì	02	1		0.50	4.25	3.00	7.75	8.00	
2510	THV.A03348	Nguyễn Chiến	Thắng	27/01/90		Huyện Lâm Thao		2NT	304	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2511	THV.A03351	Hà Thị	Thêu	09/12/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	401	1.00	3.75	1.75	6.50	6.50	
2512	THV.A03352	Bùi Thị	Thêu	10/06/90	Nữ	Huyện Yên Thủy	01	1	904	1.00	4.50	1.75	7.25	7.50	
2513	THV.A03353	Đình Quang	Thế	10/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	103	1.50	3.75	3.00	8.25	8.50	
2514	THV.A03355	Đỗ Văn	Thế	22/11/91		Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.25	4.50	3.50	10.25	10.50	
2515	THV.A03356	Đào Thị	Thế	23/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	3.00	6.00	3.00	12.00	12.00	
2516	THV.A03357	Bùi Thị	Thị	10/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	0.50	2.25	2.75	5.50	5.50	
2517	THV.A03359	Đặng Đình	Thị	04/08/91		Huyện Phù Ninh		1	402	1.50	4.00	4.00	9.50	9.50	
2518	THV.A03360	Nguyễn Thị Kim	Thị	22/02/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	1.75	2.75	5.25	5.50	
2519	THV.A03361	Nguyễn Đình	Thị	06/10/91		TP. Việt Trì		2	403	2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
2520	THV.A03362	Đỗ Quốc	Thị	29/04/91		Huyện Phù Ninh		2NT		1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
2521	THV.A03363	Trần Thị Thu	Thị	09/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.00	5.00	2.50	9.50	9.50	
2522	THV.A03364	Nguyễn Thị	Thị	06/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	102	1.75	5.00	2.50	9.25	9.50	
2523	THV.A03365	Ngô Huy	Thiêm	12/12/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	2.00	5.50	2.25	9.75	10.00	
2524	THV.A03369	Đào Thị Minh	Thiện	02/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
2525	THV.A03370	Tạ Công	Thiện	17/04/91		Huyện Tam Nông		1	403	0.25	4.50	3.75	8.50	8.50	
2526	THV.A03371	Hoàng Thị	Thiếp	02/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	2.00	5.25	1.75	9.00	9.00	
2527	THV.A03372	Phan Đình	Thiếu	20/07/91		Huyện Cẩm Khê		1	101	3.50	7.25	3.50	14.25	14.50	
2528	THV.A03373	Ma Thị	Thích	08/08/90	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	904	1.50	3.75	2.00	7.25	7.50	
2529	THV.A03374	Hoàng Thị	Thỉnh	25/10/89	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	2.00	3.75	4.50	10.25	10.50	
2530	THV.A03375	Đặng Văn	Thịnh	12/07/90		Thị xã Phú Thọ		2		0.00	.	.	0.00	0.00	
2531	THV.A03376	Nguyễn Văn	Thịnh	06/02/91		Huyện Tân Sơn		1	403	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2532	THV.A03377	Phùng Thị	Thịnh	13/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	2.75	5.25	2.50	10.50	10.50	
2533	THV.A03378	Hoàng Văn	Thịnh	15/07/90		Huyện Sơn Dương		1	403	0.75	2.75	1.00	4.50	4.50	
2534	THV.A03379	Đặng Đức	Thịnh	08/10/91		Huyện Tam Nông		1	403	2.25	4.50	2.25	9.00	9.00	
2535	THV.A03380	Trần Thị	Thịnh	20/11/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	2.00	5.50	3.25	10.75	11.00	
2536	THV.A03381	Bùi Văn	Thịnh	28/09/91		TP. Việt Trì		2	402	2.00	3.25	2.75	8.00	8.00	
2537	THV.A03382	Bùi Thị	Thịnh	25/09/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	4.25	4.50	2.75	11.50	11.50	
2538	THV.A03383	Trần Bá	Thịnh	17/03/91		Huyện Văn Yên		1	403	1.75	4.25	0.75	6.75	7.00	
2539	THV.A03384	Nguyễn Xuân	Thịnh	04/10/91		Huyện Thanh Ba		1	403	3.25	5.50	2.00	10.75	11.00	
2540	THV.A03385	Vi Đức	Thịnh	07/05/91		Huyện Phù Ninh		1	103	3.25	5.00	2.75	11.00	11.00	
2541	THV.A03387	Nguyễn Đức	Thịnh	03/12/91		Huyện Cẩm Khê		1	103	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2542	THV.A03388	Vũ Huy	Thịnh	02/10/85		Huyện Cẩm Khê	01	2	101	3.00	6.50	3.25	12.75	13.00	
2543	THV.A03391	Nguyễn Thị	Thoa	16/06/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1	403	1.25	3.50	1.50	6.25	6.50	
2544	THV.A03392	Lê Thị Kim	Thoa	20/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	0.50	4.00	2.50	7.00	7.00	
2545	THV.A03394	Nguyễn Thị Kim	Thoa	02/06/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	305	1.00	2.75	2.75	6.50	6.50	
2546	THV.A03395	Nguyễn Thị	Thoa	07/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	2.00	3.25	2.00	7.25	7.50	
2547	THV.A03396	Nguyễn Thị Kim	Thoa	06/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	3.00	5.75	1.25	10.00	10.00	
2548	THV.A03397	Nguyễn Thị	Thoa	12/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2549	THV.A03398	Nguyễn Thị	Thoa	17/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	101	1.25	5.25	2.25	8.75	9.00	
2550	THV.A03399	Dương Thị	Thoa	24/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	2.25	4.00	2.50	8.75	9.00	
2551	THV.A03400	Nguyễn Thị	Thoa	15/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2	403	1.00	4.00	3.75	8.75	9.00	
2552	THV.A03401	Trần Thị Kim	Thoa	14/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	3.50	4.75	3.50	11.75	12.00	
2553	THV.A03402	Bùi Thị Thanh	Thoan	28/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	3.75	7.50	3.75	15.00	15.00	
2554	THV.A03404	Phạm Thị	Thoả	26/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.25	3.50	3.00	6.75	7.00	
2555	THV.A03406	Ngô Đức	Thoại	10/11/90		Huyện Thanh Sơn		1	101	0.50	4.50	5.00	10.00	10.00	
2556	THV.A03407	Đỗ Thịnh	Thọ	02/02/91		Thị xã Phú Thọ		2	403	0.50	3.00	3.75	7.25	7.50	
2557	THV.A03408	Đặng Hữu	Thọ	12/11/90		Huyện Hạ Hoà		1	403	2.00	4.50	2.25	8.75	9.00	
2558	THV.A03409	Lương Đức	Thọ	26/08/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	401	1.00	3.00	3.25	7.25	7.50	
2559	THV.A03410	Nguyễn Văn	Thông	18/02/91		Huyện Yên Lạc		2NT	101	7.00	6.25	5.25	18.50	18.50	
2560	THV.A03412	Đào Văn	Thông	28/11/90		Huyện Lâm Thao		2NT	403	1.50	4.25	5.00	10.75	11.00	
2561	THV.A03415	Vũ Đức	Thông	02/09/82		Huyện Lâm Thao		2NT	101	5.25	6.50	5.50	17.25	17.50	
2562	THV.A03416	Vũ Văn	Thông	17/02/91		Huyện Lập Thạch		1	403	1.75	3.75	2.50	8.00	8.00	
2563	THV.A03418	Lý Thị	Thơ	15/11/90	Nữ	Huyện Lục Yên	01	1	403	0.50	2.25	1.00	3.75	4.00	
2564	THV.A03419	Lê Thị	Thơ	20/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	103	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
2565	THV.A03422	Phàn Thị Hồng	Thơ	10/11/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	103	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
2566	THV.A03424	Nguyễn Thị	Thơ	01/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	402	0.50	5.50	2.75	8.75	9.00	
2567	THV.A03425	Nguyễn Thị	Thơ	26/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.75	3.25	3.00	8.00	8.00	
2568	THV.A03426	Hoàng Thị	Thơ	21/04/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	402	1.00	4.50	2.00	7.50	7.50	
2569	THV.A03427	Lê Thị	Thơ	12/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	1.00	3.25	3.00	7.25	7.50	
2570	THV.A03429	Lã Thị	Thơ	22/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	904	2.75	4.50	3.25	10.50	10.50	
2571	THV.A03430	Hoàng Thị Thu	Thơ	28/07/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	401	5.00	7.50	3.25	15.75	16.00	
2572	THV.A03431	Khổng Thị	Thơ	26/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	2.50	2.75	6.50	6.50	
2573	THV.A03433	Hoàng Thị	Thơ	03/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	0.25	3.00	1.50	4.75	5.00	
2574	THV.A03434	Nguyễn Thị	Thơ	17/05/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	2.00	3.50	2.25	7.75	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2575	THV.A03435	Đỗ Thị Thơm	26/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.50	3.25	3.00	6.75	7.00	
2576	THV.A03436	Đặng Thị Thơm	15/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	2.50	3.00	1.75	7.25	7.50	
2577	THV.A03439	Nguyễn Thị Huyền	04/10/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	402	0.25	3.25	3.75	7.25	7.50	
2578	THV.A03441	Lê Minh Thu	10/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		0.25	4.75	2.50	7.50	7.50	
2579	THV.A03443	Nguyễn Thị Thu	12/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	1.00	4.25	3.50	8.75	9.00	
2580	THV.A03445	Vũ Thị Thu	11/06/91	Nữ	Huyện Bắc Quang		1	402	0.00	1.25	2.00	3.25	3.50	
2581	THV.A03450	Lê Thị Minh Thu	01/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	2.75	4.00	2.75	9.50	9.50	
2582	THV.A03451	Trần Thị Thu	03/03/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	101	2.00	6.00	2.25	10.25	10.50	
2583	THV.A03453	Nguyễn Thị Lệ Thu	24/09/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	0.50	4.00	3.00	7.50	7.50	
2584	THV.A03454	Nguyễn Thị Minh Thu	24/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.00	2.25	2.50	5.75	6.00	
2585	THV.A03456	Dương Thị Thu	16/04/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT	904	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
2586	THV.A03457	Nguyễn Thị Kim Thu	03/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00	
2587	THV.A03459	Nguyễn Hoàng Thu	19/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	2.50	4.50	4.25	11.25	11.50	
2588	THV.A03460	Nguyễn Thị Thu	04/10/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1		1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
2589	THV.A03462	Phùng Thị Huyền Thu	12/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
2590	THV.A03463	Nguyễn Thị Thu	26/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.75	5.50	4.50	12.75	13.00	
2591	THV.A03464	Triệu Thị Thu	04/04/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà	01	1		0.25	3.75	2.00	6.00	6.00	
2592	THV.A03465	Nguyễn Mai Thu	08/11/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		2.50	8.00	3.25	13.75	14.00	
2593	THV.A03466	Lê Thị Minh Thu	31/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		0.50	3.25	2.00	5.75	6.00	
2594	THV.A03468	Dương Lệ Thu	05/05/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	102	1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
2595	THV.A03469	Vũ Thị Thu	14/01/90	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	101	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
2596	THV.A03470	Nguyễn Thị Thu	27/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	1.25	3.25	1.75	6.25	6.50	
2597	THV.A03471	Dương Thị Thu	21/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường	06	2NT	101	3.50	3.25	2.00	8.75	9.00	
2598	THV.A03473	Trần Lệ Thu	18/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.75	4.00	2.25	8.00	8.00	
2599	THV.A03475	Nguyễn Thị Thu	15/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao	06	1	403	1.75	4.25	3.00	9.00	9.00	
2600	THV.A03476	Hà Kiều Thu	31/07/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	01	kv1	403	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2601	THV.A03477	Nguyễn Thị Thu	06/10/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.25	5.50	3.75	13.50	13.50	
2602	THV.A03478	Nguyễn Thanh Thu	02/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	4.25	6.25	3.50	14.00	14.00	
2603	THV.A03479	Ngô Thị Ngọc Thu	07/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	3.75	4.00	3.50	11.25	11.50	
2604	THV.A03480	Nguyễn Thị Thu	26/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	403	0.50	3.50	1.50	5.50	5.50	
2605	THV.A03483	Bùi Thị Thu	16/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	3.25	4.50	3.75	11.50	11.50	
2606	THV.A03484	Phùng Thị Thu	26/08/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	2.00	3.00	2.25	7.25	7.50	
2607	THV.A03485	Phạm Thị Minh Thu	12/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	403	2.00	2.75	2.75	7.50	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2608	THV.A03487	Vũ Thị	Thuần	10/03/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	3.25	4.75	3.00	11.00	11.00	
2609	THV.A03488	Lanh Thị	Thuận	12/05/90	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	402	0.50	4.50	3.50	8.50	8.50	
2610	THV.A03489	Nguyễn Đức	Thuận	31/10/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	2.25	5.75	3.00	11.00	11.00	
2611	THV.A03490	Nguyễn Thị	Thuận	02/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	2.75	5.75	2.50	11.00	11.00	
2612	THV.A03491	Trần Văn	Thuận	10/05/91		Huyện Lâm Thao		1	306	1.50	3.75	2.75	8.00	8.00	
2613	THV.A03492	Vũ Văn	Thuận	20/06/91		Huyện Hạ Hoà		1	102	1.25	2.25	2.50	6.00	6.00	
2614	THV.A03494	Vũ Thị Bích	Thuận	15/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	1.75	3.75	2.50	8.00	8.00	
2615	THV.A03496	Trần Ngọc	Thuận	05/10/91		Thị xã Phú Thọ		2		2.50	2.50	2.50	7.50	7.50	
2616	THV.A03497	Trần Trung	Thuận	15/10/91		Huyện Lâm Thao		1	403	1.25	6.00	4.00	11.25	11.50	
2617	THV.A03498	Nguyễn Thị	Thuận	11/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng	04	1	904	1.50	4.50	2.50	8.50	8.50	
2618	THV.A03499	Hà Quang	Thuận	22/08/91		TP. Việt Trì		1		2.25	4.50	2.50	9.25	9.50	
2619	THV.A03500	Trịnh Thị	Thuận	29/08/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	403	2.00	4.00	3.25	9.25	9.50	
2620	THV.A03501	Nguyễn Thị	Thuận	06/11/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1		0.50	2.50	2.50	5.50	5.50	
2621	THV.A03502	Nguyễn Văn	Thuận	12/08/91		Huyện Thanh Sơn		1	102	1.50	4.75	2.50	8.75	9.00	
2622	THV.A03505	Phạm Thị	Thuyết	27/12/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	3.00	6.00	3.00	12.00	12.00	
2623	THV.A03506	Đình Thị	Thuyết	14/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	401	3.00	4.00	1.50	8.50	8.50	
2624	THV.A03507	Nguyễn Thị	Thuý	04/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	102	2.25	4.25	3.25	9.75	10.00	
2625	THV.A03508	Phạm Thị	Thuý	22/07/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	101	3.75	6.25	3.50	13.50	13.50	
2626	THV.A03509	Lê Thị	Thuý	06/06/90	Nữ	Huyện Văn Yên		1	103	2.75	5.00	2.50	10.25	10.50	
2627	THV.A03511	Nguyễn Diệu	Thuý	06/02/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1		1.25	3.50	1.75	6.50	6.50	
2628	THV.A03512	Phùng Thị Kim	Thuý	26/09/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	402	1.75	2.50	1.75	6.00	6.00	
2629	THV.A03514	Nguyễn Thị Minh	Thuý	01/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2		3.50	4.50	3.50	11.50	11.50	
2630	THV.A03515	Đỗ Thị Thu	Thuý	21/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	4.00	5.50	3.75	13.25	13.50	
2631	THV.A03516	Hoàng Thị	Thuý	18/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
2632	THV.A03518	Hoàng Thị	Thuý	24/10/91	Nữ	Huyện Hàm Yên	01	1	403	2.00	3.00	2.50	7.50	7.50	
2633	THV.A03519	Nguyễn Thị Kim	Thuý	13/04/90	Nữ	Huyện Tam Nông		2	403	1.75	4.00	2.50	8.25	8.50	
2634	THV.A03520	Vi Thị	Thuý	11/09/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	101	2.25	4.25	2.75	9.25	9.50	
2635	THV.A03521	Đỗ Thị	Thuý	19/05/89	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	402	0.50	4.50	2.25	7.25	7.50	
2636	THV.A03522	Bùi Thị Diệu	Thuý	10/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.50	4.25	2.50	8.25	8.50	
2637	THV.A03524	Hoàng Thị Cẩm	Thuý	28/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	3.00	5.50	1.75	10.25	10.50	
2638	THV.A03525	Lê Thị	Thuý	03/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	0.25	2.00	2.50	4.75	5.00	
2639	THV.A03527	Lê Phương	Thuý	04/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	904	1.25	3.00	2.75	7.00	7.00	
2640	THV.A03528	Nguyễn Văn	Thuý	04/02/89		Huyện Văn Yên		1	402	0.75	4.50	2.75	8.00	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2641	THV.A03529	Hoàng Thị Ngọc Thuý	21/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai	01	1	403	2.00	7.00	2.50	11.50	11.50	
2642	THV.A03530	Nguyễn Thị Minh Thuý	16/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.75	5.50	3.00	11.25	11.50	
2643	THV.A03531	Nguyễn Thị Thuý	02/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.50	3.00	1.75	5.25	5.50	
2644	THV.A03532	Ngô Thị Minh Thuý	11/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.75	4.25	3.50	9.50	9.50	
2645	THV.A03533	Trần Thị Hồng Thuý	11/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	102	2.00	5.50	3.00	10.50	10.50	
2646	THV.A03534	Phạm Thị Thanh Thuý	10/12/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.00	5.25	2.50	10.75	11.00	
2647	THV.A03536	Nguyễn Thị Thuý	16/01/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.75	2.50	3.25	6.50	6.50	
2648	THV.A03537	Nguyễn Thị Thuý	06/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	4.50	2.50	3.00	10.00	10.00	
2649	THV.A03538	Phan Thị Phương Thuý	22/03/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên	06	2NT	304	2.00	3.75	1.50	7.25	7.50	
2650	THV.A03539	Trần Thị Thuý	01/01/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	1.50	1.75	2.00	5.25	5.50	
2651	THV.A03540	Bùi Thị Diệu Thuý	11/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.75	2.75	1.75	5.25	5.50	
2652	THV.A03542	Nguyễn Thị Thanh Thuý	02/08/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	0.00	3.25	2.25	5.50	5.50	
2653	THV.A03544	Nguyễn Thị Thuý	16/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	2.50	5.00	4.25	11.75	12.00	
2654	THV.A03547	Nguyễn Thị Thuý	19/11/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	904	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
2655	THV.A03548	Hoàng Thị Thuý	12/04/88	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	306	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
2656	THV.A03549	Lê Thị Thuý	29/02/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	2.50	4.00	3.50	10.00	10.00	
2657	THV.A03550	Nguyễn Văn Thuý	12/02/91		Huyện Lập Thạch		1	103	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
2658	THV.A03551	Đặng Thị Thuý	12/08/91	Nữ	Huyện Lương Tài		2NT	402	5.50	6.00	2.50	14.00	14.00	
2659	THV.A03552	Nguyễn Thị Kim Thuý	01/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	5.00	8.50	5.75	19.25	19.50	
2660	THV.A03554	Đoàn Thanh Thuý	07/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	3.25	6.25	1.75	11.25	11.50	
2661	THV.A03555	Tô Thị Thuý	29/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	402	3.50	5.50	2.75	11.75	12.00	
2662	THV.A03556	Lê Thị Thuý	21/12/91	Nữ	Huyện Tam Dương	06	2NT	306	0.50	2.50	3.00	6.00	6.00	
2663	THV.A03558	Cù Thị Thu Thuý	29/12/90	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì		1		1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
2664	THV.A03559	Nguyễn Thị Thu Thuý	06/03/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	403	2.00	4.50	2.25	8.75	9.00	
2665	THV.A03561	Cao Văn Thuý	11/11/90		Huyện Đoan Hùng		1	401	0.50	2.75	2.50	5.75	6.00	
2666	THV.A03562	Nguyễn Thanh Thuý	20/04/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	402	0.75	3.50	3.50	7.75	8.00	
2667	THV.A03563	Phan Thị Thuý	03/10/91	Nữ	Huyện Điện Biên		1	403	1.25	3.25	1.50	6.00	6.00	
2668	THV.A03564	Trần Thị Thuý	31/05/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
2669	THV.A03565	Triệu Thị Thanh Thuý	19/11/84	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	3.50	5.75	2.50	11.75	12.00	
2670	THV.A03567	Trần Xuân Thuý	23/10/91		Huyện Văn Yên		1	102	2.75	5.75	3.50	12.00	12.00	
2671	THV.A03568	Trần Thị Thu Thuý	09/11/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	2.00	4.50	2.75	9.25	9.50	
2672	THV.A03570	Nguyễn Thị Thuý	10/10/91	Nữ	Huyện Quang Bình		1	103	1.25	5.00	3.50	9.75	10.00	
2673	THV.A03571	Nguyễn Thị Bích Thuý	17/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.25	3.00	3.75	8.00	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2674	THV.A03572	Hà Thị Thu Thuỷ	17/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		3.25	5.25	2.25	10.75	11.00	
2675	THV.A03574	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	20/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2676	THV.A03576	Nguyễn Thị Phương Thanh Thuỷ	11/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	3.75	2.50	7.00	7.00	
2677	THV.A03577	Đỗ Thị Thuỷ	11/04/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
2678	THV.A03580	Hà Thu Thuỷ	12/05/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.75	4.50	2.00	8.25	8.50	
2679	THV.A03581	Lê Thị Thu Thuỷ	20/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.50	2.00	3.00	6.50	6.50	
2680	THV.A03583	Hoàng Thị Thuỷ	01/05/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.50	4.00	2.50	8.00	8.00	
2681	THV.A03585	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	04/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.50	3.00	2.75	6.25	6.50	
2682	THV.A03587	Nguyễn Văn Thuỷ	20/12/91		Huyện Cẩm Khê		1	103	2.25	4.50	3.00	9.75	10.00	
2683	THV.A03588	Nguyễn Thị Thuỷ	10/07/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	2.50	4.50	4.50	11.50	11.50	
2684	THV.A03590	Hoàng Thị Thuỷ	04/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	102	1.00	3.50	2.50	7.00	7.00	
2685	THV.A03591	Nguyễn Thị Thuỷ	17/03/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	103	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2686	THV.A03592	Trần Thị Thuỷ	23/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	0.25	2.25	1.50	4.00	4.00	
2687	THV.A03593	Nguyễn Thị Thu Thuỷ	07/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.25	4.50	2.25	8.00	8.00	
2688	THV.A03594	Tạ Thị Thuỷ	08/03/90	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	2.00	3.50	4.00	9.50	9.50	
2689	THV.A03595	Hà Thị Thuỷ	14/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.75	2.25	3.00	7.00	7.00	
2690	THV.A03596	Khổng Thị Thuỷ	23/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	102	2.50	6.00	3.50	12.00	12.00	
2691	THV.A03597	Nguyễn Thị Ngọc Thuỷ	26/11/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	3.50	7.75	1.50	12.75	13.00	
2692	THV.A03598	Nguyễn Thị Bích Thuỷ	29/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	4.50	7.50	3.50	15.50	15.50	
2693	THV.A03599	Khung Thị Thuỷ	09/11/91	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1		1.00	4.75	2.50	8.25	8.50	
2694	THV.A03600	Nguyễn Văn Thuỷ	02/11/91		TP. Việt Trì		2	103	2.50	5.00	2.75	10.25	10.50	
2695	THV.A03602	Vì Thị Thuỷ	29/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	402	1.25	2.50	3.50	7.25	7.50	
2696	THV.A03603	Trần Thị Minh Thuỷ	23/04/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	102	2.00	3.50	3.50	9.00	9.00	
2697	THV.A03604	Hoàng Thị Thuỷ	23/05/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	403	0.75	5.00	2.75	8.50	8.50	
2698	THV.A03605	Tạ Thị Thuỷ	14/07/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	401	0.00	1.50	3.00	4.50	4.50	
2699	THV.A03606	Đỗ Thị Thuỷ	01/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		0.75	2.75	2.25	5.75	6.00	
2700	THV.A03607	Đình Thị Thuỷ	21/09/91	Nữ	Huyện Phù Yên	01	1	701	0.00	2.75	2.00	4.75	5.00	
2701	THV.A03608	Lương Thị Thuỷ	27/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	2.25	4.50	3.25	10.00	10.00	
2702	THV.A03609	Nguyễn Thị Thuỷ	16/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	401	5.00	4.50	2.75	12.25	12.50	
2703	THV.A03610	Nguyễn Thị Phương Thuỷ	27/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	1.50	4.25	3.00	8.75	9.00	
2704	THV.A03611	Lưu Thị Thuỷ	16/02/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1	403	1.25	4.00	2.50	7.75	8.00	
2705	THV.A03612	Tô Thị Thanh Thuỷ	19/04/91	Nữ	Huyện Ba Vì		2NT		1.25	2.75	2.00	6.00	6.00	
2706	THV.A03613	Nguyễn Thị Phương Thuỷ	13/10/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	403	5.75	7.25	4.00	17.00	17.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2707	THV.A03614	Đặng Thị Thúy	Thúy	01/10/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2NT	402	0.75	3.50	4.00	8.25	8.50
2708	THV.A03617	Nguyễn Thị Hồng	Thúy	14/10/90	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	402	3.50	6.50	2.50	12.50	12.50
2709	THV.A03618	Trần Thanh	Thúy	03/06/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	0.00	2.25	2.50	4.75	5.00
2710	THV.A03620	Nguyễn Thị	Thúy	16/06/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50
2711	THV.A03621	Trần Kim	Thúy	10/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	402	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50
2712	THV.A03622	Cao Diệu	Thúy	24/07/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	403	2.00	5.50	2.00	9.50	9.50
2713	THV.A03623	Nguyễn Thị Bích	Thúy	04/02/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	403	2.50	3.00	2.50	8.00	8.00
2714	THV.A03624	Ngọc Thị	Thúy	10/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	1.00	2.25	2.75	6.00	6.00
2715	THV.A03627	Bùi Lệ	Thúy	04/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1		1.75	4.00	1.50	7.25	7.50
2716	THV.A03628	Đào Lệ	Thúy	03/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	101	2.25	4.25	2.00	8.50	8.50
2717	THV.A03629	Hà Thị Thanh	Thúy	06/02/90	Nữ	Huyện Yên Lập	06	1	101	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00
2718	THV.A03630	Hà Thị Bích	Thúy	24/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	102	1.50	5.50	1.75	8.75	9.00
2719	THV.A03631	Nguyễn Thu	Thúy	26/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	3.00	4.50	1.00	8.50	8.50
2720	THV.A03632	Nguyễn Thị	Thúy	28/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	1.25	4.00	3.50	8.75	9.00
2721	THV.A03633	Dư Thị	Thúy	20/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.75	4.50	1.50	8.75	9.00
2722	THV.A03635	Đỗ Thị Thu	Thúy	17/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	402	2.00	5.00	3.50	10.50	10.50
2723	THV.A03636	Phạm Thị	Thúy	26/01/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	1.50	3.00	1.75	6.25	6.50
2724	THV.A03638	Phạm Thị	Thúy	06/11/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	904	1.75	3.75	4.25	9.75	10.00
2725	THV.A03639	Nguyễn Thị Lệ	Thúy	30/03/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	402	3.75	5.75	2.75	12.25	12.50
2726	THV.A03641	Trần Thị Thu	Thúy	29/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	103	1.00	2.75	2.25	6.00	6.00
2727	THV.A03642	Phạm Thị	Thúy	02/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	4.75	5.50	2.50	12.75	13.00
2728	THV.A03643	Vũ Thị	Thúy	14/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.00	4.75	2.25	8.00	8.00
2729	THV.A03645	Lã Thị Hồng	Thư	14/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	306	1.00	3.00	1.75	5.75	6.00
2730	THV.A03646	Đoàn Thị Anh	Thư	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy	06	1	101	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50
2731	THV.A03647	Đào Thị	Thư	20/04/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		1.25	3.50	1.50	6.25	6.50
2732	THV.A03648	Phùng Văn	Thư	17/09/91		Huyện Tam Nông		1	402	3.00	6.25	3.50	12.75	13.00
2733	THV.A03653	Nguyễn Thị Huyền	Thương	03/09/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	403	2.25	5.25	4.00	11.50	11.50
2734	THV.A03654	Nguyễn Thị	Thương	04/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.25	3.75	3.00	9.00	9.00
2735	THV.A03655	Đặng Thị Hồng	Thương	08/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	2.00	2.50	3.25	7.75	8.00
2736	THV.A03656	Phạm Thị Hồng	Thương	18/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	0.50	3.00	2.50	6.00	6.00
2737	THV.A03657	Lương Thị	Thương	12/02/89	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	101	4.00	6.50	4.50	15.00	15.00
2738	THV.A03658	Vũ Hồng	Thương	23/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.75	4.25	3.50	10.50	10.50
2739	THV.A03659	Nguyễn Thị	Thương	12/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	4.50	5.25	3.00	12.75	13.00

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2740	THV.A03660	Tạ Thị	Thương	05/02/91	Nữ	Huyện Tam Nông	06	1	402	2.00	4.25	2.75	9.00	9.00	
2741	THV.A03661	Đình Thị Huyền	Thương	24/02/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	101	0.25	2.50	1.75	4.50	4.50	
2742	THV.A03662	Trần Thị Thương	Thương	28/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	3.00	5.50	3.75	12.25	12.50	
2743	THV.A03663	Mai Nguyễn Quỳnh	Thương	15/02/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
2744	THV.A03667	Nguyễn Thị	Thương	24/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	2.25	4.00	2.75	9.00	9.00	
2745	THV.A03668	Lê Thị	Thương	28/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		2.00	5.75	2.00	9.75	10.00	
2746	THV.A03669	Quách Đình	Thường	29/08/90		Huyện Kim Bôi	01	1	306	0.00	3.00	2.00	5.00	5.00	
2747	THV.A03670	Lê Thị	Thường	06/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	1.50	3.50	2.25	7.25	7.50	
2748	THV.A03671	Nguyễn Văn	Thường	17/10/90		Huyện Thanh Ba		2		0.75	4.00	2.50	7.25	7.50	
2749	THV.A03672	Quản Mạnh	Thường	25/11/83		Huyện Lâm Thao		1	103	5.25	5.00	2.50	12.75	13.00	
2750	THV.A03673	Vàng Kháy	Thường	10/05/91		Huyện Xín Mần	01	1	403	1.25	2.75	2.75	6.75	7.00	
2751	THV.A03674	Nguyễn Mạnh	Thường	03/06/91		Huyện Phù Ninh	06	2	402	1.25	3.25	2.25	6.75	7.00	
2752	THV.A03676	Lưu Mạnh	Thức	06/12/91		Huyện Phù Ninh		1	403	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
2753	THV.A03677	Nguyễn Kiến	Thức	05/06/91		Huyện Phù Ninh		1	403	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
2754	THV.A03678	Phạm Mạnh	Thức	13/07/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.00	2.50	2.50	5.00	5.00	
2755	THV.A03680	Hà Thị	Thức	25/05/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	305	0.50	2.50	2.00	5.00	5.00	
2756	THV.A03681	Vũ Duy	Thức	23/07/91		Thành phố Hoà Bình		1	402	2.25	6.00	3.50	11.75	12.00	
2757	THV.A03682	Nguyễn Văn	Thức	15/08/91		Huyện Hạ Hoà		1		2.25	5.50	2.25	10.00	10.00	
2758	THV.A03683	Nguyễn Ngọc	Thức	14/10/91		Huyện Phù Ninh		2	101	2.25	6.50	4.50	13.25	13.50	
2759	THV.A03685	Nguyễn Thị	Thực	07/03/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	904	0.75	2.50	3.00	6.25	6.50	
2760	THV.A03686	Nguyễn Thị	Thực	08/05/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	401	0.50	3.75	2.50	6.75	7.00	
2761	THV.A03687	Đặng Thuý	Tiến	13/02/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.25	4.00	2.50	8.75	9.00	
2762	THV.A03688	Nguyễn Duy	Tiến	21/06/91		Huyện Cẩm Khê	06	1	101	3.00	5.75	2.25	11.00	11.00	
2763	THV.A03689	Nguyễn Văn	Tiến	16/03/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	403	0.50	2.50	3.00	6.00	6.00	
2764	THV.A03691	Bùi	Tiến	14/12/91		TP. Điện Biên Phủ		1	403	3.25	5.00	3.25	11.50	11.50	
2765	THV.A03693	Nguyễn Văn	Tiến	27/06/91		Huyện Mê Linh		2NT	103	2.75	4.00	3.00	9.75	10.00	
2766	THV.A03694	Lê Đức	Tiến	06/08/91		Huyện Phù Ninh		1	403	2.50	4.25	1.75	8.50	8.50	
2767	THV.A03696	Nguyễn Đình	Tiến	12/02/91		TP. Việt Trì		2	403	2.50	5.75	1.25	9.50	9.50	
2768	THV.A03697	Vũ Minh	Tiến	30/09/91		Huyện Thanh Thủy		1	403	2.75	3.50	2.50	8.75	9.00	
2769	THV.A03698	Lương Thị	Tiến	29/09/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	101	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
2770	THV.A03699	Lê Xuân	Tiến	04/03/91		Thị xã Phú Thọ		2		0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
2771	THV.A03701	Nguyễn Việt	Tiến	15/05/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	4.25	6.25	2.75	13.25	13.50	
2772	THV.A03702	Đặng Việt	Tiến	23/08/90		Huyện Tam Nông		1	103	0.75	4.50	2.50	7.75	8.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2773	THV.A03703	Phan Anh	Tiến	25/04/90		TP. Việt Trì		2	402	0.50	3.50	3.00	7.00	7.00	
2774	THV.A03705	Nguyễn Anh	Tiến	05/07/91		Thành phố Lào Cai		1	402	1.00	4.25	2.00	7.25	7.50	
2775	THV.A03706	Nguyễn Thị Kim	Tiến	01/11/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	5.50	8.25	5.00	18.75	19.00	
2776	THV.A03708	Hoàng Minh	Tiến	14/07/91		Huyện Tân Sơn	01	1	102	2.00	3.50	3.75	9.25	9.50	
2777	THV.A03709	Vũ Văn	Tiến	27/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	3.25	2.50	7.25	7.50	
2778	THV.A03711	Phùng Văn	Tiến	01/07/90		Huyện Phù Ninh		1	402	1.00	3.75	2.00	6.75	7.00	
2779	THV.A03712	Trần Quang	Tín	06/06/91		Huyện Lập Thạch		1	403	3.75	4.75	4.75	13.25	13.50	
2780	THV.A03713	Phạm Cửu	Tín	30/02/91		Huyện Yên Lạc		2NT	103	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
2781	THV.A03716	Thân Văn	Tình	09/05/91		Huyện Lâm Thao		1	402	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
2782	THV.A03717	Nguyễn Thị	Tình	09/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	102	5.25	7.00	4.50	16.75	17.00	
2783	THV.A03718	Lê Thị	Tình	28/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	102	2.25	5.50	1.50	9.25	9.50	
2784	THV.A03719	Trần Thị	Tình	04/08/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
2785	THV.A03720	Nguyễn Thị	Tình	18/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	2NT	101	1.25	4.50	3.25	9.00	9.00	
2786	THV.A03721	Lùng Văn	Tình	08/01/88		Huyện Mường Khương	01	1	904	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
2787	THV.A03722	Trương Thị	Tình	02/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	904	2.75	3.75	2.00	8.50	8.50	
2788	THV.A03723	Trần Thị	Tình	21/01/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	3.00	7.25	3.50	13.75	14.00	
2789	THV.A03724	Nguyễn Tuấn	Tình	05/07/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	403	0.75	3.25	1.50	5.50	5.50	
2790	THV.A03726	Quách Thị	Toán	11/09/90	Nữ	Huyện Lạc Thủy	01	1	306	0.75	2.50	3.50	6.75	7.00	
2791	THV.A03728	Nguyễn Huy	Toàn	04/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	3.75	4.75	4.50	13.00	13.00	
2792	THV.A03729	Đặng Quốc	Toàn	08/12/91		Thị xã Phú Thọ	06	2	102	3.25	8.50	3.00	14.75	15.00	
2793	THV.A03731	Trần Mạnh	Toàn	06/01/91		Huyện Bình Xuyên		1	306	4.00	3.75	2.00	9.75	10.00	
2794	THV.A03732	Nguyễn Mạnh	Toàn	19/05/91		Huyện Chương Mỹ		2NT	403	0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
2795	THV.A03733	Nguyễn Thị Kim	Toàn	08/05/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	102	3.00	5.50	3.00	11.50	11.50	
2796	THV.A03734	Lê Văn	Toàn	20/06/90		Huyện Lập Thạch		1	401	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
2797	THV.A03735	Vũ Duy	Toàn	29/08/90		Huyện Cẩm Khê		1	403	1.25	2.50	3.75	7.50	7.50	
2798	THV.A03736	Hoàng Trọng	Toàn	10/03/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	103	1.75	3.50	3.50	8.75	9.00	
2799	THV.A03737	Đình Văn	Toàn	26/09/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	103	0.00	1.50	2.50	4.00	4.00	
2800	THV.A03738	Nguyễn Khắc	Toàn	12/09/91		Huyện Trấn Yên		1		1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
2801	THV.A03740	Đặng Văn	Toàn	23/09/91		Huyện Tam Nông		1		1.75	3.75	3.50	9.00	9.00	
2802	THV.A03741	Bùi Công	Toàn	24/09/91		TP. Việt Trì		2	403	1.75	5.00	3.50	10.25	10.50	
2803	THV.A03742	Trần Quốc	Toàn	04/03/91		Huyện Thanh Thủy		1	103	1.00	4.00	2.50	7.50	7.50	
2804	THV.A03744	Nguyễn Văn	Toàn	02/06/90		Huyện Tam Nông		1	402	1.00	4.50	2.50	8.00	8.00	
2805	THV.A03745	Lương Văn	Toàn	05/05/90		Huyện Bát Xát		1	904	0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2806	THV.A03747	Vì Văn	Tòan	20/05/91		Huyện Thanh Ba		2	103	2.50	6.25	3.50	12.25	12.50	
2807	THV.A03748	Nguyễn Hữu	Tới	26/10/90		Huyện Lâm Thao	06	2NT	402	0.25	4.50	2.50	7.25	7.50	
2808	THV.A03749	Kim Thị	Tới	05/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	3.00	4.25	2.50	9.75	10.00	
2809	THV.A03750	Lương Thị Thu	Trang	26/01/91	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	101	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
2810	THV.A03751	Phạm Thị Thu	Trang	19/03/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	304	1.25	3.00	1.75	6.00	6.00	
2811	THV.A03754	Phạm Thị	Trang	06/11/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	306	0.50	3.50	0.75	4.75	5.00	
2812	THV.A03755	Nguyễn Thuỳ	Trang	23/08/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	403	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
2813	THV.A03756	Hoàng Thị Phương	Trang	22/12/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	403	0.50	3.50	1.50	5.50	5.50	
2814	THV.A03759	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/05/91	Nữ	Huyện Sóc Sơn		2	403	1.25	3.50	2.50	7.25	7.50	
2815	THV.A03762	Nguyễn Thị Huyền	Trang	10/09/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	401	0.25	2.25	2.50	5.00	5.00	
2816	THV.A03763	Nguyễn Thuỳ	Trang	24/02/91	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	305	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
2817	THV.A03764	Ngô Thị Minh	Trang	25/06/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		2.00	5.50	3.50	11.00	11.00	
2818	THV.A03767	Dương Thu	Trang	16/10/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1	403	1.75	4.00	2.25	8.00	8.00	
2819	THV.A03768	Vũ Thị Thu	Trang	09/01/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.25	4.50	2.50	8.25	8.50	
2820	THV.A03769	Lã Thị Thu	Trang	02/08/91	Nữ	Huyện Bắc Mê	01	1	403	3.00	4.50	2.50	10.00	10.00	
2821	THV.A03770	Bùi Kim	Trang	10/11/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	401	1.50	5.50	3.50	10.50	10.50	
2822	THV.A03771	Nguyễn Thị Thu	Trang	26/11/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1		1.00	2.25	3.50	6.75	7.00	
2823	THV.A03772	Hoàng Thị Thu	Trang	04/03/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	402	1.50	5.50	1.75	8.75	9.00	
2824	THV.A03773	Lê Thị Hà	Trang	23/02/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00	
2825	THV.A03775	Trần Thu	Trang	25/10/91	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1	402	0.75	5.50	1.75	8.00	8.00	
2826	THV.A03778	Nguyễn Phương	Trang	06/01/91	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	402	0.50	3.00	3.00	6.50	6.50	
2827	THV.A03780	Nguyễn Quỳnh	Trang	14/09/91	Nữ	Huyện Trấn Yên		1	403	1.25	5.25	2.50	9.00	9.00	
2828	THV.A03781	Đào Thị Thu	Trang	22/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	2.00	2.50	4.00	8.50	8.50	
2829	THV.A03782	Nguyễn Thị Thu	Trang	13/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.25	3.50	2.50	8.25	8.50	
2830	THV.A03783	Nguyễn Thị Huyền	Trang	23/02/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.25	2.50	2.25	5.00	5.00	
2831	THV.A03784	Nguyễn Thị Huyền	Trang	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	4.50	5.25	3.50	13.25	13.50	
2832	THV.A03785	Nguyễn Thị Diệu	Trang	07/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	3.50	3.50	7.75	8.00	
2833	THV.A03787	Nguyễn Thị Kiều	Trang	02/11/90	Nữ	Huyện Tân Sơn		1		0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
2834	THV.A03788	Đỗ Huyền	Trang	11/11/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1		0.50	3.25	2.25	6.00	6.00	
2835	THV.A03789	Nguyễn Thị Kiều	Trang	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	401	0.25	3.50	2.75	6.50	6.50	
2836	THV.A03790	Đỗ Thị Kiều	Trang	04/07/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	101	2.50	3.50	2.50	8.50	8.50	
2837	THV.A03791	Lê Thị Mai	Trang	10/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	401	0.25	5.00	2.00	7.25	7.50	
2838	THV.A03793	Lưu Thị Cẩm	Trang	13/05/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	101	2.50	4.00	2.25	8.75	9.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2839	THV.A03795	Trần Thị Thu Trang	20/08/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.25	4.00	3.25	9.50	9.50	
2840	THV.A03797	Nguyễn Thị Thu Trang	20/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	1.50	3.50	4.50	9.50	9.50	
2841	THV.A03799	Khuất Hà Trang	15/10/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	103	1.00	1.50	3.25	5.75	6.00	
2842	THV.A03801	Nguyễn Thị Huyền Trang	27/10/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	0.00	2.50	2.00	4.50	4.50	
2843	THV.A03803	Lê Thị Huyền Trang	21/11/89	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	401	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
2844	THV.A03805	Chu Thị Huyền Trang	18/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	0.75	2.50	1.75	5.00	5.00	
2845	THV.A03807	Đỗ Thị Thu Trang	03/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		0.25	2.00	3.50	5.75	6.00	
2846	THV.A03808	Nguyễn Thị Thu Trang	15/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	4.25	3.25	1.50	9.00	9.00	
2847	THV.A03810	Lê Thị Thu Trang	20/08/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
2848	THV.A03811	Nguyễn Huyền Trang	10/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	2.25	3.00	3.50	8.75	9.00	
2849	THV.A03812	Nguyễn Thị Kiều Trang	10/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		3.75	5.00	4.75	13.50	13.50	
2850	THV.A03813	Nguyễn Thị Nha Trang	10/10/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	101	6.50	3.50	2.50	12.50	12.50	
2851	THV.A03814	Nguyễn Thị Thu Trang	01/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	2.00	5.00	1.75	8.75	9.00	
2852	THV.A03815	Đoàn Thị Thuỳ Trang	10/05/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	403	2.00	3.75	4.75	10.50	10.50	
2853	THV.A03818	Đỗ Văn Trang	02/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	3.00	3.00	6.75	7.00	
2854	THV.A03819	Nguyễn Thị Trang	14/04/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	2.25	3.50	2.50	8.25	8.50	
2855	THV.A03820	Vương Thị Thu Trang	06/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	401	4.25	7.00	3.00	14.25	14.50	
2856	THV.A03821	Bùi Thị Kim Trang	02/09/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	904	3.50	6.00	3.50	13.00	13.00	
2857	THV.A03822	Nguyễn Thị Huyền Trang	16/10/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	403	3.75	3.00	2.50	9.25	9.50	
2858	THV.A03823	Nguyễn Hồng Trang	02/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
2859	THV.A03824	Tạ Thị Thu Trang	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	402	2.00	5.75	3.00	10.75	11.00	
2860	THV.A03825	Nguyễn Thị Huyền Trang	23/12/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	306	3.00	1.50	4.75	9.25	9.50	
2861	THV.A03826	Kim Thị Trang	09/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	904	1.25	3.25	2.25	6.75	7.00	
2862	THV.A03827	Nguyễn Huyền Trang	26/12/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	403	1.75	3.25	3.00	8.00	8.00	
2863	THV.A03828	Nguyễn Ngọc Trang	06/06/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	3.25	2.50	6.50	6.50	
2864	THV.A03829	Nguyễn Thị Thu Trang	05/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	403	1.25	3.75	2.25	7.25	7.50	
2865	THV.A03831	Nguyễn Thị Thu Trang	27/07/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
2866	THV.A03832	Đỗ Thị Huyền Trang	22/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.75	3.50	3.75	9.00	9.00	
2867	THV.A03833	Phạm Hồng Trang	13/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	1.50	2.50	3.25	7.25	7.50	
2868	THV.A03834	Nguyễn Thị Thu Trang	31/01/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		2	403	3.00	2.50	2.00	7.50	7.50	
2869	THV.A03835	Nguyễn Thị Trang	30/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	1.25	4.50	1.75	7.50	7.50	
2870	THV.A03836	Nguyễn Thị Trang	11/09/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	1.00	4.75	3.25	9.00	9.00	
2871	THV.A03837	Hà Thị Huyền Trang	18/12/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		1.25	4.25	2.75	8.25	8.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2872	THV.A03838	Đỗ Thị Thu Trang	24/08/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	3.50	5.50	3.50	12.50	12.50	
2873	THV.A03839	Nguyễn Thị Huyền Trang	05/08/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		2	403	1.50	3.25	2.50	7.25	7.50	
2874	THV.A03840	Lê Thị Huyền Trang	09/05/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	1.25	4.75	2.50	8.50	8.50	
2875	THV.A03841	Trần Thị Thu Trang	01/12/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	4.00	4.50	3.50	12.00	12.00	
2876	THV.A03842	Nguyễn Thị Kiều Trang	15/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.00	4.00	3.50	9.50	9.50	
2877	THV.A03843	Phạm Huyền Trang	14/08/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		3.00	6.00	2.00	11.00	11.00	
2878	THV.A03844	Triệu Thị Thu Trang	15/01/91	Nữ	TP. Việt Trì		1	403	3.00	4.75	3.50	11.25	11.50	
2879	THV.A03845	Đỗ Việt Trang	21/12/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	403	2.25	3.00	2.00	7.25	7.50	
2880	THV.A03846	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	3.00	4.75	3.00	10.75	11.00	
2881	THV.A03847	Kiều Trang	05/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	101	5.75	8.00	4.50	18.25	18.50	
2882	THV.A03848	Phạm Thị Huyền Trang	07/07/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
2883	THV.A03850	Nguyễn Thị Quỳnh Trang	14/05/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	904	2.25	3.50	4.75	10.50	10.50	
2884	THV.A03853	Đình Thị Trang	03/05/91	Nữ	Huyện Mai Châu	01	1	402	1.00	3.00	2.50	6.50	6.50	
2885	THV.A03854	Đỗ Thuỳ Trang	13/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT		1.50	3.50	1.75	6.75	7.00	
2886	THV.A03856	Nguyễn Thị Thu Trang	25/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	904	1.25	2.75	2.50	6.50	6.50	
2887	THV.A03858	Nguyễn Thị Trang	04/11/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
2888	THV.A03860	Tạ Thị Thu Trang	02/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	1.25	4.50	4.50	10.25	10.50	
2889	THV.A03861	Lê Thị Huyền Trang	17/08/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	3.25	6.00	3.50	12.75	13.00	
2890	THV.A03866	Vũ Thị Huyền Trang	08/02/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	101	3.50	5.75	2.50	11.75	12.00	
2891	THV.A03867	Trần Thị Trang	02/10/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	1.00	4.75	1.50	7.25	7.50	
2892	THV.A03868	Phàn Cờ Trang	16/07/88		Huyện Mèo Vạc	01	1	101	0.75	2.25	1.50	4.50	4.50	
2893	THV.A03869	Sùng A Trang	21/12/89		Huyện Trạm Tấu	01	1	403	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
2894	THV.A03870	Nguyễn Thị Trà Trang	01/04/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		2NT	904	0.25	2.75	2.50	5.50	5.50	
2895	THV.A03871	Đỗ Thị Châm Trang	12/03/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	904	2.00	4.25	2.50	8.75	9.00	
2896	THV.A03872	Nguyễn Thị Huyền Trang	03/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	0.50	3.25	3.25	7.00	7.00	
2897	THV.A03873	Phùng Văn Triện Trang	26/12/91		Huyện Bắc Quang	01	1	402	2.50	4.50	1.50	8.50	8.50	
2898	THV.A03874	Nguyễn Thị Trinh Trang	10/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	4.25	6.50	5.00	15.75	16.00	
2899	THV.A03875	Ngô Huyền Trang	26/10/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	2.50	4.25	2.75	9.50	9.50	
2900	THV.A03877	Trần Quyết Trí Trang	09/08/91		Huyện Lập Thạch		1	101	4.00	6.50	5.50	16.00	16.00	
2901	THV.A03878	Hoàng Khánh Trình Trang	22/05/89		Thị xã Hà Giang	01	1	403	0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
2902	THV.A03879	Mã Thị Trinh Trang	10/05/91	Nữ	Huyện Yên Bình	01	1		1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
2903	THV.A03880	Trần Thế Trịnh Trang	16/03/91		Huyện Cẩm Khê		1	103	1.25	3.00	3.25	7.50	7.50	
2904	THV.A03882	Hà Đình Trọng Trang	28/01/91		Huyện Lập Thạch		1	101	2.00	2.75	2.25	7.00	7.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2905	THV.A03886	Nguyễn Việt Trung	03/06/90		Huyện Tam Nông		1	403	2.25	4.50	1.25	8.00	8.00	
2906	THV.A03888	Tạ Đức Trung	31/10/91		TP. Việt Trì		2	403	2.25	4.00	3.50	9.75	10.00	
2907	THV.A03889	Lê Hoàng Trung	21/08/91		Huyện Thanh Ba		1	402	0.50	3.00	3.00	6.50	6.50	
2908	THV.A03890	Hồ Phi Trung	28/01/91		TP. Việt Trì		2		3.00	7.25	1.75	12.00	12.00	
2909	THV.A03892	Sái Việt Trung	10/05/91		TP. Việt Trì		2		4.50	6.75	6.75	18.00	18.00	
2910	THV.A03893	Thân Quang Trung	27/11/91		Huyện Cẩm Khê		1	403	1.00	2.25	2.50	5.75	6.00	
2911	THV.A03894	Phạm Bảo Trung	02/09/91		Huyện Tam Nông		1	403	0.50	2.50	2.25	5.25	5.50	
2912	THV.A03895	Vi Quang Trung	27/06/91		Huyện Thanh Ba		2	403	1.00	4.50	2.25	7.75	8.00	
2913	THV.A03896	Trần Đức Trung	25/02/91		Huyện Phù Ninh		1	103	2.00	4.50	2.50	9.00	9.00	
2914	THV.A03897	Ngô Đức Trung	10/07/91		TP. Việt Trì		2	103	4.50	5.25	2.50	12.25	12.50	
2915	THV.A03899	Đào Quang Trung	04/05/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT		3.00	3.75	2.50	9.25	9.50	
2916	THV.A03900	Đặng Văn Trung	22/03/89		Huyện Thanh Sơn		1	403	3.25	5.00	2.75	11.00	11.00	
2917	THV.A03901	Hà Trí Trung	18/12/91		Huyện Tam Dương		1	403	3.75	7.50	3.50	14.75	15.00	
2918	THV.A03902	Nguyễn Quang Trung	07/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	0.75	3.25	2.25	6.25	6.50	
2919	THV.A03904	Vũ Đức Trung	02/08/91		Thị xã Phú Thọ		2	103	3.25	4.25	1.50	9.00	9.00	
2920	THV.A03905	Nguyễn Thành Trung	21/05/91		Huyện Yên Sơn		2	402	1.75	2.00	2.50	6.25	6.50	
2921	THV.A03908	Nguyễn Quang Trung	06/12/91		TP. Việt Trì		2	403	1.00	4.25	2.75	8.00	8.00	
2922	THV.A03909	Bùi Kiên Trung	02/06/90		Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
2923	THV.A03910	Nguyễn Quang Trung	01/05/91		Huyện Cẩm Khê		1	103	2.00	4.00	2.50	8.50	8.50	
2924	THV.A03912	Nguyễn Thành Trung	08/05/91		Huyện Thanh Ba		1	904	1.25	4.50	1.50	7.25	7.50	
2925	THV.A03913	Nguyễn Thành Trung	06/02/90		Huyện Phù Ninh		1	402	0.00	4.00	1.25	5.25	5.50	
2926	THV.A03914	Lương Hữu Trường	01/02/86		Huyện Tam Nông		1	402	1.75	6.00	3.25	11.00	11.00	
2927	THV.A03915	Khuất Duy Trường	19/11/88		Huyện Phù Ninh		2		1.25	4.00	3.50	8.75	9.00	
2928	THV.A03916	Đặng Xuân Trường	11/03/91		Huyện Lâm Thao		2NT	103	0.00	1.50	2.50	4.00	4.00	
2929	THV.A03917	Nguyễn Quang Trường	05/11/91		Huyện Yên Bình		1	403	1.00	2.50	2.50	6.00	6.00	
2930	THV.A03918	Nguyễn Văn Trường	05/12/91		Huyện Văn Yên		1	401	1.75	3.75	2.50	8.00	8.00	
2931	THV.A03921	Nguyễn Quang Trường	06/11/90		Huyện Lâm Thao		2NT	401	0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
2932	THV.A03922	Nguyễn Văn Trường	01/10/90		Huyện Thanh Ba		2		0.25	3.25	1.25	4.75	5.00	
2933	THV.A03926	Khổng Duy Trường	20/11/91		TP. Việt Trì		2	103	4.25	7.75	3.50	15.50	15.50	
2934	THV.A03927	Nguyễn Huy Trường	27/02/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	403	2.25	4.75	2.25	9.25	9.50	
2935	THV.A03928	Trần Xuân Trường	23/08/90		Huyện Thanh Ba		2	101	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
2936	THV.A03929	Cao Xuân Trường	18/10/91		Huyện Tân Sơn		2	403	0.50	1.50	3.00	5.00	5.00	
2937	THV.A03930	Nguyễn Thái Trường	25/03/91		Huyện Lâm Thao		2NT	401	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2938	THV.A03931	Trần Xuân	Trường	12/05/90		Huyện Cẩm Khê	01	1	403	5.00	7.00	4.75	16.75	17.00	
2939	THV.A03932	Lê Văn	Tuân	10/03/91		Huyện Thanh Sơn		2	402	2.50	3.75	3.50	9.75	10.00	
2940	THV.A03933	Nguyễn Thành	Tuân	11/10/90		TP. Việt Trì		2	401	1.00	2.50	3.25	6.75	7.00	
2941	THV.A03934	Phạm Đức	Tuân	06/12/90		Thành phố Lào Cai		1	403	5.00	5.75	2.00	12.75	13.00	
2942	THV.A03935	Nguyễn Hữu	Tuân	20/07/88		Huyện Thanh Thủy		1	103	0.00	2.00	2.75	4.75	5.00	
2943	THV.A03936	Đình Văn	Tuân	30/09/90		Huyện Yên Lập	01	1	103	2.25	5.00	3.00	10.25	10.50	
2944	THV.A03938	La Văn	Tuân	09/08/91		Huyện Bắc Quang	01	1	403	0.00	3.50	2.50	6.00	6.00	
2945	THV.A03939	Trần Văn	Tuân	26/11/91		Huyện Văn Yên		1	401	2.25	3.25	4.00	9.50	9.50	
2946	THV.A03940	Lưu Ngọc	Tuân	28/02/91		Huyện Tam Nông		1	101	2.75	5.50	3.00	11.25	11.50	
2947	THV.A03941	Trần Văn	Tuấn	23/10/91		TP. Việt Trì		2	403	2.50	4.75	2.50	9.75	10.00	
2948	THV.A03943	Nguyễn Việt	Tuấn	07/02/91		Huyện Cẩm Khê		1	403	4.25	7.50	2.50	14.25	14.50	
2949	THV.A03944	Vũ Đức	Tuấn	20/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	102	3.25	5.50	4.50	13.25	13.50	
2950	THV.A03945	Huỳnh Anh	Tuấn	22/07/91		TP. Việt Trì		2		0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
2951	THV.A03947	Lưu Thanh	Tuấn	30/11/90		Huyện Phù Ninh		1	403	2.25	7.00	2.50	11.75	12.00	
2952	THV.A03948	Phùng Quang	Tuấn	03/02/91		TP. Việt Trì		2	103	3.75	6.75	3.00	13.50	13.50	
2953	THV.A03950	Đình Văn	Tuấn	21/04/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	103	0.50	4.75	2.50	7.75	8.00	
2954	THV.A03951	Nguyễn Anh	Tuấn	12/05/90		Thị xã Phú Thọ		2		1.25	3.00	3.25	7.50	7.50	
2955	THV.A03952	Đào Anh	Tuấn	16/12/91		Huyện Yên Sơn		1	403	0.75	3.50	2.75	7.00	7.00	
2956	THV.A03953	Nguyễn Anh	Tuấn	02/12/91		TP. Việt Trì		2		1.50	2.75	2.25	6.50	6.50	
2957	THV.A03955	Mễ Anh	Tuấn	10/08/91		Huyện Đoan Hùng	01	1	403	0.25	3.00	3.75	7.00	7.00	
2958	THV.A03956	Nguyễn Mạnh	Tuấn	03/04/90		Huyện Lâm Thao		2NT	401	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
2959	THV.A03957	Hà Mạnh	Tuấn	28/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1	102	0.25	2.50	1.50	4.25	4.50	
2960	THV.A03958	Mai Anh	Tuấn	03/07/91		Huyện Thanh Ba		1	403	4.75	5.50	1.50	11.75	12.00	
2961	THV.A03959	Quản Mạnh	Tuấn	29/03/89		Huyện Lâm Thao		1		2.25	4.00	3.50	9.75	10.00	
2962	THV.A03961	Lê Mạnh	Tuấn	08/02/91		Huyện Phù Ninh		2NT		2.25	4.75	2.50	9.50	9.50	
2963	THV.A03962	Đặng Xuân	Tuấn	29/03/91		Huyện Phù Ninh		1	306	3.50	5.25	6.00	14.75	15.00	
2964	THV.A03963	Nguyễn Anh	Tuấn	01/01/91		Huyện Thanh Thủy		1	101	1.50	4.25	2.00	7.75	8.00	
2965	THV.A03964	Vũ Anh	Tuấn	26/10/91		Huyện Tân Sơn	01	1	102	1.50	4.50	2.75	8.75	9.00	
2966	THV.A03967	Đỗ Mạnh	Tuấn	28/08/91		Huyện Yên Lạc		2NT	402	1.00	3.50	2.25	6.75	7.00	
2967	THV.A03968	Tạ Quốc	Tuấn	21/09/91		Huyện Tân Sơn		1	102	0.50	4.25	2.00	6.75	7.00	
2968	THV.A03970	Lương Sỹ	Tuấn	30/04/91		Huyện Phù Ninh		1	401	2.50	4.50	2.50	9.50	9.50	
2969	THV.A03971	Trần Ngọc	Tuấn	04/07/91		Huyện Lâm Thao		1	304	2.25	4.00	2.00	8.25	8.50	
2970	THV.A03972	Trần Hữu	Tuấn	11/09/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.50	5.00	4.50	12.00	12.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
2971	THV.A03973	Lê Đức	Tuấn	17/01/91		Huyện Đoan Hùng		1	103	1.50	5.50	1.75	8.75	9.00	
2972	THV.A03974	Đỗ Anh	Tuấn	04/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	403	5.25	4.75	3.25	13.25	13.50	
2973	THV.A03975	Đỗ Anh	Tuấn	23/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	403	2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
2974	THV.A03979	Tăng Hồng	Tuấn	25/03/89		Huyện Thanh Thủy		1		0.50	3.25	3.00	6.75	7.00	
2975	THV.A03980	Trần Quốc	Tuấn	15/12/87		Huyện Lâm Thao		2NT	401	2.25	4.50	3.50	10.25	10.50	
2976	THV.A03981	Phùng Anh	Tuấn	15/08/91		Huyện Phù Ninh		2NT	402	3.00	4.00	3.50	10.50	10.50	
2977	THV.A03982	Bùi Mạnh	Tuấn	19/08/91		Huyện Lâm Thao		1	403	2.00	3.25	4.25	9.50	9.50	
2978	THV.A03983	Trần Anh	Tuấn	19/06/91		Huyện Tam Nông		1	403	2.00	2.75	2.50	7.25	7.50	
2979	THV.A03984	Phạm Anh	Tuấn	28/10/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	103	3.50	5.00	2.75	11.25	11.50	
2980	THV.A03985	Đình Công	Tuấn	06/08/91		Huyện Phù Ninh		1	103	2.50	5.25	3.75	11.50	11.50	
2981	THV.A03986	Dương Anh	Tuấn	14/11/91		Huyện Tam Dương		2NT		0.75	4.25	2.50	7.50	7.50	
2982	THV.A03988	Nguyễn Anh	Tuấn	03/10/91		Thị xã Phú Thọ		1	103	0.00	2.50	2.25	4.75	5.00	
2983	THV.A03990	Nguyễn Ngọc	Tuấn	27/08/91		Huyện Tam Nông		1	403	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
2984	THV.A03992	Hoàng Văn	Tuệ	01/07/91		Huyện Bắc Quang	01	1	403	0.00	2.25	1.25	3.50	3.50	
2985	THV.A03993	Hoàng Văn	Tuệ	03/02/91		Huyện Lục Yên	01	1	102	2.00	5.00	3.25	10.25	10.50	
2986	THV.A03995	Trần Đức	Tuyên	26/09/91		Huyện Yên Lập	01	1	102	1.00	3.25	2.00	6.25	6.50	
2987	THV.A03996	Lục Văn	Tuyên	04/12/91		Huyện Mường Khương	01	1	904	2.25	4.25	3.50	10.00	10.00	
2988	THV.A03997	Phùng Thị	Tuyên	13/11/90	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	101	0.75	3.00	2.00	5.75	6.00	
2989	THV.A03998	Nguyễn Thị	Tuyên	02/10/90	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	305	1.00	3.25	2.50	6.75	7.00	
2990	THV.A03999	Nguyễn Văn	Tuyên	02/08/89		Huyện Tam Nông		1	101	1.25	3.25	2.50	7.00	7.00	
2991	THV.A04000	Chu Gia	Tuyên	04/04/91		Huyện Thanh Ba		2	401	0.75	4.50	2.00	7.25	7.50	
2992	THV.A04001	Hoàng Văn	Tuyên	23/10/90		Huyện Lục Yên	01	1	102	2.25	3.50	3.50	9.25	9.50	
2993	THV.A04003	Lê Thị Phương	Tuyên	09/05/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	103	2.00	2.75	2.00	6.75	7.00	
2994	THV.A04006	Triệu Văn	Tuyên	16/06/91		Huyện Lâm Thao		2NT		2.00	5.00	2.75	9.75	10.00	
2995	THV.A04007	Trần Thị	Tuyên	10/08/90	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	0.50	3.50	3.50	7.50	7.50	
2996	THV.A04008	Đỗ Kim	Tuyên	05/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	904	2.50	6.00	2.25	10.75	11.00	
2997	THV.A04010	Phạm Thị	Tuyệt	10/01/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.25	4.25	3.25	9.75	10.00	
2998	THV.A04011	Trần Thị	Tuyệt	08/07/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	2.50	5.00	2.25	9.75	10.00	
2999	THV.A04012	Nguyễn Thị ánh	Tuyệt	13/03/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	904	2.75	5.25	4.50	12.50	12.50	
3000	THV.A04013	Lê Thị Thanh	Tuyệt	21/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2	402	7.50	4.75	5.50	17.75	18.00	
3001	THV.A04014	Vàng Thị	Tuyệt	06/03/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	101	0.50	4.50	2.50	7.50	7.50	
3002	THV.A04015	Lê Thị	Tuyệt	08/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
3003	THV.A04016	Nguyễn Thị Tuyết	Tuyệt	24/02/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	2.50	4.50	3.50	10.50	10.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3004	THV.A04019	Đỗ ánh	Tuyết	04/04/90	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	904	4.00	4.75	4.50	13.25	13.50	
3005	THV.A04020	Hồ Thị ánh	Tuyết	04/08/91	Nữ	Thị xã Hà Giang		1		1.00	3.50	2.75	7.25	7.50	
3006	THV.A04021	Nguyễn Thị	Tuyết	27/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	1.00	2.50	2.75	6.25	6.50	
3007	THV.A04022	Cao ánh	Tuyết	10/09/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	402	1.25	5.75	3.50	10.50	10.50	
3008	THV.A04023	Lương Thị	Tuyết	26/08/90	Nữ	Huyện Văn Bàn	01	1	904	2.50	3.25	2.50	8.25	8.50	
3009	THV.A04024	Lê Thị ánh	Tuyết	23/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
3010	THV.A04025	Nguyễn Thị Kim	Tuyết	20/07/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.75	5.50	3.25	11.50	11.50	
3011	THV.A04026	Nguyễn Thị	Tuyết	04/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.25	5.25	2.50	9.00	9.00	
3012	THV.A04027	Bùi Nam	Tuyển	07/08/91		Huyện Phú Ninh		2	103	3.25	8.50	4.50	16.25	16.50	
3013	THV.A04028	Phạm Thuý	Tuyển	14/04/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	904	2.00	3.00	2.50	7.50	7.50	
3014	THV.A04029	Trần Thị	Tuyển	13/05/90	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		0.00	2.50	1.75	4.25	4.50	
3015	THV.A04031	Nguyễn Thị Thanh	Tuyển	07/03/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	0.50	3.25	3.00	6.75	7.00	
3016	THV.A04032	Hoàng Văn	Tuyển	18/02/91		Huyện Yên Lập	01	1	101	3.00	5.00	2.75	10.75	11.00	
3017	THV.A04033	Hoàng Thị	Tuyển	01/05/91	Nữ	Huyện Hoàng Hoá		2NT	402	2.00	4.00	3.00	9.00	9.00	
3018	THV.A04034	Lưu Thị	Tuyển	01/09/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	1.50	2.75	4.25	8.50	8.50	
3019	THV.A04035	Trần Thanh	Tuyển	11/07/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	402	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
3020	THV.A04036	Đào Quang	Tuyển	03/11/91		Huyện Yên Lập	01	1	402	3.50	4.75	2.25	10.50	10.50	
3021	THV.A04037	Nguyễn Thị	Tú	08/09/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	101	1.75	3.75	2.50	8.00	8.00	
3022	THV.A04038	Lê Quang	Tú	12/06/91		Thành phố Vĩnh Yên		2	403	1.50	7.50	4.75	13.75	14.00	
3023	THV.A04039	Nguyễn Thanh	Tú	01/04/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.75	3.75	3.00	7.50	7.50	
3024	THV.A04040	Nguyễn Văn	Tú	13/09/91		Huyện Yên Lập	01	1	101	5.00	7.50	3.50	16.00	16.00	
3025	THV.A04042	Vì Minh	Tú	18/10/91		Huyện Thanh Ba		2	403	2.25	5.00	2.50	9.75	10.00	
3026	THV.A04043	Đỗ Thị	Tú	15/01/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		1.75	3.25	3.50	8.50	8.50	
3027	THV.A04045	Hoàng Anh	Tú	24/03/91		Thị xã Phú Thọ		2	402	1.00	2.50	3.00	6.50	6.50	
3028	THV.A04046	Nguyễn Thanh	Tú	19/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	101	2.25	2.50	2.75	7.50	7.50	
3029	THV.A04047	Trần Đức	Tú	13/06/90		Huyện Hạ Hoà		1	401	0.75	3.50	1.50	5.75	6.00	
3030	THV.A04049	Nguyễn Ngọc	Tú	14/11/91		Thị xã Phú Thọ		2	103	0.25	2.50	3.00	5.75	6.00	
3031	THV.A04050	Trần Thanh	Tú	04/03/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	3.25	5.50	2.00	10.75	11.00	
3032	THV.A04051	Đoàn Thanh	Tú	13/11/90		Thị xã Phú Thọ		2		3.25	4.00	2.25	9.50	9.50	
3033	THV.A04052	Đào Thanh	Tú	19/08/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	402	0.75	2.50	2.25	5.50	5.50	
3034	THV.A04053	Cao Sơn	Tú	16/06/90		Huyện Thanh Sơn		1	403	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
3035	THV.A04054	Tạ Hoàng	Tú	27/08/91		Thành phố Yên Bái		1	403	0.00	3.75	2.50	6.25	6.50	
3036	THV.A04055	Nguyễn Văn	Tú	10/10/90		Huyện Cẩm Khê		1	103	0.00	.	.	0.00	0.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3037	THV.A04056	Nguyễn Văn	Tú	15/08/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.00	2.75	1.75	4.50	4.50	
3038	THV.A04057	Nguyễn Anh	Tú	04/08/91		Huyện Lập Thạch		1	101	6.00	4.00	3.00	13.00	13.00	
3039	THV.A04058	Hoàng Anh	Tú	10/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
3040	THV.A04059	Lê Minh	Tú	12/07/91		TP. Việt Trì		2	403	2.75	7.50	2.50	12.75	13.00	
3041	THV.A04060	Bùi Anh	Túấn	03/06/91		TP. Việt Trì		2	103	1.25	3.75	2.50	7.50	7.50	
3042	THV.A04063	Lê Duy	Tùng	28/04/91		Huyện Hạ Hoà	01	1	102	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
3043	THV.A04064	Lê Thanh	Tùng	20/12/91		Huyện Thanh Sơn		1	403	0.50	3.50	2.50	6.50	6.50	
3044	THV.A04065	Dương Thế	Tùng	28/01/91		Huyện Hạ Hoà		1		0.50	4.00	1.75	6.25	6.50	
3045	THV.A04066	Nguyễn Thanh	Tùng	25/02/91		Huyện Hạ Hoà		1		1.50	5.25	2.75	9.50	9.50	
3046	THV.A04067	Hán Đình Thanh	Tùng	04/03/91		Huyện Tam Nông		1		2.75	4.50	2.00	9.25	9.50	
3047	THV.A04068	Bùi Thanh	Tùng	10/08/91		Thị xã Nghĩa Lộ		1		2.25	4.50	3.50	10.25	10.50	
3048	THV.A04069	Hồ Thái	Tùng	17/05/90		Huyện Hạ Hoà		1	402	1.25	2.00	2.50	5.75	6.00	
3049	THV.A04070	Vũ Khắc	Tùng	25/05/90		Huyện Lập Thạch		2NT	402	3.25	4.50	2.50	10.25	10.50	
3050	THV.A04072	Cao Xuân	Tùng	16/02/91		TP. Việt Trì		2	103	1.75	3.75	3.00	8.50	8.50	
3051	THV.A04074	Trần Mạnh	Tùng	04/05/91		Huyện Phù Ninh		1	403	0.50	2.50	2.25	5.25	5.50	
3052	THV.A04075	Bàng Duy	Tùng	03/11/91		Huyện Yên Lập	01	1	103	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
3053	THV.A04076	Đào Quang	Tùng	01/06/91		Huyện Phù Ninh		2NT	101	2.50	3.75	3.50	9.75	10.00	
3054	THV.A04077	Thẩm Thanh	Tùng	04/11/91		Huyện Yên Lập	01	1	103	2.00	3.00	3.50	8.50	8.50	
3055	THV.A04079	Đỗ Sơn	Tùng	13/07/91		Huyện Cẩm Khê		2NT	403	5.00	5.00	4.00	14.00	14.00	
3056	THV.A04080	Tạ Ngọc	Tùng	17/08/91		Huyện Thanh Thủy		1	102	2.75	5.50	3.50	11.75	12.00	
3057	THV.A04081	Nguyễn Thanh	Tùng	28/05/91		Huyện Thanh Ba		1	401	0.75	3.50	2.25	6.50	6.50	
3058	THV.A04082	Đặng Huy	Tùng	02/04/90		Huyện Bảo Yên		1	403	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
3059	THV.A04083	Nguyễn Thanh	Tùng	03/06/90		Huyện Thanh Sơn	01	1	402	1.00	3.50	2.00	6.50	6.50	
3060	THV.A04086	Lê Duy	Tùng	14/06/91		Huyện Bắc Quang		1	103	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
3061	THV.A04090	Nguyễn Giang	Tùng	21/12/89		Huyện Thanh Sơn	01	1		1.25	4.75	3.00	9.00	9.00	
3062	THV.A04091	Nguyễn Mạnh	Tùng	02/11/89		Huyện Lâm Thao		1	403	3.00	5.75	2.75	11.50	11.50	
3063	THV.A04092	Hoàng Xuân	Tùng	12/11/91		Huyện Hạ Hoà		1	401	2.50	3.00	2.00	7.50	7.50	
3064	THV.A04093	Nguyễn Ngọc	Tùng	08/07/91		TP. Việt Trì		2	402	4.75	6.50	3.50	14.75	15.00	
3065	THV.A04094	Nguyễn Mạnh	Tùng	27/10/91		Huyện Lâm Thao		1	103	1.00	3.25	3.00	7.25	7.50	
3066	THV.A04095	Nguyễn Sơn	Tùng	07/10/91		Huyện Thanh Ba		1	403	0.00	3.50	2.75	6.25	6.50	
3067	THV.A04096	Ma Văn	Tùng	07/07/91		TP. Việt Trì		2NT	103	1.25	2.25	1.75	5.25	5.50	
3068	THV.A04098	Đỗ Văn	Tùng	23/06/91		Huyện Yên Lạc		2NT	402	0.75	2.25	1.50	4.50	4.50	
3069	THV.A04099	Bùi Thị	Tư	25/02/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		1.50	4.00	1.75	7.25	7.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3070	THV.A04100	Đỗ Thị Tư	23/05/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2	403	0.75	2.50	1.50	4.75	5.00	
3071	THV.A04101	Lê Thị Tư	07/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	3.25	2.75	7.50	7.50	
3072	THV.A04102	Phạm Thành Tư	10/05/91		Huyện Tam Nông		1	403	0.75	1.50	1.50	3.75	4.00	
3073	THV.A04103	Lương Thị Tư	05/04/90	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	403	0.75	1.50	2.00	4.25	4.50	
3074	THV.A04104	Trần Thị Tư	13/10/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	401	0.75	2.25	2.50	5.50	5.50	
3075	THV.A04105	Nguyễn Thị Tư	30/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	1.50	4.25	2.25	8.00	8.00	
3076	THV.A04106	Bùi Xuân Tư	20/04/91		Huyện Phù Ninh		1	401	1.00	3.50	3.50	8.00	8.00	
3077	THV.A04107	Trần Thị Hồng Tư	11/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	401	0.75	3.00	3.25	7.00	7.00	
3078	THV.A04108	Nông Thị Tư	08/03/91	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	101	2.75	3.75	3.00	9.50	9.50	
3079	THV.A04110	Mông Thị Tư	12/01/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1	102	1.50	4.50	3.50	9.50	9.50	
3080	THV.A04112	Lưu Thị Uyên	24/11/90	Nữ	Huyện Yên Sơn	01	1	904	0.75	3.75	2.50	7.00	7.00	
3081	THV.A04113	Đỗ Thị Uyên	08/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	403	3.25	3.75	2.25	9.25	9.50	
3082	THV.A04114	Lý Văn Ủy	14/10/90		Huyện Bắc Quang		1	103	0.00	2.75	2.00	4.75	5.00	
3083	THV.A04115	Thăng Seo Vàng	09/10/89		Huyện Xín Mần	01	1	401	2.50	4.25	3.50	10.25	10.50	
3084	THV.A04117	Chẫu Thị Vân	20/05/91	Nữ	Huyện Hoàng Su Phì	01	1		1.50	4.25	3.25	9.00	9.00	
3085	THV.A04118	Nguyễn Hoài Vân	19/05/91	Nữ	Huyện Bảo Yên	01	1		1.25	2.50	2.00	5.75	6.00	
3086	THV.A04120	Vũ Thị Thùy Vân	02/08/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1	401	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
3087	THV.A04122	Bùi Thanh Vân	04/07/91	Nữ	Huyện Hàm Yên		1	402	1.00	2.25	3.00	6.25	6.50	
3088	THV.A04125	Nguyễn Thị Hồng Vân	29/08/91	Nữ	Huyện Yên Sơn		1	402	1.50	4.75	2.75	9.00	9.00	
3089	THV.A04126	Bùi Thị Vân	23/01/90	Nữ	Huyện Bảo Thắng		1	904	2.00	3.75	3.25	9.00	9.00	
3090	THV.A04127	Tạ Thị Vân	24/03/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		2		0.25	3.25	1.50	5.00	5.00	
3091	THV.A04128	Mai Thị Thuý Vân	29/04/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	402	1.25	4.00	2.25	7.50	7.50	
3092	THV.A04131	Trần Bích Vân	10/03/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	101	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
3093	THV.A04133	Nguyễn Thị Vân	15/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.25	4.75	3.25	11.25	11.50	
3094	THV.A04134	Nguyễn Thị Thanh Vân	15/01/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1	402	1.00	3.50	1.75	6.25	6.50	
3095	THV.A04136	Nguyễn Anh Vân	17/08/91		Huyện Yên Lập		1	101	7.00	8.50	4.50	20.00	20.00	
3096	THV.A04137	Chu Thị Vân	02/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	101	4.25	4.50	2.50	11.25	11.50	
3097	THV.A04138	Nguyễn Thị Vân	11/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	402	2.25	5.50	2.75	10.50	10.50	
3098	THV.A04139	Đào Thị Kiều Vân	21/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	101	4.25	6.50	4.50	15.25	15.50	
3099	THV.A04140	Nguyễn Thị Vân	30/06/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	402	2.00	2.50	2.25	6.75	7.00	
3100	THV.A04141	Nguyễn Thị Thanh Vân	10/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	2.25	4.50	2.75	9.50	9.50	
3101	THV.A04143	Cao Thị Vân	22/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		1.25	2.25	2.25	5.75	6.00	
3102	THV.A04144	Nguyễn Thị Hồng Vân	17/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	1.75	4.50	4.00	10.25	10.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3103	THV.A04145	Mai Thị Vân	22/09/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	6.25	5.25	3.50	15.00	15.00	
3104	THV.A04146	Nguyễn Thị Hồng Vân	26/08/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	103	0.25	2.75	2.25	5.25	5.50	
3105	THV.A04147	Nguyễn Thị Bích Vân	18/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	1.50	5.25	2.75	9.50	9.50	
3106	THV.A04148	Ngô Thị Vân	03/08/91	Nữ	Huyện Văn Yên		1	401	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
3107	THV.A04151	Trần Thị Vân	20/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1		4.00	5.50	2.50	12.00	12.00	
3108	THV.A04152	Nguyễn Thị Hồng Vân	14/10/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	101	1.50	2.50	3.00	7.00	7.00	
3109	THV.A04153	Lê Thị Vân	22/09/91	Nữ	Huyện Tam Đảo		1	904	2.25	4.25	1.50	8.00	8.00	
3110	THV.A04155	Đỗ Thị Thúy Vân	05/07/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	101	3.25	4.50	2.50	10.25	10.50	
3111	THV.A04156	Nguyễn Thuý Vân	19/07/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	0.25	2.50	3.50	6.25	6.50	
3112	THV.A04157	Lê Thị Hồng Vân	15/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	1.50	3.50	2.00	7.00	7.00	
3113	THV.A04162	Đặng Hồng Vân	05/06/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		2	103	3.00	5.00	3.00	11.00	11.00	
3114	THV.A04164	Vũ Thị Vân	03/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	1.00	3.25	1.00	5.25	5.50	
3115	THV.A04165	Phan Dương Thanh Vân	01/05/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.75	2.50	2.75	6.00	6.00	
3116	THV.A04166	Hoàng Thị Vân	06/10/91	Nữ	Huyện Chiêm Hoá	01	1	403	0.25	1.75	3.50	5.50	5.50	
3117	THV.A04170	Đào Văn Viễn	05/11/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	1.50	2.25	3.00	6.75	7.00	
3118	THV.A04171	Nguyễn Thị Việc	14/11/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	402	1.50	2.50	3.25	7.25	7.50	
3119	THV.A04172	Trần Trung Viện	10/07/90		Thị xã Phú Thọ		2	403	2.50	3.50	2.50	8.50	8.50	
3120	THV.A04173	Đinh Thị Viện	02/02/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	C66	1.75	4.50	2.50	8.75	9.00	
3121	THV.A04176	Nguyễn Văn Việt	25/05/90		Huyện Phúc Thọ		2NT	102	0.75	2.50	2.50	5.75	6.00	
3122	THV.A04177	Đào Quang Việt	14/09/91		Huyện Yên Lạc		2NT	306	2.50	3.75	1.50	7.75	8.00	
3123	THV.A04179	Trần Hoàng Việt	11/11/91		Thành phố Hoà Bình		1	403	4.00	6.25	4.00	14.25	14.50	
3124	THV.A04181	Nguyễn Thành Vinh	10/03/91		TP. Việt Trì		2	103	1.75	3.75	2.75	8.25	8.50	
3125	THV.A04184	Sùng Quang Vinh	01/05/91		Huyện Bắc Quang	01	1	304	2.75	3.25	3.75	9.75	10.00	
3126	THV.A04185	Lù Thị Vinh	03/07/90	Nữ	Huyện Mường Khương	01	1	102	1.25	3.25	2.00	6.50	6.50	
3127	THV.A04187	Hoàng Quang Vinh	19/01/90		Huyện Đoan Hùng		1	102	1.75	2.50	2.50	6.75	7.00	
3128	THV.A04188	Nguyễn Ngọc Vinh	23/07/91		Huyện Tam Nông		1		0.00	3.50	1.75	5.25	5.50	
3129	THV.A04189	Nguyễn Văn Vinh	29/01/91		Huyện Phù Ninh		1		2.00	4.50	3.00	9.50	9.50	
3130	THV.A04190	Nguyễn Đức Vinh	26/01/91		Huyện Văn Yên		1	103	0.00	4.00	1.50	5.50	5.50	
3131	THV.A04191	Cao Văn Vinh	15/02/91		Huyện Nghĩa Đàn		1	403	1.75	5.75	2.50	10.00	10.00	
3132	THV.A04192	Nguyễn Quang Vinh	30/12/91		Huyện Yên Lập	01	1	101	2.50	2.50	2.25	7.25	7.50	
3133	THV.A04193	Hà Phú Vinh	08/04/91		Huyện Cẩm Khê		1	402	2.00	4.75	2.25	9.00	9.00	
3134	THV.A04194	Nguyễn Quang Vinh	26/09/91		Huyện Phù Ninh		1	103	1.75	3.00	2.50	7.25	7.50	
3135	THV.A04195	Trần Thị Vinh	13/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	0.00	3.00	3.25	6.25	6.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3136	THV.A04196	Trần Anh	Vĩnh	19/03/85		Thị xã Tuyên Quang		1	103	1.75	3.75	3.25	8.75	9.00	
3137	THV.A04198	Phùng Thị	Vui	26/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.50	4.00	3.00	8.50	8.50	
3138	THV.A04199	Phạm Thị Hồng	Vui	01/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	402	2.00	3.00	2.50	7.50	7.50	
3139	THV.A04200	Lý Thị	Vùng	02/02/90	Nữ	Huyện Quang Bình	01	1		0.50	2.75	1.25	4.50	4.50	
3140	THV.A04201	Điền Anh	Vũ	21/06/91		Huyện Cẩm Khê		1		3.25	3.75	3.00	10.00	10.00	
3141	THV.A04202	Nguyễn Minh	Vũ	21/08/91		Huyện Lâm Thao	01	2NT	101	2.75	3.50	3.50	9.75	10.00	
3142	THV.A04203	Đào Quan	Vũ	14/10/91		Thành phố Lào Cai		1	402	2.75	6.25	3.50	12.50	12.50	
3143	THV.A04204	Lưu Tuấn	Vũ	28/01/91		Huyện Yên Sơn	01	1	101	3.75	6.50	3.50	13.75	14.00	
3144	THV.A04207	Nguyễn Tuấn	Vũ	03/09/91		Huyện Thanh Ba		1	401	3.00	6.25	2.25	11.50	11.50	
3145	THV.A04208	Phạm Ngọc	Vũ	25/09/90		Huyện Tam Dương		2NT	101	2.00	5.25	2.50	9.75	10.00	
3146	THV.A04209	Tạ Thị	Vượng	18/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	2.00	5.00	3.50	10.50	10.50	
3147	THV.A04212	Nguyễn Quốc	Vượng	01/08/91		Huyện Lâm Thao		2NT	101	2.00	5.50	1.50	9.00	9.00	
3148	THV.A04213	Nguyễn Thị	Vượng	29/07/91	Nữ	Huyện Sơn Dương	01	1	403	2.25	3.75	2.25	8.25	8.50	
3149	THV.A04214	Cáo Chúng	Vững	06/09/89		Huyện Mường Khương	01	1	904	2.00	3.75	3.25	9.00	9.00	
3150	THV.A04216	Vi Hữu	Vững	06/09/91		Huyện Thanh Ba		2	103	2.50	5.50	2.50	10.50	10.50	
3151	THV.A04217	Lê Thị	Vy	30/10/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.00	4.00	2.50	7.50	7.50	
3152	THV.A04218	Nông Thị	Xao	29/05/91	Nữ	Huyện Bắc Quang	01	1	403	2.50	4.75	2.00	9.25	9.50	
3153	THV.A04220	Mai Thị Kiều	Xiêm	26/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	402	2.75	3.75	2.50	9.00	9.00	
3154	THV.A04221	Trần Thị	Xinh	26/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	101	4.75	5.00	4.25	14.00	14.00	
3155	THV.A04222	Hoàng Thị Thuý	Xoan	01/01/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	403	2.75	4.75	2.50	10.00	10.00	
3156	THV.A04224	Cù Thị Lương	Xuân	18/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	401	2.75	6.00	3.25	12.00	12.00	
3157	THV.A04225	Lê Thị	Xuân	01/12/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1	103	1.00	3.50	3.25	7.75	8.00	
3158	THV.A04226	Nguyễn Thanh	Xuân	02/01/90		TP. Việt Trì		2	403	4.00	7.50	3.25	14.75	15.00	
3159	THV.A04227	Nguyễn Thị	Xuân	06/06/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	402	3.00	5.25	4.25	12.50	12.50	
3160	THV.A04228	Nguyễn Thị	Xuân	23/12/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	3.00	5.50	4.25	12.75	13.00	
3161	THV.A04229	Đặng Thị Thanh	Xuân	16/02/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	402	0.25	2.00	2.50	4.75	5.00	
3162	THV.A04231	Nguyễn Thị Lệ	Xuân	02/03/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	1.00	4.00	2.00	7.00	7.00	
3163	THV.A04232	Bạch Thị	Xuân	27/07/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.25	2.50	2.50	6.25	6.50	
3164	THV.A04233	Đỗ Thị Mai	Xuân	02/01/91	Nữ	Thành phố Lào Cai		1	401	0.25	4.25	2.75	7.25	7.50	
3165	THV.A04234	Phùng Thị Hương	Xuân	22/08/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	402	1.50	3.75	2.50	7.75	8.00	
3166	THV.A04237	Lê Thị	Xuân	15/10/91	Nữ	Huyện Tam Đảo	01	1	904	1.50	3.50	1.75	6.75	7.00	
3167	THV.A04238	Bùi Ngọc	Xuân	29/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	3.25	4.25	2.75	10.25	10.50	
3168	THV.A04239	Đỗ Thị Thanh	Xuân	12/11/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3169	THV.A04240	Nguyễn Thị Xuất	07/09/90	Nữ	Huyện Lập Thạch	06	1	102	0.50	2.50	1.50	4.50	4.50	
3170	THV.A04241	Nguyễn Thị Xuất	10/12/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	403	1.75	3.75	3.25	8.75	9.00	
3171	THV.A04242	Trần Thị Xuyên	10/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	904	1.50	3.50	2.50	7.50	7.50	
3172	THV.A04243	Nguyễn Thị Xuyên	23/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		3.00	4.50	3.00	10.50	10.50	
3173	THV.A04244	Điền Thị Xuyên	06/11/91	Nữ	Huyện Vị Xuyên	01	1		0.00	3.00	3.25	6.25	6.50	
3174	THV.A04245	Trần Thị Xuyên	19/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng	06	1	904	0.75	3.25	3.50	7.50	7.50	
3175	THV.A04247	Lù Đức Yên	12/05/87		Huyện Mường Khương	01	1	305	0.00	1.50	2.75	4.25	4.50	
3176	THV.A04248	Nguyễn Thị Yên	26/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	2.75	4.00	2.00	8.75	9.00	
3177	THV.A04249	Vi Văn Yên	16/02/88		Huyện Yên Minh		1	103	0.00	3.00	2.00	5.00	5.00	
3178	THV.A04250	Hà Thị Yên	02/10/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	402	3.25	5.00	3.50	11.75	12.00	
3179	THV.A04251	Nguyễn Thị Yên	02/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	403	2.00	2.50	2.75	7.25	7.50	
3180	THV.A04252	Hà Thị Yên	23/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1		1.00	2.75	4.50	8.25	8.50	
3181	THV.A04253	Nguyễn Văn Yên	10/07/91		Huyện Lập Thạch		2NT	304	1.75	3.50	2.00	7.25	7.50	
3182	THV.A04254	Lò Thị Yên	05/11/90	Nữ	Huyện Văn Chấn	01	1	403	1.50	4.00	3.00	8.50	8.50	
3183	THV.A04255	Lê Thị Yên	20/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	102	3.25	7.50	2.25	13.00	13.00	
3184	THV.A04256	Nguyễn Thị Hải Yến	07/02/90	Nữ	Thị xã Hà Giang		1	401	0.00	3.25	1.75	5.00	5.00	
3185	THV.A04258	Vi Thị Hải Yến	30/05/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	403	2.50	3.50	2.00	8.00	8.00	
3186	THV.A04259	Nguyễn Thị Yến	20/02/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	402	1.00	4.50	2.75	8.25	8.50	
3187	THV.A04260	Triệu Thị Hải Yến	04/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	0.75	2.75	2.50	6.00	6.00	
3188	THV.A04261	Vũ Thị Yến	12/07/91	Nữ	Huyện Sơn Dương		1	402	2.00	2.50	1.75	6.25	6.50	
3189	THV.A04262	Trần Thị Hải Yến	27/11/91	Nữ	Thành phố Yên Bái		1		1.00	4.00	2.50	7.50	7.50	
3190	THV.A04263	Bùi Thị Hải Yến	04/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	101	4.25	5.50	4.50	14.25	14.50	
3191	THV.A04264	Nguyễn Thị Hải Yến	17/09/91	Nữ	Huyện Lục Yên		1	904	2.50	5.00	2.25	9.75	10.00	
3192	THV.A04269	Nguyễn Hải Yến	13/08/91	Nữ	Huyện Bảo Yên		1	904	0.00			0.00	0.00	
3193	THV.A04270	Nguyễn Hải Yến	10/09/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	0.25	2.25	3.00	5.50	5.50	
3194	THV.A04272	Nguyễn Thị Hoàng Yến	01/08/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		2		0.25	2.50	2.50	5.25	5.50	
3195	THV.A04274	Hoàng Thị Ngọc Yến	23/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	403	0.00	2.25	1.50	3.75	4.00	
3196	THV.A04275	Đặng Thị Yến	22/02/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		0.75	3.00	2.50	6.25	6.50	
3197	THV.A04276	Nguyễn Thị Hải Yến	19/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2	403	1.00	5.00	2.50	8.50	8.50	
3198	THV.A04278	Nguyễn Thị Hải Yến	23/08/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	402	4.50	6.75	3.75	15.00	15.00	
3199	THV.A04280	Bùi Thị Yến	19/05/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	403	1.25	2.75	1.00	5.00	5.00	
3200	THV.A04281	Ngô Hải Yến	04/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	403	1.75	3.50	3.00	8.25	8.50	
3201	THV.A04284	Nguyễn Hoàng Yến	07/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	102	6.75	8.75	4.75	20.25	20.50	

THV A Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3202	THV.A04285	Nguyễn Hải Yến	06/03/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	403	4.50	8.00	3.00	15.50	15.50	
3203	THV.A04286	Dương Ngọc Yến	14/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	101	1.75	2.75	3.25	7.75	8.00	
3204	THV.A04287	Vương Hải Yến	21/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	3.50	6.00	2.50	12.00	12.00	
3205	THV.A04288	Phạm Thị Yến	23/08/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1	403	2.50	4.00	2.50	9.00	9.00	
3206	THV.A04289	Ngô Thị Hải Yến	25/06/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	3.00	4.25	2.50	9.75	10.00	
3207	THV.A04290	Lê Thị Hải Yến	13/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	402	1.50	4.25	2.25	8.00	8.00	
3208	THV.A04291	Đinh Thị Yến	19/03/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	904	2.00	3.25	2.50	7.75	8.00	
3209	THV.A04292	Nguyễn Hải Yến	01/05/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	402	0.00	3.00	2.25	5.25	5.50	
3210	THV.A04293	Cù Thị Yến	20/02/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	403	4.00	6.25	3.00	13.25	13.50	
3211	THV.A04295	Hoàng Thị Hải Yến	10/11/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1	402	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	
3212	THV.A04296	Ngô Hải Yến	22/10/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	102	4.75	7.50	5.50	17.75	18.00	
3213	THV.A04297	Trần Thị Hải Yến	06/11/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	904	3.00	5.50	2.75	11.25	11.50	
3214	THV.A04299	Lê Thị Hồng Yến	14/10/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	1.50	4.00	3.00	8.50	8.50	
3215	THV.A04300	Đinh Thị Yến	20/07/90	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	304	0.25	3.00	2.75	6.00	6.00	
3216	THV.A04301	Vũ Hoàng Yến	20/11/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	403	5.00	3.50	3.00	11.50	11.50	
3217	THV.A04302	Lê Thị Hải Yến	18/06/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	103	1.25	3.50	2.25	7.00	7.00	
3218	THV.A04303	Đinh Thị Hải Yến	15/10/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1	101	3.25	5.50	2.50	11.25	11.50	
3219	THV.A04304	Văn Hải Yến	02/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		1.00	4.00	3.25	8.25	8.50	
3220	THV.A04305	Trần Thị Yến	20/12/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	103	1.00	3.75	2.25	7.00	7.00	
3221	THV.A04308	Trần Thị Yến	05/09/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2NT	402	2.00	3.50	2.50	8.00	8.00	
3222	THV.A04309	Hồ Thị Bảo Yến	30/04/91	Nữ	Huyện Phù Ninh	06	2	402	4.00	2.50		6.50	6.50	
3223	THV.A04310	Nguyễn Thị Yến	10/06/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	904	0.75	3.00	2.25	6.00	6.00	
3224	THV.A04313	Nguyễn Thị Hải Yến	02/12/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	403	0.75	3.25	3.00	7.00	7.00	
3225	THV.A04314	Doãn Thị Hải Yến	29/03/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	101	2.75	4.50	2.50	9.75	10.00	
3226	THV.A04315	Nguyễn Thị Yến	10/04/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	403	0.00	3.25	3.50	6.75	7.00	
3227	THV.A04316	Nguyễn Thị Hải Yến	07/11/91	Nữ	Thành phố Vĩnh Yên		2	401	0.50	3.50	3.75	7.75	8.00	
3228	THV.A04317	Bùi Thị Thanh Yến	20/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	0.75	3.50	2.50	6.75	7.00	
3229	THV.A04319	Ngô Thị Ngọc Yến	04/03/91	Nữ	Huyện Mê Linh		2	401	1.50	3.75	2.25	7.50	7.50	
3230	THV.A04320	Đặng Thị Yến	26/10/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	402	1.00	5.00	2.50	8.50	8.50	
3231	THV.A04321	Nguyễn Thị Yến	15/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	403	2.00	3.25	3.00	8.25	8.50	
3232	THV.A04322	Triệu Thị Hồng Yến	27/01/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	7.75	7.25	6.50	21.50	21.50	
3233	THV.A04323	Cao Thị Hà Yến	29/06/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	904	1.75	3.75	2.50	8.00	8.00	
3234	THV.A04324	Trần Thị Yến	10/03/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	101	1.75	3.75	2.75	8.25	8.50	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
3235	THV.A04325	Lê Thị Hải	Yến	02/04/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	402	2.00	5.50	3.25	10.75	11.00	
3236	THV.A04326	Nguyễn Thị Hải	Yến	03/04/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	402	0.00	2.00	2.75	4.75	5.00	
3237	THV.A04328	Nguyễn Thị	Yến	20/12/91	Nữ	Huyện Yên Lạc		2NT	403	0.50	3.00	2.25	5.75	6.00	
3238	THV.A04329	Hà Thị	Yến	10/09/91	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	402	4.00	6.50	2.50	13.00	13.00	
3239	THV.A04331	Nguyễn Thị	Yến	10/02/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	103	1.00	3.75	3.00	7.75	8.00	
3240	THV.A04333	Nguyễn Thị	Yến	29/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	403	2.00	4.00	2.50	8.50	8.50	
3241	THV.A04334	Vũ Thị Thu	Hà	15/08/91	Nữ	Huyện Vụ Bản		2	403	1.25	2.00	2.50	5.75	6.00	

Danh sách khối A gồm: 3241 thí sinh

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên		Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
1	THV.B04334	Phạm Thị	An	22/02/89	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.25	1.75	1.75	6.75	7.00	
2	THV.B04336	Đào Thị Thuý	An	31/10/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
3	THV.B04337	Nguyễn Thị Thuý	An	26/04/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	305	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00	
4	THV.B04339	Trần Thúy	An	01/04/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		2.25	0.75	2.50	5.50	5.50	
5	THV.B04340	Vũ Thị Vân	Anh	22/04/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		2	305	4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
6	THV.B04341	Trần Ngọc	Anh	26/10/90		Huyện Cẩm Khê	06	2NT		4.50	3.25	2.75	10.50	10.50	
7	THV.B04342	Lê Tuấn	Anh	12/09/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
8	THV.B04343	Trần Thị Kim	Anh	25/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2	305	3.50	4.50	3.00	11.00	11.00	
9	THV.B04344	Đỗ Thị Vân	Anh	27/11/90	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		5.50	1.75	1.50	8.75	9.00	
10	THV.B04347	Trương Thị	Anh	21/01/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		4.50	0.25	1.50	6.25	6.50	
11	THV.B04348	Đỗ Thị Ngọc	Anh	02/10/91	Nữ	Huyện Tân Sơn		1	305	3.00	1.00	2.50	6.50	6.50	
12	THV.B04352	Tạ Thị Lan	Anh	11/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	3.00	0.50	2.50	6.00	6.00	
13	THV.B04353	Phạm Thị Lan	Anh	16/08/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		3.50	4.50	2.50	10.50	10.50	
14	THV.B04354	Nguyễn Hoàng	Anh	13/05/91		TP. Việt Trì		2	304	3.50	2.50	2.50	8.50	8.50	
15	THV.B04355	Đào Việt	Anh	22/06/91		Thị xã Phú Thọ		2	304	3.25	2.00	2.75	8.00	8.00	
16	THV.B04356	Đặng Thị Kim	Anh	23/12/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.00	4.75	5.50	15.25	15.50	
17	THV.B04357	Hà Đăng	Anh	20/08/91		Huyện Thanh Ba		2		4.25	1.00	3.25	8.50	8.50	
18	THV.B04359	Nguyễn Thế	Anh	01/04/90		Huyện Đoan Hùng		2		3.50	3.50	4.00	11.00	11.00	
19	THV.B04360	Nguyễn Tuấn	Anh	14/08/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.25	4.25	3.75	12.25	12.50	
20	THV.B04362	Vũ Thị Phương	Anh	24/09/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	304	2.75	1.00	2.25	6.00	6.00	
21	THV.B04364	Phan Tuấn	Anh	20/08/90		Thành phố Sơn Tây		2	306	4.00	3.25	2.50	9.75	10.00	
22	THV.B04365	Hà Ngọc	Anh	10/08/91		Huyện Hạ Hoà		1	304	3.75	1.75	3.00	8.50	8.50	
23	THV.B04366	Trần Thế	Anh	19/09/90		Huyện Hạ Hoà		1	306	3.75	0.50	2.50	6.75	7.00	
24	THV.B04367	Thắm Lan	Anh	30/09/90	Nữ	Thị xã Tuyên Quang		1		4.25	2.00	2.75	9.00	9.00	
25	THV.B04368	Bùi Thị Yến	Anh	18/11/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.25	1.25	3.50	9.00	9.00	
26	THV.B04369	Trần Việt	Anh	10/08/91		Huyện Mai Châu		1	305	5.50	2.25	2.25	10.00	10.00	
27	THV.B04370	Khương Thị	Anh	12/07/90	Nữ	Huyện Thanh Thủy		1	306	1.75	4.50	2.75	9.00	9.00	
28	THV.B04371	Nguyễn Văn	Anh	04/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		1	306	4.25	3.00	3.25	10.50	10.50	
29	THV.B04372	Nguyễn Thế	Anh	24/03/91		Huyện Phù Ninh	06	1		2.50	1.25	2.75	6.50	6.50	
30	THV.B04373	Vũ Tuấn	Anh	05/11/90		Huyện Phù Ninh		2NT	304	2.75	1.00	2.25	6.00	6.00	
31	THV.B04375	Phạm Thị Lan	Anh	14/09/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	306	4.50	1.50	2.25	8.25	8.50	
32	THV.B04377	Hoàng Ngọc	ánh	27/03/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		6.00	2.50	4.00	12.50	12.50	
33	THV.B04378	Lê Thị Nguyệt	ánh	15/03/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ	06	2		2.25	1.00	3.00	6.25	6.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
34	THV.B04380	Giang Thị Ngọc	ánh	29/03/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	3.75	2.50	2.75	9.00	9.00	
35	THV.B04381	Khổng Văn	Ba	03/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	305	5.00	3.25	3.50	11.75	12.00
36	THV.B04383	Nguyễn Thị	Bắc	28/03/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT		2.75	1.00	3.25	7.00	7.00
37	THV.B04384	Trần Văn	Bằng	14/08/91		Huyện Bình Xuyên		2NT	305	3.25	0.25	2.50	6.00	6.00
38	THV.B04386	Nguyễn Ngọc	Biên	02/10/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.25	0.75	3.25	8.25	8.50
39	THV.B04388	Bùi Thị Ngọc	Bích	04/06/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		4.75	1.25	2.25	8.25	8.50
40	THV.B04389	Lê Thị Ngọc	Bích	01/06/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		2NT	306	4.75	1.25	2.75	8.75	9.00
41	THV.B04391	Trương Thị	Bình	07/12/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.25	0.75	2.75	6.75	7.00
42	THV.B04392	Dương Hoà	Bình	02/12/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	7.25	5.75	5.75	18.75	19.00
43	THV.B04394	Hoàng Thị Trần	Bình	22/11/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.25	5.50	5.00	15.75	16.00
44	THV.B04395	Nguyễn Văn	Bộ	28/01/91		Huyện Phù Ninh		2		6.50	3.00	2.50	12.00	12.00
45	THV.B04396	Hà Thị Thuý	Cảnh	20/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		2.50	1.25	3.00	6.75	7.00
46	THV.B04397	Nguyễn Thị Huyền	Chang	12/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		1		5.75	0.75	3.25	9.75	10.00
47	THV.B04398	Phan Thị	Chang	11/11/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	304	3.50	1.75	2.50	7.75	8.00
48	THV.B04399	Trần Thị Mai	Chang	25/07/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		3.00	1.00	2.75	6.75	7.00
49	THV.B04402	Nguyễn Thị Bích	Châm	04/11/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	4.50	1.00	2.50	8.00	8.00
50	THV.B04403	Trần Thị	Châm	03/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		5.75	2.25	3.75	11.75	12.00
51	THV.B04404	Nguyễn Thị Minh	Châu	27/09/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	306	4.75	1.25	2.50	8.50	8.50
52	THV.B04406	Lương Thị	Chi	06/12/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1		3.50	2.00	4.00	9.50	9.50
53	THV.B04407	Đào Kim	Chi	01/06/90	Nữ	Huyện Thanh Ba		1		3.75	1.50	2.00	7.25	7.50
54	THV.B04408	Nguyễn Thị Kim	Chi	17/08/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		3.50	1.00	3.50	8.00	8.00
55	THV.B04409	Trương Thị	Chi	07/11/90	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	3.75	0.50	2.50	6.75	7.00
56	THV.B04410	Nguyễn Đình	Chiến	04/02/91		TP. Việt Trì		2		3.25	0.75	2.50	6.50	6.50
57	THV.B04411	Lê Duy	Chiến	16/08/90		Huyện Lập Thạch		1	305	2.50	2.75	2.50	7.75	8.00
58	THV.B04412	Chu Thị	Chinh	23/03/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	3.00	1.00	2.25	6.25	6.50
59	THV.B04413	Vương Văn	Chung	10/07/87		Huyện Mường Khương	01	1		5.25	1.75	3.75	10.75	11.00
60	THV.B04414	Nguyễn Thị Kim	Chung	19/02/91	Nữ	TP. Việt Trì	06	2	306	5.25	4.25	5.00	14.50	14.50
61	THV.B04416	Nguyễn Văn	Chung	17/08/91		Huyện Tam Nông		1	306	2.50	1.00	2.50	6.00	6.00
62	THV.B04418	Phạm Văn	Chuyên	07/12/91		Huyện Tam Dương		2NT	306	4.00	2.50	2.75	9.25	9.50
63	THV.B04419	Hoàng Thanh	Chương	07/09/91		Huyện Yên Lập	01	1		4.00	1.25	1.75	7.00	7.00
64	THV.B04420	Hồ Ngọc	Chương	11/09/89		Huyện Mường Khương	01	1		2.75	0.00	1.75	4.50	4.50
65	THV.B04422	Nguyễn Văn	Chương	23/04/91		Huyện Phù Ninh		1		4.00	1.00	2.00	7.00	7.00
66	THV.B04423	Nguyễn Thành	Công	12/11/88		Huyện Tam Nông		1	305	3.25	1.00	2.75	7.00	7.00

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
67	THV.B04424	Nguyễn Thành Công	15/09/91		Thị xã Phú Thọ		1	305	3.00	2.00	3.50	8.50	8.50	
68	THV.B04425	Khổng Minh Công	01/09/90		Huyện Lâm Thao	06	1		4.50	2.00	4.25	10.75	11.00	
69	THV.B04426	Nguyễn Tiến Công	11/03/90		Huyện Phù Ninh		1	304	3.50	2.00	2.25	7.75	8.00	
70	THV.B04427	Vũ Thị Kim Cúc	17/10/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.00	1.25	3.50	9.75	10.00	
71	THV.B04428	Hà Thị Cúc	16/05/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	304	5.00	2.25	3.50	10.75	11.00	
72	THV.B04430	Nguyễn Thị Hồng Cương	10/07/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	305	4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
73	THV.B04431	Đỗ Khắc Cương	23/05/90		Huyện Bảo Thắng		1	305	3.00	0.25	3.50	6.75	7.00	
74	THV.B04432	Đào Xuân Cương	02/12/91		Huyện Phù Ninh		1	306	3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
75	THV.B04433	Hà Huy Cường	25/02/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.00	0.75	3.50	8.25	8.50	
76	THV.B04434	Hoàng Mạnh Cường	24/09/91		Thành phố Yên Bái		1		5.50	5.00	3.50	14.00	14.00	
77	THV.B04435	Lê Mạnh Cường	16/09/90		Thành phố Yên Bái		1	305	4.75	1.00	2.75	8.50	8.50	
78	THV.B04437	Chu Mạnh Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.25	1.50	1.75	7.50	7.50	
79	THV.B04438	Nguyễn Mạnh Cường	06/03/90		Huyện Thanh Sơn		1	305	5.00	1.00	4.50	10.50	10.50	
80	THV.B04439	Lê Văn Cường	20/06/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.50	1.75	3.50	9.75	10.00	
81	THV.B04440	Đỗ Việt Cường	07/08/88		Huyện Thanh Sơn	01	1	304	4.25	2.75	2.75	9.75	10.00	
82	THV.B04441	Nguyễn Duy Cường	20/11/90		Huyện Đoan Hùng		1	306	5.25	2.75	3.50	11.50	11.50	
83	THV.B04442	Nguyễn Thế Cường	01/09/91		Huyện Lâm Thao		2NT	304	6.75	2.50	3.50	12.75	13.00	
84	THV.B04444	Hà Mạnh Cường	16/11/90		Huyện Cẩm Khê		1	305	5.75	3.75	4.50	14.00	14.00	
85	THV.B04445	Hà Quang Dấu	02/05/89		Huyện Thanh Sơn	01	1		3.75	1.25	4.25	9.25	9.50	
86	THV.B04446	Trương Thị Dinh	02/10/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	305	4.25	1.50	3.00	8.75	9.00	
87	THV.B04448	Ma Chấn Dĩ	10/12/89		Huyện Quán Bạ	01	1	305	4.50	1.00	3.50	9.00	9.00	
88	THV.B04450	Nguyễn Thị Kim Doanh	16/05/91	Nữ	Huyện Yên Bình		1		4.50	1.00	4.00	9.50	9.50	
89	THV.B04451	Nguyễn Thuỳ Dung	04/05/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	5.00	4.50	4.25	13.75	14.00	
90	THV.B04452	Lê Thị Ngọc Dung	10/06/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		4.25	1.00	3.50	8.75	9.00	
91	THV.B04455	Lã Thị Dung	10/02/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT		2.50	0.50	1.50	4.50	4.50	
92	THV.B04456	Phạm Thanh Dung	06/04/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	4.50	6.25	4.25	15.00	15.00	
93	THV.B04458	Phùng Thị Kim Dung	26/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	304	2.75	1.75	4.50	9.00	9.00	
94	THV.B04464	Chu Thị Dung	15/01/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.25	1.00	2.50	7.75	8.00	
95	THV.B04465	Hà Thị Dung	11/06/91	Nữ	Huyện Yên Lập	01	1	304	2.50	1.00	2.50	6.00	6.00	
96	THV.B04466	Vũ Thị Kim Dung	01/12/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1	306	3.50	1.75	3.00	8.25	8.50	
97	THV.B04467	Nguyễn Thị Dung	22/10/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	305	3.75	1.00	2.75	7.50	7.50	
98	THV.B04468	Nguyễn Thuỳ Dung	12/09/91	Nữ	Huyện Lâm Thao		1	304	5.25	9.00	8.25	22.50	22.50	
99	THV.B04470	Đào Thị Dung	06/07/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	306	4.00	0.25	2.50	6.75	7.00	

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
100	THV.B04471	Nguyễn Thị Dung	02/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	3.50	1.25	2.00	6.75	7.00	
101	THV.B04472	Trần Thị Dung	20/09/91	Nữ	Huyện Vĩnh Tường		2NT	304	4.00	5.00	3.50	12.50	12.50	
102	THV.B04473	Hà Thị Dung	02/09/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
103	THV.B04474	Nguyễn Kim Dung	03/01/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2	305	4.25	1.25	3.25	8.75	9.00	
104	THV.B04476	Lê Thị Kim Dung	17/12/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT	306	4.00	1.25	2.75	8.00	8.00	
105	THV.B04478	Nguyễn Khánh Duy	01/10/91		Huyện Hạ Hoà		1	305	3.25	2.00	2.50	7.75	8.00	
106	THV.B04480	Lã Thị Duy	28/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2		3.50	1.50	2.50	7.50	7.50	
107	THV.B04481	Nguyễn Đức Duy	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	306	5.75	3.25	4.75	13.75	14.00	
108	THV.B04482	Nguyễn Thị Hồng Duyên	27/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1		5.25	4.00	3.75	13.00	13.00	
109	THV.B04483	Hà Thị Duyên	04/09/91	Nữ	Huyện Tân Sơn	01	1	306	3.50	1.00	1.75	6.25	6.50	
110	THV.B04485	Hoàng Tiến Dũng	02/05/91		TP. Việt Trì		2		3.50	1.00	3.00	7.50	7.50	
111	THV.B04486	Nguyễn Tiến Dũng	18/06/91		Huyện Lâm Thao		1		2.25	1.25	3.25	6.75	7.00	
112	THV.B04487	Chu Văn Dũng	03/07/90		Huyện Bắc Quang		1	304	3.50	1.25	2.50	7.25	7.50	
113	THV.B04488	Dư Văn Dũng	10/01/91		Huyện Tam Nông		1	305	3.75	1.25	2.50	7.50	7.50	
114	THV.B04489	Trần Huy Dũng	18/02/91		Huyện Thanh Ba		2		5.00	6.00	5.25	16.25	16.50	
115	THV.B04490	Lê Tiến Dũng	25/12/90		Thị xã Phú Thọ		2	306	3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
116	THV.B04491	Vì Văn Dũng	01/09/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	4.50	1.50	3.00	9.00	9.00	
117	THV.B04492	Lương Anh Dũng	08/12/91		TP. Việt Trì		1		2.75	1.00	1.75	5.50	5.50	
118	THV.B04493	Nguyễn Đức Dũng	19/09/91		Huyện Phù Ninh		1	305	5.00	3.00	3.50	11.50	11.50	
119	THV.B04495	Nguyễn Tiến Dũng	05/07/91		Huyện Phù Ninh		2NT	305	5.75	3.00	3.50	12.25	12.50	
120	THV.B04496	Đặng Tiến Dũng	07/01/91		TP. Việt Trì		2		4.00	3.25	2.75	10.00	10.00	
121	THV.B04497	Lưu Tiến Dũng	20/05/89		Huyện Bảo Yên	01	1	305	2.25	1.25	2.50	6.00	6.00	
122	THV.B04498	Nguyễn Văn Dũng	13/08/89		Huyện Vị Xuyên	01	1	304	4.00	1.50	4.00	9.50	9.50	
123	THV.B04499	Nguyễn Bảo Dũng	16/06/90		Huyện Hạ Hoà		1	306	5.75	3.00	2.50	11.25	11.50	
124	THV.B04500	Hà Tiến Dũng	07/06/91		Huyện Tân Sơn	01	1		4.25	2.00	2.50	8.75	9.00	
125	THV.B04501	Lê Văn Dũng	17/02/91		TP. Việt Trì		2NT	305	3.50	1.00	2.75	7.25	7.50	
126	THV.B04503	Cao Thị Thuỳ Dương	02/10/89	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	4.50	3.25	2.50	10.25	10.50	
127	THV.B04504	Nguyễn Như Dương	26/09/91		TP. Việt Trì		2	304	5.50	3.25	3.75	12.50	12.50	
128	THV.B04506	Nguyễn Hữu Dương	25/11/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.75	5.25	5.75	15.75	16.00	
129	THV.B04507	Lưu Thị Thuỳ Dương	03/05/90	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		5.25	7.00	4.75	17.00	17.00	
130	THV.B04508	Nguyễn Đức Dương	10/03/91		Huyện Phù Ninh		1		3.50	1.50	2.00	7.00	7.00	
131	THV.B04509	Hà Bạch Dương	28/02/91		Huyện Cẩm Khê	01	1		2.75	0.00	1.75	4.50	4.50	
132	THV.B04510	Nguyễn Quang Dự	10/12/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.50	2.75	3.50	10.75	11.00	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
133	THV.B04511	Nguyễn Thị Đào	12/02/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1	306	3.75	1.75	3.25	8.75	9.00	
134	THV.B04513	Nguyễn Thị Đào	20/04/91	Nữ	Huyện Đoan Hùng		1		5.00	4.00	4.25	13.25	13.50	
135	THV.B04514	Phạm Bích Đào	22/03/90	Nữ	Huyện Phù Ninh		1		4.50	1.25	3.00	8.75	9.00	
136	THV.B04515	Lữ Văn Đăng	30/08/91		Huyện Thanh Sơn	01	1	306	2.75	1.00	2.50	6.25	6.50	
137	THV.B04516	Nguyễn Đức Đại	06/09/90		Huyện Thanh Ba		1	306	4.25	1.00	3.00	8.25	8.50	
138	THV.B04519	Hà Đức Đạt	11/05/91		Huyện Lập Thạch		1	304	3.25	6.00	5.50	14.75	15.00	
139	THV.B04521	Trương Văn Đạt	15/04/87		Huyện Mường Khương	01	1		3.50	1.00	2.50	7.00	7.00	
140	THV.B04523	Nguyễn Đình Đạt	18/12/90		Huyện Lâm Thao		2NT	306	4.75	1.00	1.75	7.50	7.50	
141	THV.B04524	Nguyễn Hoàng Đăng	16/07/91		Huyện Thanh Sơn		1		5.00	1.00	2.75	8.75	9.00	
142	THV.B04525	Nguyễn Văn Đăng	15/06/91		TP. Việt Trì		2		3.25	1.25	1.50	6.00	6.00	
143	THV.B04527	Hoàng Thị Diệp	25/12/90	Nữ	TP. Việt Trì		2	304	2.25	1.25	2.75	6.25	6.50	
144	THV.B04528	Nguyễn Ngọc Diệp	04/05/91		Huyện Phù Ninh		1	305	3.75	2.50	2.50	8.75	9.00	
145	THV.B04529	Phạm Quốc Đoàn	20/10/91		Huyện Hạ Hoà		1		4.75	4.00	3.00	11.75	12.00	
146	THV.B04530	Lê Đại Đoàn	10/03/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.75	1.00	1.50	6.25	6.50	
147	THV.B04532	Trịnh Quý Đô	13/10/88		Huyện Yên Lập	01	1		3.25	1.00	2.50	6.75	7.00	
148	THV.B04533	Vì Hải Đông	23/08/90		Thị xã Phú Thọ		2		2.75	1.25	3.00	7.00	7.00	
149	THV.B04535	Đỗ Văn Đông	29/09/91		Huyện Mê Linh		2NT	306	6.00	3.00	4.00	13.00	13.00	
150	THV.B04536	Nguyễn Văn Đông	26/01/91		Huyện Tam Dương		2NT	306	6.50	4.25	2.75	13.50	13.50	
151	THV.B04537	Hán Văn Đông	27/02/90		Huyện Thanh Ba		2	305	3.00	2.75	3.50	9.25	9.50	
152	THV.B04538	Nguyễn Văn Đông	23/02/91		TP. Việt Trì		2	304	3.50	1.50	3.25	8.25	8.50	
153	THV.B04541	Nguyễn Trung Đức	23/05/91		Thị xã Phú Thọ		2	306	5.75	3.75	3.50	13.00	13.00	
154	THV.B04542	Nguyễn Trọng Đức	20/10/90		TP. Việt Trì		2	306	5.25	2.50	3.50	11.25	11.50	
155	THV.B04543	Nguyễn Thị Gám	01/07/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT		3.50	1.00	1.50	6.00	6.00	
156	THV.B04545	Lê Thị Thuý Giang	13/04/91	Nữ	Huyện Yên Lập		1		4.50	2.25	3.50	10.25	10.50	
157	THV.B04546	Lê Hương Giang	27/05/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.50	1.50	3.50	9.50	9.50	
158	THV.B04548	Hoàng Hương Giang	20/11/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.50	3.50	3.75	12.75	13.00	
159	THV.B04550	Nguyễn Thị Hương Giang	22/08/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		1	306	4.50	1.00	3.25	8.75	9.00	
160	THV.B04552	Nguyễn Trường Giang	25/08/91		Huyện Lâm Thao		2		5.50	1.00	2.50	9.00	9.00	
161	THV.B04553	Lỗ Thị Thu Giang	04/06/90	Nữ	Huyện Thanh Sơn		1	304	5.25	6.50	2.75	14.50	14.50	
162	THV.B04557	Mua Mí Giàng	14/03/88		Huyện Đông Văn	01	1	305	3.50	1.75	3.25	8.50	8.50	
163	THV.B04558	Nguyễn Văn Một Hai	02/02/91		Huyện Thanh Sơn		1	305	3.75	2.25	2.50	8.50	8.50	
164	THV.B04561	Đỗ Thị Thu Hà	27/03/91	Nữ	TP. Việt Trì		2	305	5.50	1.75	4.00	11.25	11.50	
165	THV.B04562	Nguyễn Thị Thu Hà	17/12/90	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	4.50	2.00	3.75	10.25	10.50	

THV B Trường Đại học Hùng Vương

STT	Số Báo Danh	Họ và Tên	Ngày sinh	Phái	Hộ khẩu	ĐT	KV	NG	ĐM1	ĐM2	ĐM3	ĐTC0	ĐTC	Ghi chú
166	THV.B04563	Hồ Thị Thu Hà	02/09/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	306	5.50	3.75	5.00	14.25	14.50	
167	THV.B04564	Phạm Thu Hà	10/02/90	Nữ	Huyện Văn Bàn		1	305	2.00	1.00	2.25	5.25	5.50	
168	THV.B04565	Cù Thị Hà	20/10/91	Nữ	Huyện Cẩm Khê		2NT	304	3.00	1.75	3.00	7.75	8.00	
169	THV.B04566	Nguyễn Thị Thuý Hà	07/01/91	Nữ	Huyện Hạ Hoà		1	305	4.50	3.00	4.50	12.00	12.00	
170	THV.B04567	Trần Thanh Hà	22/06/90		Huyện Lâm Thao		2NT	304	3.50	1.75	3.50	8.75	9.00	
171	THV.B04570	Nguyễn Thị Hồng Hà	05/02/90	Nữ	Huyện Lâm Thao		2		5.50	5.00	4.50	15.00	15.00	
172	THV.B04571	Ngô Thị Thu Hà	05/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	4.50	2.00	2.50	9.00	9.00	
173	THV.B04573	Dương Thị Hà	08/04/91	Nữ	Huyện Bình Xuyên		2NT	306	5.50	3.75	2.75	12.00	12.00	
174	THV.B04574	Nguyễn Thị Hà	04/01/91	Nữ	Thị xã Phúc Yên		2	306	4.25	1.00	2.75	8.00	8.00	
175	THV.B04575	Cao Thị Thuý Hà	26/06/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1	304	3.25	1.00	4.00	8.25	8.50	
176	THV.B04576	Phí Thị Thu Hà	12/06/91	Nữ	Huyện Tam Dương		2NT	306	3.00	0.75	2.00	5.75	6.00	
177	THV.B04577	Ngô Thị Ngọc Hà	16/06/90	Nữ	Huyện Tam Nông		1		5.75	1.75	3.00	10.50	10.50	
178	THV.B04579	Tạ Thị Ngọc Hà	05/10/91	Nữ	Huyện Tam Nông		1		4.50	2.50	3.50	10.50	10.50	
179	THV.B04580	Lê Văn Hải	20/12/90		Huyện Thanh Ba		2	305	4.25	1.25	3.00	8.50	8.50	
180	THV.B04581	Bùi Thị Thanh Hải	10/02/91	Nữ	Huyện Thanh Sơn	01	1		4.50	1.75	2.25	8.50	8.50	
181	THV.B04582	Lê Thị Hải	08/08/91	Nữ	Huyện Bát Xát		1		6.00	2.25	4.25	12.50	12.50	
182	THV.B04583	Kiều Việt Hải	29/12/91		Huyện Bảo Thắng		1		2.75	1.00	1.50	5.25	5.50	
183	THV.B04584	Trần Ngọc Hải	18/06/90		Huyện Trấn Yên		1	305	3.75	2.75	3.50	10.00	10.00	
184	THV.B04585	Hà Hắc Hải	10/11/91		Huyện Tam Nông		1		4.25	1.75	1.75	7.75	8.00	
185	THV.B04586	Nguyễn Thanh Hải	28/07/91		Huyện Lâm Thao		1	306	2.75	1.00	3.00	6.75	7.00	
186	THV.B04587	Nguyễn Văn Hải	07/05/91		Huyện Đoan Hùng		1	306	4.50	1.50	1.50	7.50	7.50	
187	THV.B04588	Phan Thị Thanh Hải	06/04/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		1		4.50	4.00	6.75	15.25	15.50	
188	THV.B04589	Nguyễn Văn Hải	28/01/91		TP. Việt Trì		2	305	3.25	1.00	1.50	5.75	6.00	
189	THV.B04590	Nguyễn Thị Hải	17/01/91	Nữ	Huyện Thanh Ba		2		5.50	1.50	2.50	9.50	9.50	
190	THV.B04591	Nguyễn Thị Hải	05/01/91	Nữ	Huyện Lập Thạch		2NT		5.00	4.25	4.50	13.75	14.00	
191	THV.B04592	Triệu Thanh Hải	02/10/90		Huyện Hạ Hoà		1		6.50	3.50	5.50	15.50	15.50	
192	THV.B04594	Đặng Xuân Hải	15/06/91		Huyện Phù Ninh	06	1	304	4.25	1.75	2.75	8.75	9.00	
193	THV.B04595	Cao Minh Hải	24/04/91		Huyện Vĩnh Tường		2NT	306	5.50	1.00	2.25	8.75	9.00	
194	THV.B04597	Nguyễn Thị Hải	13/11/91	Nữ	Huyện Phù Ninh		1	304	5.50	5.50	3.50	14.50	14.50	
195	THV.B04598	Chu Ngọc Hải	22/04/91		Thị xã Phú Thọ		2		4.50	5.00	4.50	14.00	14.00	
196	THV.B04599	Cao Thị Hải	15/12/89	Nữ	Huyện Lâm Thao		2NT	304	4.75	1.00	3.50	9.25	9.50	
197	THV.B04600	Nguyễn Thị Bích Hạnh	23/03/90	Nữ	Huyện Yên Lập		1		3.50	1.00	3.50	8.00	8.00	
198	THV.B04601	Đặng Thị Hạnh	09/09/91	Nữ	Thị xã Phú Thọ		2		4.75	1.50	2.50	8.75	9.00	